Cùng một người viết

AN THUẬN QUẢ DUYÊN
Nxb Tôn Giáo, 2014
ÁNH SÁNG
CỦA TRẦN GIAN
Nxb Hồng Đức, 2018
CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN
Nxb Tôn Giáo, 2010, 2011, 2012
HÀNH TRANG
NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI
Nxb Tôn Giáo,
2010 (in 2 lần), 2012, 2013
ƠN CỨU ĐỘ
Nxb Tôn Giáo, 2013, 2016
THIÊN ĐÀNG
ĐỊA NGỤC HAI BÊN
Nxb Tôn Giáo, 2014

Chương Trình
Chung Tay Ấn Tống
Kinh Sách Đại Đạo
thực hiện

ISBN: 978-604-89-5780-3

Sách ấn tống. Không bán.

DIỆU NGUYÊN

ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIAN

NXB HỒNG ĐỨC

Diệu Nguyên

ÁNH SÁNG *của* TRẦN GIAN

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

ÁNH SÁNG
CỦA TRẦN GIAN

Quyển **120-1** trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo
Kính mừng đại lễ kỷ niệm KHAI MINH ĐẠI ĐẠO (15-10 Mậu Tuất, 2018)

Ngọn đèn dầu nhỏ đến đâu cũng đem ánh sáng đến cho đêm tối,
từ đạo tâm cá nhân đến đạo tâm đại đồng,
sẽ chuyển được thế cuộc hung tàn trở nên thánh thiện.
Đức **Quan Âm Bồ Tát**, *Minh Đức Tu Viện,*
13-01 Ất Mão (Thứ Sáu 24-01-1975)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

———————

DIỆU NGUYÊN

ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIAN

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**

Hà Nội 2018

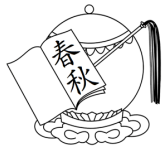

Ấn tống lần thứ nhất ba ngàn quyển, do công quả
ba mươi ba triệu đồng (gởi đợt 139, 141) của
gia đình quý môn sanh thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà
(thuộc Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên), gồm có:

hiền huynh **NGÔ VĂN HAI**
và các bào đệ, bào muội: **NGÔ VĂN BIẾT**, **NGÔ THỊ ĐIỀU**,
giác linh **NGÔ VĂN BẢNH**, giác linh **NGÔ VĂN DẪU**.

Đồng kỉnh thành hồi hướng cửu huyền thất tổ siêu thăng,
hiệp tâm cầu nguyện gia đạo vững bền, dân an quốc thái,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoằng dương,
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng *KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán* bất kỳ kinh sách nào do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo thực hiện. Để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biếu), trân trọng kính mời quý vị gởi thư về *daidaovanuyen@gmail.com*.

Kinh sách được ấn tống để kính biếu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các vị ân nhân ấy, xin quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của quý vị.

BAN ẤN TỐNG

NỘI DUNG

Giao Cảm 6

1. ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIAN 7

2. ẨN ÁC DƯƠNG THIỆN 23

3. CÁC EM TÔI 43

4. ĐỨC GIÊSU KITÔ ĐÃ TRỞ LẠI 49

5. ĐỨC THỊNH THỜI HƯNG 68

6. ÍCH LỢI CỦA VIỆC CÚNG KÍNH 85

7. NGƯỜI TU HỌC TÁNH CỦA NƯỚC 99

8. NHẠC TRÙNG DƯƠNG TRỖI
MUÔN DÒNG TRÙNG DƯƠNG 116

9. THÁNH ĐƯỜNG NỘI TÂM 133

10. THUỐC TIÊN 154

Ảnh bìa mượn của:
http://sunlightinstitute.org/wp-content/uploads/2015/02/shutterstock_423334756.jpg

Đinh Thị Thanh Mai giữ bản quyền © 2018

GIAO CẢM

Đức Chí Tôn dạy: *Các con cố gắng mót bòn dành dụm trong khoảng đời tu học như con kiến tha mồi lâu ngày ắt đầy ổ đó các con.*[1] Tập sách nhỏ này hình thành chính là một phần kết quả những *cố gắng mót bòn dành dụm trong khoảng đời tu học* của Diệu Nguyên, từ lúc là một thanh nữ trong tập thể Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý cho tới hôm nay, được may mắn làm một bạn đạo có duyên lành với nhiều tín hữu áo trắng, nhờ các dịp đăng đàn tại một số thánh thất, thánh tịnh gần xa.

Thật vậy, hiệp tuyển này vốn là mười câu chuyện được Diệu Nguyên chia sẻ với anh chị em mình vào những ngày sóc vọng, khi tại quận này, lúc ở huyện kia, mà hầu như nơi nào cũng đông bổn đạo mộc mạc, chơn chất, luôn luôn khao khát được cơ hội để thấm nhuần giáo lý Kỳ Ba, để thêm chút hành trang trên đường dài trở về mái nhà xưa, bên Thầy bên Mẹ.

Chương Trình Chung Tay Ấn Tống xin tri ân công đức của gia đình hiền huynh Ngô Văn Hai (thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà) với lòng quý mến tác giả, phát tâm pháp thí ba ngàn bản in này.

Chúng con cầu nguyện Đức Chí Tôn ban hồng ân phước huệ đến cửu huyền thất tổ và đại gia đình môn sanh Ngô Văn Hai.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

---

[1] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-02 Nhâm Tý (Thứ Tư 29-3-1972).

ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIAN

Thế giới nhân loại ở thế kỷ 21 có một nền văn minh khoa học tân kỳ diệu ảo. Ban đêm, các thành phố lớn đều sáng choang ánh đèn điện với những bảng quảng cáo néon đủ màu xanh đỏ tím vàng... Thế nhưng, nhân loại vẫn còn mãi đắm chìm trong bóng đêm tăm tối của tội lỗi, của thù hận rẽ chia, của bạo lực khủng bố, của chiến tranh đau thương tang tóc, của bao nỗi bất hạnh khổ đau vây bủa kiếp người trên cõi thế gian này. Do đó, nhân loại rất cần đến một thứ ánh sáng đặc biệt, đó là ánh sáng đạo lý.

Thật vậy, nếu con người biết sống đúng theo đạo lý, theo luân lý tam cang ngũ thường thì trong xã hội làm gì có cảnh kẻ làm quan tham nhũng, nhận hối lộ, hà hiếp nhân dân, buôn dân bán nước, hay là con giết cha, vợ giết chồng, chồng giết vợ, anh em giết hại lẫn nhau để chiếm đoạt gia tài... (Trên thế giới, quốc gia nào biết quý trọng luân lý đạo đức thì xã hội rất an bình, trật tự, phồn vinh. Chẳng hạn như đất nước Singapore, Bộ Giáo Dục đưa luân lý Nho Giáo vào chương trình giảng dạy học đường,[1] nhờ đó mà xã hội

[1] Tiến Sĩ Ngô Khánh Thụy, Phó Thủ Tướng thứ Nhất kiêm Bộ Trưởng Giáo Dục Singapore triển khai từ tháng 02-1982. Xem: Huệ Khải, *Triết Lý Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 40-43. (Quyển 28-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

Singapore được ổn định, văn minh trật tự, các tội phạm hình sự được giảm thiểu, người dân biết tôn trọng kỷ cương pháp luật của quốc gia...).

Và nếu con người hiểu được đạo lý rằng tất cả nhân loại đều là anh em cùng một Đấng Cha chung (Thượng Đế) thì làm gì có cảnh phân biệt chủng tộc, kỳ thị rẽ chia gây nên những cuộc khủng bố, chiến tranh tang tóc khắp nơi trên thế giới.

Bởi vậy, ánh sáng đạo lý rất cần thiết cho xã hội nhân loại ngày nay đang chìm đắm trong màn đêm tăm tối đầy tội lỗi của buổi hạ nguơn.

Đức Thánh Trần Hưng Đạo dạy:

Hỡi chư hiền! Đời càng hỗn loạn, đạo càng phải trị.

Đời toan tách rời đạo, đạo bắt buộc phải đi vào đời. Đời đã xa đạo, đạo phải tha thiết kêu gọi người đời. Ngọn đuốc thiêng không bao giờ đốt lên khi trời quang đãng, mà chính phải dùng trong đêm tối âm u.[2]

Và một khi ánh sáng đạo lý soi rọi đến đâu thì màn đêm tội lỗi sẽ tan biến dần đến đó. Đức Minh Đức Đạo Nhơn dạy:

Hễ ánh sáng đạo đức chơn lý chiếu rọi đến đâu thì những màn đêm hắc ám và những muỗi mòng, ruồi nhặng tan biến dần đến đó.[3]

Thế nhưng, Đức Minh Đức Đạo Nhơn lưu ý:

[2] Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Mậu Thân (Thứ Tư 07-02-1968).

[3] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 19-02 Nhâm Tý (Thứ Sáu 24-3-1972).

Chỉ sợ e rằng <u>mình</u> không rọi được ánh sáng ấy cho quang minh chói lọi mà thôi.[4]

Lời dạy này nói lên vai trò của người tín hữu các tôn giáo. <u>*Mình*</u> đây chính là người đã giác ngộ trước, hiểu được đạo lý, có bổn phận phải sống đúng theo đạo lý, và có trách nhiệm cầm ngọn đuốc đạo lý soi đường cho nhân thế thoát khỏi cảnh tối tăm tội lỗi. Nói một cách khác, mỗi đạo hữu là một ngọn đuốc, là ánh sáng của thế gian.

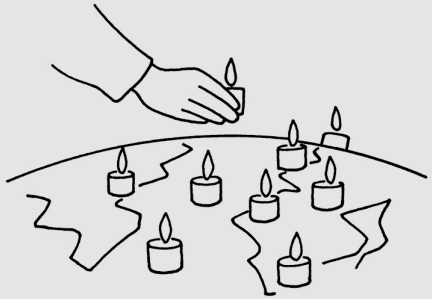

Anh em là ánh sáng của trần gian. (Matthêu, 5:14)

Hơn hai ngàn năm trước, Đức Giêsu dạy các tông đồ: *Anh em là ánh sáng của trần gian.*[5] Ngày nay, Đức Mẹ dạy các bậc hướng đạo, người chơn tu phải là cây đuốc thần hay ngọn đèn huệ:

Đuốc thần cậy trẻ soi chơn lý
Đèn huệ nhờ con rọi niết bàn.[6]

[4] Như chú thích (3).

[5] *You are the light of the world.* (Matthêu, 5:14)

[6] Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), 15-8 Ất Tỵ (Thứ Sáu 10-9-1965).

Chơn lý hay đạo lý vẫn luôn hiện hữu, ẩn tàng trong thiên nhiên và trong cuộc sống của vạn loại, thế nhưng phải cậy đến đoàn người giác ngộ đi trước làm cây đuốc thần soi cho thế nhân nhìn thấy chơn lý, hiểu được chơn lý và thực hành chơn lý.

Niết bàn là cõi cực lạc hay thiên đàng vẫn luôn hiện hữu, thế nhưng muốn đến được niết bàn cần phải biết đường đi. Các hàng hướng đạo, bậc chơn tu chính là ngọn đèn huệ để soi rọi con đường cho nhơn sanh đi đến niết bàn.

Muốn làm ngọn đèn huệ hay cây đuốc thần soi đường cho thế nhân thì mỗi người hướng đạo, bậc chơn tu phải luôn khêu sáng ánh Đạo tự hữu (Phật tính hay Thượng Đế tính hay Linh Quang), đó là ánh sáng nội tâm hay ngọn tâm đăng không bao giờ tắt trong lòng mỗi người. Muốn thế, mỗi người tín hữu cần phải học hiểu đạo lý, phải tu tập và phải công phu thiền định để có được trí huệ thì mới có thể làm ngọn đèn sáng soi đường cho nhơn sanh.

Trong quyển *Sa Thạch Tập* của Thiền Sư Vô Trú (*Muju*, 1227-1312) có câu chuyện như sau:

Thời xưa bên Nhật, ban đêm người ta thường dùng đèn lồng bằng tre thắp ngọn nến bên trong. Một người mù đến thăm bạn, và khi ra về vào ban đêm được bạn tặng cho cái đèn lồng để soi đường đi. Người mù bảo: "Tôi không cần đèn. Đối với tôi, tối và sáng cũng như nhau."

Người bạn đáp: "Tôi biết anh không cần đèn để soi đường nhưng nếu anh không mang đèn thì người khác có thể đâm sầm vào anh đó. Anh nên cầm một cái."

Người mù nghe nói chí lý nên đồng ý cầm chiếc đèn lồng.

Anh đi được một quãng khá xa thì bỗng đâu có người đang vội, chạy đâm sầm vào anh. Người mù la lên: "Coi kìa, đi đâu vậy! Không thấy đèn của tôi sao?"

Người kia đáp: "Đèn tắt từ đời tám hoánh rồi ông ơi!"

Dụ ngôn này ngụ ý rằng giá trị đích thực của sự sáng phải xuất phát từ bên trong mỗi người chứ không phải thứ gì vay mượn từ bên ngoài.

Nếu một tín hữu nhập môn vào Đạo lâu năm mà không ra sức tu sửa bản thân, khoát vén tảo trừ những lớp tham sân si, lục dục thất tình đang phủ mờ điểm Đạo tự hữu mà Thượng Đế đã ban cho mỗi người thì họ chỉ khoác bên ngoài chiếc áo đạo, còn bên trong vẫn cứ là một tâm hồn phàm phu, làm sao có thể trở thành ngọn đèn sáng để soi đường cho bản thân mình và cho nhơn sanh trở về bến khởi nguyên của vạn loại là Thượng Đế Chí Tôn.

Ánh sáng ấy có được là nhờ quá trình thực tu thực chứng

của mỗi người. Đó là quá trình thực hành công quả phụng sự giúp ích cho tha nhân, công trình luyện kỷ trau giồi tâm hạnh, công phu tham thiền tịnh định để đạt được trí huệ minh triết. Đức Mẹ dạy:

(N)gọn đèn từ huệ, hay ánh sáng tâm đăng cũng thế. Đó là bí quyết tu hành của Kỳ Ba đại ân xá. Ánh sáng vị tha sẽ rọi sáng lòng ích kỷ, Ánh sáng bác ái sẽ rọi sáng bóng tối hẹp hòi. Ánh sáng tình thương sẽ phá tan màn đêm u tối. Ánh sáng từ bi sẽ dẫn lối cứu khổ của cuộc đời. Ánh sáng công phu sẽ phá tan màn lưới vô minh. Ánh sáng công quả sẽ chan hòa tánh hẹp hòi bon chen ích kỷ. Ánh sáng phúc đức sẽ tiêu rỗi nghiệp chướng tiền khiên. Ánh sáng nhơn hòa sẽ phá tan phái phe kỳ thị. Mà các con trong hàng Thiên ân hướng đạo cho đến các hàng tín hữu môn sanh, mỗi mỗi con đều có ánh sáng thiên lương, thiên phú; từ lâu vì bị nhơn dục lấp che, phàm ngã phủ mờ, làm cho các con tối tăm trên bước đời hoạn lộ. Nay Tam Kỳ Phổ Độ, Trời hé máy Thiên cơ vạch đường chỉ lối cho tu, ráng tập luyện công trình, công quả, công phu, thì chắc chắn một kiếp sẽ được thành công đắc quả.[7]

Các Đấng Thiêng Liêng còn nhắc nhở hàng môn đệ Cao Đài phải ý thức những điểm sau đây:

1. Ai ai cũng đều có điểm Đạo tự hữu trong nội tâm. Thế nên, tất cả mọi người, dù ở vị trí nào trong xã hội cũng đều có thể làm ánh sáng cho trần gian. Đừng nghĩ rằng chỉ có bậc xuất gia tu hành vào chùa nhập thất mới làm được sứ mạng cứu độ quần sanh.

---

[7] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-02 Đinh Tỵ (Chủ Nhật 03-4-1977).

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Hôm nay Bần Đạo nhìn thấy chư hiền đệ, hiền muội tất cả đều có một điểm đạo mầu sáng chói tận tâm linh. Hãy khêu lên cho tỏ rạng. Hãy trau dồi cho sáng suốt linh động.

Dầu mỗi người mỗi việc, hoàn cảnh có khác nhau nhưng điểm đạo mầu không khác. Chỉ có một điều đáng tiếc nếu chư hiền đệ, hiền muội lãng quên trong giây phút, ngày lại tháng qua để mờ tối lấp che, rất uổng một nguyên nhân [8] *hạ thế.*

Mỗi người mỗi sứ mạng. Từ xã hội cho đến đạo giáo [9] *đều là sứ mạng Thiêng Liêng có đặt để. Không phải cần đến sắc phục hình tướng của người tu hành mới làm được sứ mạng cứu độ quần sanh nếu chưa cải tạo được hoàn cảnh. Cũng không cần vào chùa nhập thất mới cứu độ được quần sanh nếu thiếu điều kiện hoặc phương tiện.*

Muốn cứu độ quần sanh, muốn tạo đời thái bình an lạc, muốn tạo Tiên tác Phật, làm quân tử trượng phu đều do nơi tâm linh và hành động của con người trong vị trí.[10] *Phải hiểu rõ ràng như vậy để mà tu.*[11]

Như vậy, mỗi người trong xã hội, dù là một bác sĩ hay kỹ sư, một giáo viên hay doanh nhân, một nông phu hay công nhân vệ sinh, một người tu sĩ xuất gia hay cư sĩ tại gia, v.v… đều có thể làm ánh sáng cho trần gian.

---

[8] *Nguyên nhân*: Những linh căn vốn ở cõi trời, nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời; khác với *hóa nhân* là những ai từ kim thạch, thảo mộc, cầm thú tiến hóa lên làm người.

[9] *Đạo giáo*: Tôn giáo.

[10] *Trong vị trí*: Trong cương vị (*position*) của mình.

[11] Chơn Lý Đàn, 01-4 nhuần Giáp Dần (Thứ Tư 22-5-1974).

Bác sĩ James C. Brown chuyên về chụp X quang trẻ em, giảng dạy tại khoa X Quang trường Y thuộc Viện Đại Học Creighton, thành phố Omaha, bang Nebraska (nước Mỹ). Khi còn hành nghề tư, trị bệnh trẻ em, bác sĩ bận rộn cả ngày lẫn đêm. Ông thường thức rất khuya trong phòng mạch, cặm cụi nghiên cứu bệnh án. Một tối nọ, khi ông đang nghiên cứu trường hợp một bệnh nhi thì có tiếng gõ cửa.

Đó là Brian, mười sáu tuổi, một bệnh nhân quen mặt từ mấy năm qua. Ông ôn tồn hỏi cớ sao cậu lại lang thang vào lúc 2 giờ sáng. Cậu nói vì muốn dạo mát và tĩnh tâm suy nghĩ.

Thay vì xem cậu là kẻ quấy rầy, ông gạt hết giấy tờ sang một bên, kéo ghế mời cậu ngồi chơi và bắc ấm nước pha chút sô-cô-la uống cho ấm trong lúc tán gẫu.

Như thể trò chuyện với người bạn ngang vai vế, cậu lần lượt bày tỏ những phiền muộn, âu lo, thất vọng trong cuộc sống. Cậu than thở về ước vọng muốn làm kiến trúc sư nhưng sức học của cậu kém quá. Hiện tại cậu cảm thấy mình giống như gánh nặng cho cha mẹ.

Bác sĩ chú ý lắng nghe, biểu lộ sự cảm thông và thấu hiểu. Ông hứa giúp cậu gặp vài kiến trúc sư ông quen biết để họ chỉ dẫn cậu. Ông vạch cho cậu thấy những chiều hướng tích cực và khuyên cậu tiếp tục nhẫn nại học tập. Sau hai giờ trò chuyện, ông ân cần lái xe đưa cậu về tận nhà.

Sau đó cậu năng trở lại hàn huyên với bác sĩ, nhưng không phải vào cái giờ oái oăm kia nữa. Dần dần cậu tỏ ra lạc quan hơn và thỉnh thoảng báo cho bác sĩ biết những chuyển biến tốt đẹp trong cuộc sống.

Sáu tháng sau cái đêm tâm sự nọ bác sĩ dọn nhà đến một

nơi khác. Ông và cậu chia tay một năm, bặt dứt liên lạc. Thế rồi bất ngờ ông nhận được thiệp cậu mời đến dự lễ tốt nghiệp trung học. Kẹp trong tấm thiệp gấp đôi ấy là lá thư viết tay:

Cháu muốn cảm ơn bác sĩ đã săn sóc cháu cái đêm hôm ấy. Đêm ấy cháu đã toan tự tử. Khi lang thang dưới phố và nhìn thấy phòng mạch còn sáng đèn, chẳng hiểu cái gì xui khiến, cháu quyết định ghé vào. Lần trò chuyện ấy bác sĩ đã giúp cháu nhận ra những điều tốt đẹp mà đời cháu đang có. Những lời khuyên của bác sĩ có ích cho cháu biết bao nhiêu. Giờ đây cháu đã tốt nghiệp trung học và đã được nhận vào đại học kiến trúc. Cháu chẳng còn gì vui sướng hơn. Cháu biết sau này cháu còn gặp nhiều khó khăn, nhưng cháu biết cháu sẽ vượt qua tất cả. Cháu hết sức biết ơn ánh đèn đêm nao ở phòng mạch bác sĩ.

Năm 1997, trong một hồi ức về nghề nghiệp, khi nhắc đến trường hợp Brian, bác sĩ James C. Brown viết rằng:

Có một ánh sáng, hay là năng lượng, nó tỏa ngời trong ta và xuyên thấu qua ta, để soi lối dẫn đường và nâng đỡ bản thân ta cũng như anh em đồng loại của ta.

Phải chăng đấy là ánh sáng thiên lương mà chỉ những khi biết nghĩ tới người khác thì ánh sáng ấy mới lan tỏa ra khắp chung quanh? [12]

2. Muôn việc làm ở thế gian muốn thành công đều cần có lòng kiên trì nhẫn nại vượt qua mọi nghịch cảnh (khó khăn, trở ngại). Bậc hướng đạo hay người chơn tu là những người đang cầm ngọn đèn đi trong đêm tối soi đường cho thế nhân cũng phải kiên nhẫn vượt qua mọi hoàn cảnh và giữ cho ngọn tâm đăng của chính mình luôn cháy sáng. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Chư hiền đệ, hiền muội đã ý thức được sự mầu nhiệm cao thâm của đạo lý, đã ý thức được trách vụ của mình trong cơ chấn hưng đạo đức, sửa thế lập đời thuần lương thánh đức, thì hãy thận trọng kiên trì với trách vụ để vượt qua lúc phong ba bão tố, nghịch cảnh quay cuồng trong thời thất điên bát đảo.

Là những người cầm ngọn đèn đi trong đêm tối, không vì lý do gì làm cản trở trì trệ bước đi của kẻ cầm đèn rọi đường cho nhơn loại.[13]

Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn chính thức khai mở vào ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần (1926), lúc đất nước Việt Nam đang bị ách đô hộ của thực dân Pháp. Chính quyền thực dân luôn có ý định triệt tiêu nền đạo mới vì nghi ngờ rằng đây là hội kín trá hình có âm mưu chống lại chính quyền thuộc địa. Do đó, chư vị Tiền Khai Đại Đạo có sứ mạng hoằng khai mối đạo lúc bấy giờ hầu hết đều phải chịu cảnh vào tù ra khám hoặc bị đày đi đảo xa. Sau khi thoát xác và trở lại thế gian qua ngọn linh cơ, Đức Thượng Trung Nhựt và Đức Ngọc Lịch Nguyệt có lần hồi tưởng:

Chúng Tiên Huynh đã trải qua biết bao lúc thăng trầm bĩ thới, trở ngại khó khăn, vào khám ra tù, lưu vong đất khách, hy sinh để tiếp nhận sứ mạng lập nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

[12] Huệ Khải, "*Lắng Nghe Và Thấu Hiểu",* in trong *Sống Đẹp Là Sống Đạo*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2017, tr. 186-188. (Quyển 105-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

[13] Minh Lý Thánh Hội, 08-12 Đinh Mùi (Chủ Nhật 07-01-1968).

từ năm Bính Dần cho đến ngày cởi bỏ xác phàm, rũ sạch những oan khiên nghiệp chướng.[14]

Đức Lê Kim Tỵ cũng bày tỏ ý chí kiêu hùng xem thường sự sống thác trước thế lực của ngoại bang muốn triệt tiêu mối Đạo nhà:

Một tay, một cánh chống Lang Sa
Họ quyết bóp tan mối Đạo nhà
Sống thác thường tình đâu có nệ
Cho người biết được khí hùng ta.[15]

Có nhiều vị đã chấp nhận hy sinh thân mạng để bảo toàn danh thể Đạo, trong đó có tiền bối Hoàng Ngọc Trác (đắc quả Liễu Tâm Chơn Nhơn). Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn bày tỏ:

Xác phàm tuy mất, khí thiêng còn
Nỗi Đạo, nỗi đời, nỗi nước non
Có gặp lửa hồng vàng biết giá
Tử sanh cũng giữ Đạo vuông tròn.[16]

Thế nên, Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn cảm thán:

Ôi nhắc đến mà lòng tha thiết
Bậc tiền khai tâm huyết trải trang
Biết bao gian khổ trần hoàn
Điểm tô xây đắp Việt bang Cao Đài.[17]

[14] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 14 rạng 15-02 Đinh Mùi (Thứ Sáu 24 rạng Thứ Bảy 25-3-1967).

[15] Vĩnh Nguyên Tự, 01-01 Bính Ngọ (Thứ Sáu 21-01-1966).

[16] Thánh thất Bình Hòa, 26-12 Đinh Mùi (Thứ Hai 15-01-1968).

[17] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-6 Quý Sửu (Thứ Bảy 14-7-1973).

Thế mà, huynh tỷ đệ muội chúng ta ngày nay, có khi vì một lời chỉ trích của đồng đạo, vì một bất đồng ý kiến nhỏ, chúng ta bỏ đạo, bỏ tịnh thất, rời xa tập thể và đánh mất luôn cơ hội tu học hành đạo lập công bồi đức của mình.

Do đó, Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Đối với lòng người tu hành học đạo, không nên vướng mắc vào chỗ sáng tối của ngoại cảnh, mà hãy luôn luôn khêu tỏ ngọn tâm đăng để soi sáng cho chính mình trong thế cuộc, đó mới đúng lẽ Đạo của người tu.[18]

3. Không ai đốt đèn rồi để bên dưới cái chõng (cái giường) mà phải để trên cao để ánh sáng lan tỏa khắp không gian. Đức Giêsu dạy:

Một thành xây trên núi không tài nào che giấu được. Cũng chẳng có ai thắp đèn lên rồi lại đặt bên dưới cái thùng, nhưng đặt trên đế, và nó soi sáng cho mọi người trong nhà. Cũng vậy, ánh sáng của anh em phải chiếu giãi trước mặt thiên hạ, để họ thấy những công việc tốt đẹp anh em làm, mà tôn vinh Cha của anh em, Đấng ngự trên trời. (Matthêu 5:13-16)

Lời dạy này có ý nói người tín hữu hãy mạnh dạn đem đạo vào đời để phụng sự nhơn sanh, đem ánh sáng đạo lý đến xua tan bóng đêm tội lỗi của cuộc đời chứ không phải chỉ tu cho riêng mình, chỉ thắp ánh sáng đạo cho riêng mình. Đức Cao Triều Phát Tiền bối dạy:

Tu không phải chán đời ẩn dật. Tu bắt buộc phải mạnh dạn đi vào đời.[19]

[18] Minh Đức Tu Viện, 13-01 Ất Mão (Thứ Ba 23-01-1975).

[19] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (Thứ Tư 08-02-1967).

Đi vào đời chính là hội nhập vào cuộc sống nhân thế, hòa vào các hoạt động của xã hội, của cộng đồng.

Bậc chơn tu khi nhập thế luôn mang lại sự bình an và lợi lạc cho chúng sanh. Chẳng hạn như Ngài Ngô Văn Chiêu, vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài, lúc làm quan luôn lấy đạo đức và lòng nhân ái để cai trị và chăm lo cho dân chúng. Khi có kiện tụng thì Ngài giảng giải cho hai đàng biết rõ phải quấy rồi khuyên họ làm hòa với nhau.

Khi Ngài làm chủ quận Phú Quốc, dân chúng thương mến, ngày tết thường đem quà bánh đến quận đường biếu. Ngài cảm ơn và bảo họ hãy mang hết qua khám đường tặng cho các tù nhân.

Ngài không chỉ yêu thương con người mà còn có lòng nhân từ với cả loài vật. Một hôm, Ngài cùng với mấy người lính lên núi Dương Đông dạo xem phong cảnh từ sáng sớm tinh mơ. Lũ chim rừng dạn dĩ, cứ ríu rít bay vờn quanh Ngài và mấy người đồng hành. Thấy vậy, có người lính toan ra tay túm lấy một cánh chim ở sát bên anh. Ngài Ngô liền cản, ôn tồn mà dứt khoát: "Ấy chớ! Nó có tổ cũng như mình có gia đình vậy. Bắt nó, hại chết nó, cả tổ nó đau buồn. Biết đâu nó còn phải nuôi chim non. Thất đức lắm!"

Đi thêm một đoạn đường thì gặp một con nai bị sập bẫy thợ săn trong đêm. Ngài liền bảo mấy người lính thận trọng gỡ bẫy giải thoát cho con nai và rồi Ngài móc túi lấy tiền và tìm đoạn dây rừng gần đó tự tay cột tiền vào bẫy và nói: "Đây là trả tiền đền con nai." [20]

[20] Theo Huệ Khải, *"Vút Một Đường Mây"*, in trong: Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, *Sống Đạo* 2017-3. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo.

4. Đừng nghĩ rằng ánh sáng của mình quá yếu ớt không đủ sức soi rọi cho cuộc đời. Nhiều ngọn đèn nhỏ hợp lại sẽ tỏa sáng khắp nơi. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Ngọn đèn dầu nhỏ đến đâu cũng đem ánh sáng đến cho đêm tối, từ đạo tâm cá nhân đến đạo tâm đại đồng, sẽ chuyển được thế cuộc hung tàn trở nên thánh thiện.[21]

Mặc Tử ở nước Lỗ qua nước Tề, đi ngang nhà người bạn cũ, ghé vào chơi. Người bạn nói với Mặc Tử: "Bây giờ thiên hạ ai còn thiết đến việc nghĩa, một mình ông tự khổ thân để làm việc nghĩa, thì có thấm vào đâu! Chẳng thà thôi đi có hơn không?"

Mặc Tử nói: "Bây giờ có người ở đây, nhà mười đứa con, một đứa cày, chín đứa ngồi ăn không, thì đứa cày chẳng nên càng chăm cày hơn lên ư? Tại sao thế? Tại đứa ăn không ngồi rồi thì nhiều, mà đứa đi cày lại ít. Bây giờ thiên hạ chẳng ai chịu làm việc nghĩa, thì ông phải biết khuyên tôi càng làm lắm mới phải, có đâu lại ngăn tôi như thế!" [22]

Một buổi tối tại sân vận động Los Angeles (bang California, nước Mỹ), diễn giả nổi tiếng John Keller được mời nói chuyện trước khoảng một trăm ngàn người. Đang diễn thuyết bỗng ông dừng lại và cho tắt hết đèn. Cả sân vận động chìm trong bóng tối. Ông nói: "Bây giờ tôi đốt lên một que diêm. Hễ ai nhìn thấy ánh lửa thì hãy hô to: Đã thấy!"

Một que diêm được bật lên, cả sân vận động đồng thanh

[21] Minh Đức Tu Viện, 13-01 Ất Mão (Thứ Sáu 24-01-1975).

[22] Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và Tử An Trần Lê Nhân, *Cổ Học Tinh Hoa.* Quyển I. Truyện số 5: *"Khổ Thân Làm Việc Nghĩa"*.

nói lớn: “Đã thấy!”

Ông John Keller giải thích: “Ánh sáng của một hành động nhân ái dù nhỏ bé như một que diêm cũng sẽ chiếu sáng trong đêm tăm tối của nhân loại y như vậy.”

Một yêu cầu chợt vang to: “Tất cả những ai có mang theo diêm quẹt, xin hãy đốt cháy lên!”

Bỗng chốc cả vận động trường rực sáng.

Ông John Keller kết luận:

“Tất cả chúng ta cùng hợp lực có thể chiến thắng bóng tối, chiến tranh, khủng bố, cái ác và oán thù bằng những đốm sáng nhỏ của tình thương, sự tha thứ và lòng tốt của chúng ta. Hòa bình không chỉ là môi trường sống vắng bóng của chiến tranh. Hòa bình không chỉ là cuộc sống không tiếng súng. Vì trong sự giao tiếp giữa người với người, đôi khi con người giết hại nhau mà không cần súng đạn, đôi khi con người làm khổ nhau, áp bức bóc lột nhau mà không cần chiến tranh.

Cách tốt nhất để xây dựng hòa bình là tăng thêm thật nhiều những hành động yêu thương và hảo tâm với đồng loại. Những hành động yêu thương xuất phát từ lòng nhân hậu sẽ như những ánh sáng nho nhỏ của một que diêm. Nếu mọi người cùng đốt lên những ánh sáng bé nhỏ, những hành động yêu thương sẽ có đủ sức mạnh để xua tan bóng tối của những đau khổ và cái ác.[23]

*

[23] http://giaophanvinhlong.net/hay-thap-len-mot-que-diem.html.

Mỗi người môn đệ Cao Đài, từ người tín hữu bình thường cho đến bậc hướng đạo đều phải là ngọn đèn sáng soi đường cho chính mình và cho thế nhân vượt ra khỏi bóng đêm tăm tối của vô minh, của tội lỗi, của bất hạnh khổ đau để trở về với Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ.

Chúng ta cùng ghi nhớ lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư:

Hãy đem đạo lý tình thương, đem ngọn tâm đăng soi sáng cho mọi người và gia công hành đạo giúp đời bằng cách khêu ngọn tâm đăng cho tất cả mọi người. (…)

Là bực tín hữu hay hướng đạo cũng thế. Hãy chuẩn bị mọi điều kiện, mọi mặt cho ngọn tâm đăng soi rọi đêm trường đang dày đặc, cho mọi người sớm hưởng ánh sáng vinh quang, thanh bình, an lạc trong nếp sống đạo lý.

Tâm đăng soi sáng giúp cho mình
Tâm đạo trau dồi được tuệ minh
Cầm đuốc rọi đường cho đại chúng
Phổ truyền giáo lý độ nhơn sinh.[24]

[24] Minh Lý Thánh Hội, 21-9 Kỷ Dậu (Thứ Sáu 31-10-1969).

ẨN ÁC DƯƠNG THIỆN

Theo các cơ quan chức năng và báo chí hiện nay, tội phạm hình sự trong xã hội Việt Nam chúng ta ngày càng gia tăng đến mức báo động; đặc biệt là các trẻ vị thành niên phạm tội chiếm tỷ lệ ngày càng cao. Nguyên nhân của tệ trạng này là do việc giáo dục đạo đức trong gia đình và trong nhà trường bị xem nhẹ, dẫn đến tình trạng đạo đức xã hội càng lúc càng sa sút nghiêm trọng. Bên cạnh đó, các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội, phim ảnh, trò chơi điện tử, v.v… đầy dẫy những thông tin về tội phạm và hình ảnh bạo lực, không lành mạnh, v.v… Những thứ đó góp phần kích thích, thúc đẩy con người nói chung và các trẻ vị thành niên nói riêng quen dần với cái ác, rồi dễ dàng sa chân vào con đường tội lỗi.

Từ khi có *Internet*, trong xã hội hình thành một khối quần chúng rất đông đảo được gọi là "cộng đồng mạng" hay là "cư dân mạng". Internet đã giúp cho con người trên toàn thế giới xích lại gần nhau, hiểu biết nhau, thông cảm nhau, ngồi một chỗ mà hầu như có thể biết hết chuyện thế gian. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích rất to tát của Internet, lại đồng thời song hành một mặt trái nguy hại không kém.

Phần đông con người vốn có xu hướng hay rêu rao, bàn tán, thêu dệt, phẩm bình chuyện thiên hạ, cho dù bản thân không tận mắt chứng kiến. Thế nên, hễ có một vụ tai tiếng, lùm xùm (*scandal*) nào đó kèm theo hình ảnh giựt gân được tung lên mạng, thì đám đông lập tức xúm vào bình phẩm, xỉa xói, đả kích, và nối tiếp nhau lan truyền cái chuyện không hay ho đó ra rộng thêm một cách dễ dàng sau vài cái gõ trên bàn phím và một cú nhấp chuột đơn giản. Đám đông ấy không nghĩ gì đến hậu quả của việc làm này tác hại khôn lường đến tâm lý, tinh thần và đời sống của nạn nhân. Một số nạn nhân vì thế bị hoảng loạn, thậm chí có người đã phải tự tử vì không chịu đựng nổi sức ép của dư luận.

Thật đáng tiếc rằng, không chỉ các trang mạng của người đời mà gần đây các trang mạng của người đạo Cao Đài cũng đã và đang làm cái chuyện "vạch áo cho người xem lưng", bêu riếu những điều không tốt về đồng đạo. Quả thật, hành vi này đã làm ố danh Đạo.

Bên cạnh đó, ngày nay báo chí dường như có xu hướng khai thác tối đa các mẩu tin giật gân về tội phạm hình sự hoặc những "góc khuất" trong đời tư các nhân vật tên tuổi để câu độc giả.

Nhận xét về thực trạng này của các phương tiện truyền thông, một vị luật sư phát biểu:

Để khắc phục những hiện tượng như vậy [hiện tượng phạm pháp], *không nên xoáy vào câu chuyện tội ác mà cần phải khích lệ những mặt tích cực, những mặt tử tế, những mặt lương thiện của con người.*

Tôi cho là truyền thông của chúng ta có lỗi khi quá tập trung sự chú ý của xã hội vào một số hiện tượng tiêu cực mà bỏ quên phần lớn còn lại là hiện tượng rất lành mạnh. Không nên câu khách thông qua việc phản ánh hiện tượng tiêu cực.

Tôi nghĩ chúng ta phải di chuyển sự chú ý của lớp trẻ ra khỏi những hiện tượng tiêu cực như vậy.

Báo chí phải tự giải phóng mình ra khỏi những hiện tượng như vậy. Phải nhớ rằng hiện tượng lành mạnh hấp dẫn hơn hiện tượng tiêu cực. Nhưng chúng ta không biết mô tả một cách hấp dẫn hiện tượng lành mạnh. Có lẽ truyền thông buộc phải nghiên cứu một cách thức tiếp cận với mặt lành mạnh của cuộc sống một cách tự nhiên hơn. Truyền thông phải ẩn ác dương thiện. Phải đối phó với tội ác bằng sự trong sạch.[1]

Trước tệ trạng nhiều vụ trọng án chủ yếu do tội phạm trẻ tuổi gây ra, một nhà giáo ở Hà Nội nêu quan điểm:

Trong mỗi con người đều tồn tại sẵn cả cái thiện và cái ác. Hai mặt đó luôn đấu tranh gay gắt với nhau và cùng tham gia điều chỉnh các hành vi của con người hằng ngày. Nền tảng nhân cách xã hội và nhân cách cá nhân sẽ khiến cho cái ác bị kiềm chế, bị trấn áp, cái thiện được khuyến khích, được nuôi dưỡng và thôi thúc, khiến cho con người tránh xa cái ác, hướng tới cái thiện và kết quả là làm việc tốt.

Nhưng nếu cái ác không bị kiềm chế và trấn áp, cái thiện không được khuyến khích thì bất cứ khi nào, bất cứ ai cũng có thể bị cái ác khống chế và dẫn đến làm việc xấu, phạm tội. (...) Vì vậy, muốn khuyến thiện phải trừng ác, muốn trừng ác thì phải khuyến thiện trong giáo dục nhân cách con người, từng ngày, từng giờ, ở tất cả các môi trường.

Nhà giáo này đề nghị:

(T)heo tôi, cần có sự phối hợp đồng bộ trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống trong sáng, lành mạnh ngoài xã hội, trong nhà trường và từng gia đình. Đặc biệt các cơ quan nhà nước phải rà soát lại các dịch vụ kinh doanh trò chơi trực tuyến độc hại; các bộ phim bạo lực phát sóng rộng rãi trên truyền hình.

(...) Mỗi gia đình, mỗi tổ dân phố, xóm làng, nhà trường, công sở và doanh nghiệp đều nên chung tay tham gia vào cuộc vận động lớn để chúng ta có được môi trường xã hội pháp quyền, nhân ái, phi bạo lực.[2]

Qua hai trích dẫn trên đây, chúng ta thấy đạo lý *ẩn ác dương thiện* được minh thị trong lời nói vị luật sư và được hàm ngụ trong quan điểm của nhà giáo.

Thay vì nói *ẩn ác dương thiện,* người xưa còn nói *át ác dương thiện*.

Át tức là trấn áp, kiềm chế, ngăn chận. Vậy *át ác dương thiện* tức là trấn áp, kiềm chế không cho cái xấu ác phát triển đồng thời khen ngợi, tán dương điều tốt lành. Chẳng khác nào trên một mảnh vườn, người làm vườn không những nhổ sạch gai góc, hoa hèn cỏ dại mà còn phải trồng vào đó thật nhiều giống hoa thơm kiểng quý; bằng không, làm sạch cỏ rồi mà chẳng trồng cây trồng hoa vào thì lâu ngày gai góc, cỏ dại sẽ mặc sức mọc lại um tùm như trước.

Thành ngữ *át ác dương thiện* có thể tìm thấy trong Kinh Dịch. Quẻ thứ mười bốn tên gọi là Hỏa Thiên Đại Hữu, gồm quẻ Ly (lửa, hỏa) ở trên (thượng quái, hay ngoại quái) và quẻ Càn (trời, thiên) ở dưới (hạ quái, hay nội quái). Do đó, giải về

(1) http://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/cai_dep_cuu_roi_cuoc_song.html.

(2) https://baomoi.com/khuyen-thien-trung-ac/c/17060792.epi.

hình tượng quẻ này, Đại Tượng Truyện có câu: *Hỏa tại thiên thượng, Đại Hữu. Quân tử dĩ <u>át ác dương thiện</u>, thuận Thiên hưu mệnh*.

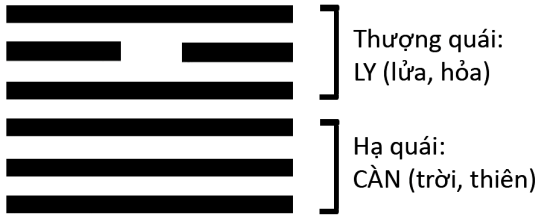

Quẻ HỎA THIÊN ĐẠI HỮU

Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (1921-2014) dịch:

Đại Hữu là lửa trên trời,
Hiền nhân xấu giấu, lành thời tán dương.
(Cho đời thêm đẹp, thêm hương),
Đúng theo đường lối, chủ trương của Trời.

Đại Học viết: <u>Đức bản, tài mạt</u>.[3] *Cái đức hạnh mới là cái chí quý trong một nước, cho nên bậc nhân quân phải biết cổ xúy thiện, đức nơi con người, và phải biết kiềm chế, ức chế tính xấu trong dân. Dân có tinh thần mạnh mẽ, nước mới phú cường; dân có tinh thần bệnh hoạn, nước sẽ suy bĩ.*[4]

Còn *ẩn ác dương thiện* nghĩa là không phơi bày, không rêu rao, không quảng bá những điều xấu ác mà chỉ tán dương, khen ngợi những điều tốt, điều thiện để mọi người cùng học tập và làm theo. Một khi cái tốt, cái thiện được phát triển mạnh mẽ thì tự nhiên cái xấu, cái ác phải bị triệt tiêu hoặc

[3] Đức là gốc, tài là ngọn.

[4] https://nhantu.net/DichHoc/THUONGKINH/14DaiHuu.htm.

giảm thiểu. Xã hội chúng ta hiện nay cần nên học lại những gì người xưa từng khuyên bảo, trong đó có đạo lý ẩn ác dương thiện, tuy xa xưa mà không hề cổ hủ.

Người thực hành được đạo lý ẩn ác dương thiện là người có lòng dạ quảng đại của bậc thánh nhân hay quân tử.

Người xưa nói: *Ẩn ác dương thiện là bậc thánh; thích thiện ghét ác là bậc hiền; tách bạch thiện ác quá đáng là hạng người tầm thường; điên đảo thiện ác để sướng miệng gièm pha là hạng tiểu nhân hiểm ác*.[5]

Theo sách *Trung Dung* (chương 6), Đức Khổng Tử khen vua Thuấn là người *ẩn ác nhi dương thiện* vì vua Thuấn sau khi nghe chuyện của người rồi, đến lúc thuật lại thì Ngài giấu những điều xấu của người đi, mà chỉ phô trương, tán thưởng những điều tốt của người.

Đạo Giáo Trung Quốc có nhiều thiện thư (sách khuyên mọi người làm lành, tạo phúc đức); trong đó, một thiện thư danh tiếng là *Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn.* Đoạn 13 sách này có lời khuyên dân chúng hãy nên luôn luôn che giấu điều

[5] Trần Lê Nhân, *Hán Học Danh Ngôn*. Sài Gòn: Nxb Thọ Xuân, 1957, in lần thứ ba. Chương thứ ba, XII, câu 571.

Câu này trích trong sách *Tại Cứu Ký* (Ghi chép trong thời gian để tang), nguyên văn như sau: *Ẩn ác dương thiện, thánh nhân dã. Háo thiện ố ác, hiền nhân dã. Phân biệt thiện ác vô đáng giả, dung nhân dã. Điên đảo thiện ác dĩ khoái kỳ sàm báng giả, tiểu nhân dã*. Tác giả câu này là Trung Trang Chu Công, tự là Đức Chỉ, hiệu là Miễn Trai, người ở kinh sư (tức kinh thành, kinh đô) làm quan đời nhà Minh đến chức Trung Thừa. Ông có viết quyển sách nhan đề *Tại Cứu Ký* (Ghi chép trong thời gian để tang).

xấu xa của người mà nêu cao điều tốt lành của người.[6]

Danh nho Viên Liễu Phàm (1533-1606), tên thật là Viên Hoàng, người đời Minh (Trung Quốc), thi đậu tiến sĩ, tinh thông Tam Giáo, tác giả quyển sách rất nổi tiếng đó là *Liễu Phàm Tứ Huấn* (bốn bài khuyên dạy hãy làm lành tích đức). Trong sách này, Chương Năm (Phương pháp tích thiện) giải thích về ẩn ác dương thiện như sau:

Ẩn ác dương thiện tức là thấy người ta dở, có lỗi lầm thì gặp riêng khuyên bảo, đừng ra ngoài nói xấu làm người ta mất hết danh dự. Gặp được việc làm tốt của ai thì nên ghi nhớ mà học theo, đồng thời hết sức ca ngợi để mọi người cùng được biết.[7]

► Như vậy, ẩn ác dương thiện không có nghĩa là bao che, giấu giếm hay dung túng các thói hư tật xấu của người khác. Tuy nhiên, đừng phê bình, đừng chỉ trích quá mạnh bạo trước mặt mọi người làm cho người bị phê bình cảm thấy mất mặt; cũng đừng nói xấu sau lưng, gièm siểm người ấy khiến cho họ bị ác cảm, bị coi thường. Tốt hơn ta nên tìm cách góp ý với người ấy một cách chân thành, nhẹ nhàng, kín đáo.

Tác giả quyển *Đắc Nhân Tâm* [8] nổi tiếng, Dale Carnegie (1888-1965), khuyên chúng ta:

[6] *Thường tu ẩn ác dương thiện...* (*Tu* 須 trong câu này nghĩa là *hãy nên, cần phải*; không có nghĩa là *tu hành* như chữ *tu* 修).

[7] Hòa thượng Thích Thiện Siêu dịch. http://phapmontinhdo.vn/lieu-pham-tu-huan-50--11.

[8] Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) dịch. Nxb Trẻ, 2008. Nguyên tác: *How to Win Friends and Influence People*.

Chỉ trích là vô bổ, nó chỉ gây ra thái độ chống đối và bào chữa. Chỉ trích còn có thể trở nên nguy hiểm vì nó chạm vào lòng kiêu hãnh cố chấp của con người, gây tổn thương tới ý thức về tầm quan trọng của họ và kết cuộc chỉ tạo nên sự tức giận, căm thù. Chỉ trích còn gây phản ứng chối bỏ trách nhiệm, đồng thời phát sinh tâm lý chán nản và nhụt chí trong khi lỗi lầm vẫn không được giải quyết. (tr. 34)

Nếu như bạn muốn bị ai đó oán hờn dai dẳng hàng chục năm trời và thậm chí có khi đến lúc chết bạn vẫn còn bị thù hận thì hãy tặng cho người ấy những lời phê phán, chỉ trích cay độc, cho dù bạn biết chắc chắn những lời chỉ trích đó là đúng. (tr. 41)

Hơn nữa, ở đời, ngoài những điều tốt của người khác chúng ta cần phải học tập, còn có những điều không tốt của người khác chúng ta cũng phải xem xét nghiền ngẫm để tự nhắc mình không phạm phải.

Chẳng hạn như chúng ta học tập gương của những bậc trung quân ái quốc để noi theo, đồng thời ta cũng nhìn cho rõ tấm gương của những kẻ gian thần phản bội thường có những kết cuộc bi thảm để ta tránh khỏi, đừng phạm phải.

Nói cách khác, người thiện hay người ác đều có thể làm thầy của mình. Người thiện dạy ta những điều tốt lành, người ác dạy ta phải tránh đừng phạm phải những lỗi lầm của họ.

Bởi vậy, Đức Khổng Tử nói (*Luận Ngữ*, 7:22): *Ba người đi chung, ắt có một người làm thầy ta: Lựa cái hay của người này mà học, xét cái quấy của người kia mà tự sửa mình*.[9]

[9] Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên: Trạch kỳ thiện giả nhi tòng

Trong quyển *Đắc Nhân Tâm*, Dale Carnegie khuyên:

Những người bạn gặp trên đường đời sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của bạn. Dù tốt hay xấu, họ cũng tặng bạn những kinh nghiệm sống hết sức tuyệt vời. Chính vì thế, đừng nên lên án, chỉ trích hay than phiền ai cả. Thậm chí, nếu có ai đó làm tổn thương bạn, phản bội bạn hay lợi dụng lòng tốt của bạn thì xin hãy cứ tha thứ cho họ. Bởi vì có thể, chính nhờ họ mà bạn học được cách khoan dung.

Chỉ trích một người là việc không khó. Vượt lên trên sự phán xét ấy để cư xử rộng lượng, vị tha mới là điều đáng tự hào. (*Sách đã dẫn,* tr. 48)

Chuyện sau đây xảy ra trong thiền viện của thiền sư Tiên Nhai (*Sengai*) bên Nhật. Một thiền sinh thường lén trèo qua tường ra phố dạo mát ban đêm. Một tối nọ, đi giám sát các phòng ngủ, thiền sư Tiên Nhai thấy giường anh ta trống trải và sau đó phát hiện thêm chiếc ghế cao kê sát tường. Thiền sư lẳng lặng dời ghế ra nơi khác và đứng thay vào chỗ đó. Lúc trở về, theo thói quen, anh ta trèo qua tường và bỏ bàn chân xuống ngay trên đầu thiền sư làm điểm tựa rồi phóng ngay xuống đất. Bấy giờ biết rằng mình vừa phạm lỗi thất kính với sư phụ, anh sợ hết hồn hết vía. Nhưng thiền sư chỉ nhỏ nhẹ khuyên: "Sáng sớm trời lạnh lắm. Con cẩn thận kẻo bị cảm." Sau đêm đó, anh ta không bao giờ trốn ra ngoài chơi khuya nữa.[10]

Một chuyện gần giống như vậy đã xảy ra ở thiền thất Phú Nhuận (thuộc Minh Lý Thánh Hội), nằm trong khuôn viên

chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi.

[10] Theo *Sa Thạch Tập* (*Shasekishū*) của thiền sư Vô Trú (*Muju*).

nhà bà Bút Trà (pháp danh Toàn Lạc). Bà là bào muội Ngài Minh Thiện (1897-1972, quả vị Bác Nhã Thiền Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát).

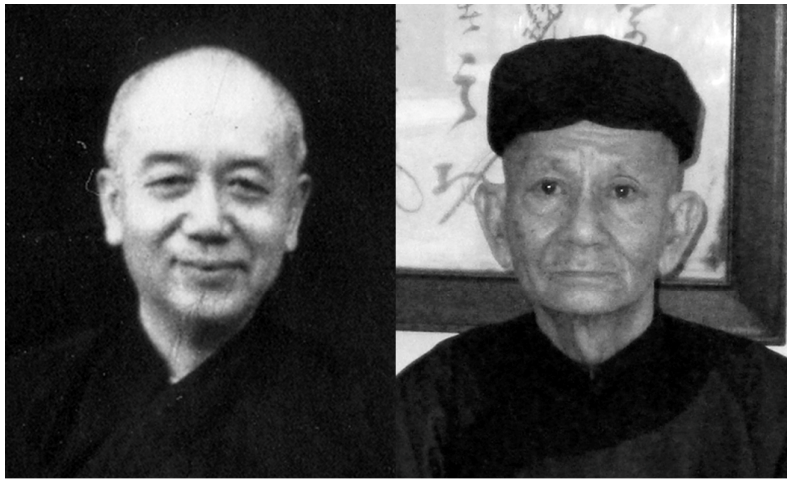

Ngài Minh Thiện
tại thiền thất Phú Nhuận (1954)

Hiền huynh Đại Minh (2011)
Ảnh: Đại Cơ Minh

Mỗi lần đến thiền thất Phú Nhuận, Ngài Minh Thiện thường gọi một môn sanh là Thanh Quang và một thiếu niên là Nguyễn Hữu Hậu (chưa nhập môn) đi theo. Thiếu niên ấy về sau là môn sanh Đại Minh (1939-2012), đã kể một kỷ niệm với Ngài Minh Thiện ở thiền thất Phú Nhuận như sau:

Có một buổi tối, tôi mê chơi nên về trễ. Biết giờ nầy Ngài đang công phu, tôi đứng ngoài phòng (cửa đóng). Tôi không dám nhúc nhích sợ gây tiếng động. Đến hết giờ công phu, Ngài gọi: "Vào ngủ đi trò, đứng ngoài muỗi chích."

Mở cửa vào, tôi thật bất ngờ và cũng rất lúng túng, vì mùng Ngài đã giăng thẳng băng, mà mùng tôi cũng được giăng ngay ngắn như vậy. Sáng hôm sau, tôi chờ đợi sự răn dạy của Ngài, nhưng không thấy Ngài nói gì cả, y như là không có việc gì xảy ra. Tôi tự thấy hối lỗi và không bao giờ dám tái phạm.[11]

Qua hai chuyện kể trên, có thể thấy rằng ẩn ác dương thiện là một nghệ thuật đối nhân xử thế và tâm lý giáo dục rất sâu sắc và hiệu quả. Tha thứ, bỏ qua điều xấu của người, cư xử rộng lượng, vị tha là một cách khích lệ rất hay để người ta phấn chấn tinh thần, cố gắng thăng tiến trên đường thiện. Một lời khen ngợi hay khích lệ chân thành có thể làm thay đổi cả một cuộc đời.

Trong một hồi ức cảm động, tiến sĩ Joel Bawilley kể rằng ông xuất thân là một đứa trẻ da màu con nhà nghèo, quê mùa. Năm chín tuổi, chú bé Joel chuyển tới học ở một trường tại thành phố New York, và luôn bị bạn học phân biệt đối xử, lạnh nhạt. Do đó, chú học hành kém sút vì mặc cảm tâm lý chứ không phải vì tối dạ, lười biếng... Thế rồi thầy giáo phụ trách lớp chú bệnh nhiều phải tạm nghỉ; giáo viên dạy thay là thầy Sean, một người da màu.

Một hôm, khi thông báo cho cả lớp biết kết quả bài thi giữa học kỳ, thầy Sean đã đặc biệt khen ngợi Joel, rồi yêu cầu chú cuối buổi học hãy đến gặp riêng thầy. Thầy lại vui vẻ khen ngợi chú lần nữa, khuyên chú hãy tiếp tục cố gắng

[11] Đại Minh, *"Vài nét sinh hoạt của Ngài Minh Thiện"*, in trong *Xuân Chung Tâm.* Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011, tr. 136. (Quyển 35-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

không ngừng... Từ đó trở đi, việc học hành của bé Joel hoàn toàn thay đổi, chú dần dần trở thành học sinh xuất sắc. Thời gian trôi qua, chú vào đại học, rồi trở thành tiến sĩ, rồi làm giáo sư tại viện đại học bang Michigan danh tiếng.

Sau bốn mươi năm không gặp lại thầy Sean, đến khi may mắn biết được chỗ ở của thầy giáo cũ, chẳng ngại đường xa, tiến sĩ Joel Bawilley lập tức lái xe vượt ba trăm cây số để thăm thầy. Cuộc tái ngộ thật cảm động và thầy Sean tâm sự rằng, thuở bé chính thầy cũng không mấy khác hoàn cảnh Joel, nhưng nhờ được một giáo viên khích lệ mà rốt cuộc thầy vượt qua hết mọi trở lực. Đó là lý do thầy Sean đã không tiếc lời khen Joel, một hình ảnh thơ ấu của thầy.

► Ẩn ác dương thiện còn là một cách tu trì, rèn luyện nhân cách, trau dồi đức hạnh.

Luận Ngữ (12:1) chép lời dạy của Đức Khổng Tử: *Phi lễ vật ngôn*. (Không nói điều trái lễ.) Như thế, người tu hành hay bậc quân tử không đem điều tệ, việc chẳng lành của người khác mà bàn tán, loan truyền, rêu rao, v.v...

Ẩn ác dương thiện cũng là cách giữ giới bất vọng ngữ, để tránh khẩu nghiệp (quả báo xấu do lời ăn tiếng nói). Kinh *Đại Thừa Vô Lượng Thọ* (phẩm thứ tám) có chép lời Đức Phật dạy: *Giữ gìn khẩu nghiệp, không nói lỗi người.*

Trong kinh của Minh Lý Đạo có bài *Tịnh Khẩu Chú* do Đức Tây Phương Phật Tổ ban cho môn đồ, gồm bốn câu như sau:

Lời ăn nói là nơi lỗ miệng
Tiếng luận đàm liệu biện đề phòng
Giữ gìn miệng đặng sạch trong
Thốt lời minh chánh, rèn lòng tụng kinh.

Bốn câu này khuyên phải biết gìn giữ miệng mồm cho tinh sạch để tụng kinh (vì kinh là lời Tiên tiếng Phật, hãy tôn trọng lời kinh). Giữ sạch mồm miệng không có nghĩa là đánh răng súc miệng, mà là đừng thốt ra những điều trái lẽ; đừng luận đàm bàn tán hay dè bỉu chuyện xấu của người khác.

Đạo Cao Đài có bản *Kinh Cảm Ứng* viết theo thể thơ lục bát. Điều thứ Năm trong Kinh Cảm Ứng dạy:

Rủi may dạ chẳng kiêng dè
Những điều xấu bạn, đem khoe ngạo cười
Gổ ganh lòng chẳng hổ ngươi
Trông mong xoi bói của người việc riêng.

Các trích dẫn kinh điển trong nhiều tôn giáo khác nhau như trên đây cho thấy dường như phần đông con người dễ có xu hướng thích thú rêu rao, lan truyền khuyết điểm, lỗi lầm người khác mà quên rằng chính bản thân chúng ta vẫn chưa hoàn thiện; chúng ta cũng mắc phải những lỗi lầm tương tự mà lắm khi còn nghiêm trọng hơn lầm lỗi của người khác nữa!

Bởi thế phương Tây có lời khuyên: *Đừng than phiền về tuyết phủ trên mái nhà hàng xóm trong khi ngưỡng cửa nhà mình chưa sạch*.[12]

Kinh Thánh (*Luca* 6:41) chép lời Đức Giêsu dạy:

Sao anh thấy cái rác trong con mắt của người anh em, mà cái xà trong con mắt của chính mình thì lại không để ý tới?

[12] Don't complain about the snow on your neighbor's roof when your own doorstep is unclean.

Ngày nay, trong đạo Cao Đài, Đức Cao Đài Tiên Ông dạy:

Mãi muốn sửa người thật khó CAO
Sửa mình được, mới rạng ĐÀI cao
TIÊN ÔNG nay nhắc tu là sửa
Mà sửa chính mình mới kiệt hào.[13]

Đức Mẹ dạy:

Phải chơn thành, phải chơn thật. Không cử động nào qua được mắt Thần Minh. Dầu hành đạo, dầu xử thế, đều phải hoàn toàn trong nếp đạo đức. Chư Phật Tiên cũng như Giáo Tông không khi nào đem lỗi con ra trước đồng đạo, vì lỗi ấy đã được ghi vào sổ rồi.[14]

Qua thánh giáo, chúng ta thấy các Đấng thiêng liêng đều nhủ khuyên, dạy dỗ tất cả mọi người, không bao giờ quở trách một cá nhân người nào trước đồng đạo.

Tuy nhiên, vì lòng từ bi, Đức Mẹ cảnh báo cho chúng ta biết rằng mặc dù Ơn Trên không hạch tội chúng ta trước mặt đồng đạo nhưng các lỗi ấy đã được ghi vào sổ. Thời hạ ngươn này, mỗi người tu là một thí sinh đang làm bài thi và bài thi của mỗi người đều khác nhau. Nếu Ơn Trên để lời quở trách thì chẳng khác nào thí sinh được giám thị nhắc bài, như thế là trái luật công bình. Mỗi người phải chăm tu tập, siêng năng học hiểu thánh giáo để tự mình nhận ra lỗi lầm bản thân và tích cực sửa chữa.

Do đó, người thực hành đạo lý ẩn ác dương thiện chẳng

[13] Minh Khai Chiếu Minh Đàn.

[14] Thiên Lý Đàn, 29-01 rạng 01-02 Mậu Thân (Thứ Ba 27 rạng Thứ Tư 20-02-1968).

những sẽ không phí thời gian nói xấu người khác, mà còn không quan tâm lắng nghe những chuyện chẳng hay ho được nhặt nhạnh đầu đường cuối phố, tức là không để cho người khác có dịp nói xấu, đàm tiếu.

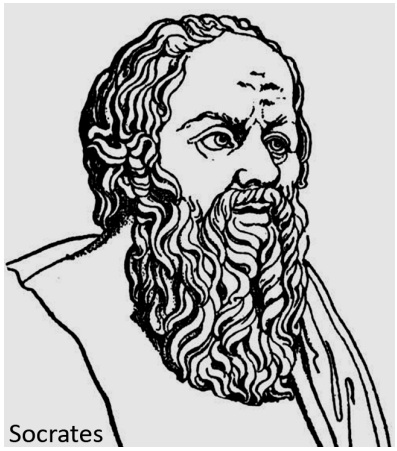
Socrates

Nhà hiền triết Socrates (khoảng 469-399 trước Công Nguyên) chào đời tại thành phố Athena (Hy Lạp), là một trong những người tạo nên nền tảng triết học phương Tây. Một hôm, có người tới gặp Socrates, hào hứng khoe:

- Thầy có muốn biết những gì tôi mới nghe thiên hạ nói về bạn thầy không?

Socrates chặn lại:

- Khoan đã! Trước khi thuật lại lời bá tánh nói về bạn tôi, tốt hơn cả có lẽ ông nên đợi một chút để chúng ta lọc lại những gì ông muốn kể. Tôi có ba bình lọc dùng vào việc này. Bình lọc thứ nhất tôi gọi là *Chân Lý*. Ông có tin chắc một trăm phần trăm rằng những điều ông muốn kể tôi nghe hoàn toàn đúng sự thật không?

Người kia thoáng lưỡng lự rồi thú nhận:

- Ồ, không! Thật ra tôi chỉ nghe bà con đồn đãi mà thôi.

Socrates khoát tay:

- Được rồi. Như thế hiển nhiên ông chẳng hề biết chuyện đó đúng sai ra sao. Nào, chúng ta hãy dùng thêm bình lọc thứ hai, tôi gọi là *Thiện Hảo*. Những điều ông muốn kể về bạn tôi có chút gì tốt lành trong đó không?

Người kia ấp úng:

- Thì… thì … chắc thầy đoán được rồi. Chả hay ho gì đâu!

Socrates gật gù:

- Thế đấy! Tuy chẳng biết miệng mồm thế gian đúng hay sai, ông vẫn muốn kể xấu về bạn tôi. Còn bình lọc cuối cùng, tôi gọi là *Hữu Ích.* Xin hỏi, những điều ông muốn kể về bạn tôi có chút chi ích lợi cho tôi chăng?

Người kia sượng sùng, lắc đầu không nói.

Socrates kết thúc câu chuyện:

- Rõ rồi nhé! Bản thân ông không dám chắc những gì thiên hạ đơm đặt về bạn tôi là đúng sự thật. Hơn nữa, ông chỉ thấy chúng chẳng những vô ích mà còn xấu xa. Vậy thì cớ sao ông lại muốn đem những thứ rác rưởi ấy nhét vào tai tôi chứ?![15]

Ngày nay, Đức Cao Đài Tiên Ông dạy:

Các con là người tu hành, không nên dính vào chuyện thị phi của người đời. Các con lại càng không nên chỉ trích sau lưng người, vì đó không phải là đạo hạnh của người tu.

Khuyên các trẻ tai bưng, mắt đậy
Việc thị phi đừng vấy bận vào

[15] Huệ Khải, *"Ba Bình Lọc"*, in trong *Bắc Cầu Tâm Linh.* Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013, tr. 13-14. (Quyển 54-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

Đừng bàn tán chuyện xôn xao
Đừng ham chỉ trích, nói sau lưng người.[16]

Đức Tam Trấn Oai Nghiêm Quan Thánh Đế Quân dạy:

Tập tánh lành thua hơn dứt bỏ
Mặc người đời bàn nọ nói kia
Hễ tu tâm đạo chớ lìa
Thị phi cố tránh, rẽ chia chớ bàn.[17]

Thị phi là đúng sai. Đối với người này có thể là đúng, nhưng đối với người khác lại là sai. Vào thời điểm này có thể là đúng nhưng vào thời điểm khác lại là sai.

Chuyện kể rằng, trong một buổi nhàn hạ, vua Đường Thái Tông hỏi chuyện vị quan cận thần là Hứa Kính Tôn:

– Trẫm thấy khanh phẩm cách cũng không phải là phường sơ bạc. Sao lại có nhiều tiếng thị phi chê ghét như thế?

Hứa Kính Tôn trả lời:

– Tâu bệ hạ, mưa mùa xuân tầm tã, nhà nông mừng cho ruộng đất được thấm nhuần, nhưng kẻ bộ hành lại ghét vì đường đi trơn trợt. Trăng mùa thu sáng vằng vặc như gương treo trên bầu trời đêm, các thi sĩ vui mừng gặp dịp thưởng du ngâm vịnh, nhưng bọn trộm đạo lại ghét vì ánh trăng quá sáng tỏ. Trời đất kia vốn vô tư không thiên vị, mà cơn nắng mưa thời tiết vẫn bị thế gian trách hận ghét thương. Còn hạ thần đâu phải một người vẹn toàn thì làm sao tránh khỏi tiếng chê bai chỉ trích. Cho nên ngu thần trộm nghĩ, đối với

[16] Minh Khai Chiếu Minh Đàn.

[17] Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý Tam Thôn Hiệp, 08-12 Ất Tỵ (Thứ Năm 30-12-1965).

tiếng thị phi trong thế gian, nên bình tâm suy xét, đừng nên vội tin. Vua tin nghe lời thị phi thì bề tôi bị hại. Cha mẹ tin nghe lời thị phi thì con cái bị ruồng bỏ. Vợ chồng tin nghe lời thị phi thì gia đình ly tán. Tiếng thị phi thế gian còn hơn nọc độc rắn rết, bén hơn gươm đao, giết người không thấy máu.

Thế nên, người tu chúng ta đừng bàn đến chuyện đúng sai của người khác vì vừa vô ích vừa không đúng đạo hạnh người tu. Người tu chỉ nên quán xét nội tâm, soi sáng lại chính bản tâm để tự sửa mình cho được tiến bộ mà thôi.

Tân Luật Cao Đài (Chương IV, Điều Thứ Hai Mươi Mốt) dạy về điều cấm thứ năm trong Ngũ Giới Cấm như sau:

Ngũ bất vọng ngữ là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác (…).

Tân Luật Cao Đài (Chương V, Điều Thứ Hai Mươi Hai) dạy về điều quy thứ tư trong Tứ Đại Điều Quy như sau:

Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực, đừng kỉnh trước rồi khi sau.

Người tu chúng ta cần nên lưu ý điều này, bởi lẽ tu hành khổ nhọc, tạo được chút ít công đức mà không cẩn thận giữ gìn lời nói thì mang khẩu nghiệp, bao nhiêu công đức đều bị rơi mất từ nơi cửa miệng.

► Ẩn ác dương thiện cũng là thực hành hạnh công bình. *Luận Ngữ* (15:24) chép lời Đức Khổng Tử dạy: *Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*. (Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho kẻ khác.) Bản thân ta không muốn bị chê bai thì ta đừng chê bai kẻ khác, hãy "ẩn ác" giùm cho họ. Cũng thế, chính ta vui thích khi được khen ngợi thì tại sao không biết khen ngợi kẻ

khác? Vậy hãy "dương thiện" giùm cho họ. (Tuy nhiên, phải khen đúng chỗ, hợp lý, chân thành; chứ không phải khen bừa, khen xã giao rồi trở thành kẻ nịnh nọt, khiến cho việc "dương thiện" không có tác dụng tích cực.)

► Ngoài ra, ẩn ác dương thiện cũng là thực hành hạnh bao dung và trừ bỏ được tánh ghen ghét, đố kỵ. Dân gian xưa nay thường bảo: "Hai cô ca sĩ chẳng thương nhau bao giờ." Câu ấy phản ánh tâm lý của người đời, thường hay ganh ghét, đố kỵ, không thích người khác hơn mình (*ố nhân thắng kỷ*). Thế nên, che cái xấu giấu cái dở và tán dương cái hay cái đẹp của người khác là việc làm của một người đã diệt trừ được bản ngã, cái tôi ích kỷ của mình và có lòng quảng đại bao dung.

Phật dạy rằng người biết hoan hỷ vui theo khi thấy người khác gieo trồng phước đức, giúp đỡ sẻ chia người bất hạnh qua cơn khốn khó, người làm phước và người tán thán vui theo đều có công đức bằng nhau.

Một vị tỳ kheo hỏi Phật: "Tại sao có chuyện lạ lùng như vậy?" Phật dạy: "Người biết bố thí cúng dường, sẻ chia, giúp đỡ sẽ được phước báu giàu có, nhiều tài sản. Người tùy hỷ vui theo sẽ được công đức vì không ganh ghét, tật đố." Phật đưa ra một ví dụ: "Như có một ngọn đèn đang cháy, được mồi cho trăm ngọn đèn khác nhưng vẫn cháy sáng bình thường." [18]

*

[18] Thích Đạt Ma Phổ Giác. http://www.daophatngaynay.com/vn/phat-phap/giao-phap/tam-tanh/18304-tam-biet-tuy-hy.html

Một trong các vai trò của tôn giáo là giáo dân vi thiện, phục hồi các giá trị đạo đức của con người. Thế nên, cải tạo và chuyển hóa xã hội từ loạn động ra an bình, từ tội lỗi thành đạo đức là trách nhiệm của người tu. Với trách nhiệm này, thực hành đạo lý ẩn ác dương thiện là một phương cách hữu hiệu để người tu góp phần xây dựng xã hội ngày một tốt đẹp hơn. Nếu mọi người trong xã hội đều tích cực thực hành đạo lý ẩn ác dương thiện thì chắc chắn rằng xã hội sẽ ngày càng tốt đẹp, bình an và hạnh phúc.

Do đó, việc thực hành đạo lý ẩn ác dương thiện cần phải được nhân rộng ra và đặc biệt cần được sớm truyền dạy cho trẻ con từ trong mỗi gia đình và trong học đường, ngay từ trong ngôn ngữ lời nói. Chẳng hạn, thay vì bảo rằng "Con hư quá!" thì ta nên nói: "Con chưa ngoan." Mỗi khi thấy trẻ làm được một điều tốt, điều thiện thì liền biểu dương, khen ngợi, khuyến khích.

Ẩn ác dương thiện cũng có thể được xem là một pháp môn tu hành để người tu tự rèn luyện đạo đức, thực hành hạnh công bình, bao dung quảng đại và diệt trừ bản ngã ích kỷ độc tôn.

CÁC EM TÔI

Buổi học đầu tiên của lớp Lễ Nghi Đạo Đức khóa 2002 chỉ vỏn vẹn có ba học viên. Đây là các học viên của khóa trước còn lưu lại vì các em chưa đủ tuổi để lên lớp Phổ Huấn với các bạn cùng khóa, mặc dù các em đã "mài đũng quần" ở ghế lớp Lễ Nghi khá lâu rồi. Các em có vẻ buồn mà các chị hướng dẫn cũng kém phần hăng hái vì sĩ số lớp ít quá.

Chị Kim Dung, Vụ Trưởng Vụ Giáo Sĩ Tu Sĩ (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo), bảo chúng tôi: "Các em cố gắng chiêu sinh đi." Thế là gặp ai tôi cũng hỏi: "Ở nhà đạo huynh (đạo tỷ) có các cháu nhỏ từ chín đến mười một, mười hai tuổi không? Đạo huynh (đạo tỷ) cho các em đi học Lễ Nghi Đạo Đức nhé!" Thời gian trôi qua, vẫn chưa thấy "tân binh" nào đầu quân.

Hai tuần sau ngày khai giảng, Ban Cai Quản thánh tịnh Ngọc Minh Đài (quận Tư) quyết định gởi các em lớp Lễ Nghi Đạo Đức của thánh tịnh sang Cơ Quan học. Tôi còn nhớ buổi sáng Chủ Nhật hôm ấy, các em theo chân chị hướng dẫn ùa vào lớp học và chẳng mấy chốc đã lấp đầy hết các ghế trống. Chúng tôi vui mừng vì từ đây lớp học sẽ không còn buồn tẻ nữa.

Thế nhưng, chưa kịp vui lâu chúng tôi đã nhận ra những gương mặt "hình sự" của các em. Hỏi ra mới biết các em muốn được tiếp tục học với cô giáo cũ; các em không muốn

bị phân chia vì có một số em đã quá tuổi phải lên lớp Phổ Huấn học.

Chúng tôi lựa lời giải thích, an ủi, vỗ về; các em vẫn giận dỗi. Có em còn biểu lộ thái độ phản kháng bằng cách hất tập xuống đất, xé vụn tất cả những gì em đang có trong tay, kể cả những tờ giấy bạc mà có lẽ mẹ em đã cho để ăn quà sáng.

Chị chủ nhiệm lớp và tôi lặng lẽ nhìn nhau, thầm nghĩ: "Dân quận Tư có khác!" Phải giải quyết vấn đề cách nào đây? Tôi quyết định thay đổi chiến thuật: không năn nỉ nữa. Nhìn thấy vẫn còn một số em có thái độ hòa hoãn hơn, tôi bảo: "Thôi được rồi, hôm nay các em cứ ngồi tạm ở đây, nguyện vọng của các em, các đạo tỷ sẽ xin ý kiến của Vụ Giáo Sĩ Tu Sĩ. Dù sao thì đây là lần đầu tiên chúng ta gặp nhau cũng nên vui vẻ. Bây giờ đạo tỷ sẽ kể chuyện cho các em nghe."

Và tôi bắt đầu kể chuyện. Gương mặt "hình sự" của các em dần dần giãn ra, những cặp mắt tròn xoe tập trung vào câu chuyện. Kể xong, tôi đặt câu hỏi, nhiều cánh tay giơ lên xin phát biểu. Không khí lớp học trở nên sinh động hơn.

Kể chuyện, thấy tình hình "chính sự" đã bớt hồi căng thẳng, chị chủ nhiệm lớp và tôi quyết định cho bầu lớp trưởng. Tôi hỏi: "Ở đây có em nào xung phong làm lớp trưởng không?" Tôi thật bất ngờ khi thấy bao nhiêu cánh tay giơ lên xung phong làm lớp trưởng. Chẳng những thế, các "ứng cử viên" còn đả kích nhau, lời qua tiếng lại, mày mày tao tao. Có lẽ, đối với các em, chức vụ lớp trưởng oai lắm.

Tôi liền nói tiếp: "Các em biết không, làm lớp trưởng không phải để ra oai với các bạn mà lớp trưởng có nhiều nhiệm vụ lắm: Phải đi học sớm để sắp bàn ghế, treo bảng,

chuẩn bị phấn, nhắc nhở các bạn chấp hành nội quy lớp học, v.v… Các em suy nghĩ kỹ xem mình có thể làm tròn các nhiệm vụ vừa kể thì nhận chức lớp trưởng."

Thế là bao nhiêu cánh tay xung phong đều rụt lại hết. Cuối cùng, chúng tôi chọn một em lớn tuổi và có vẻ lanh lợi nhất làm lớp trưởng mặc dù vẫn có vài ý kiến phản đối. Kế đến, chị chủ nhiệm cho các em học tập nội quy lớp và sau cùng là phần sinh hoạt vui nhộn do hai chị Trúc Xanh, Trúc Vàng phụ trách. Các em dường như đã quên hẳn mọi chuyện không vui lúc ban đầu và thế là buổi học kết thúc trong không khí vui vẻ.

Mấy ngày sau, tôi gặp chị phụ trách cũ của các em và được chị cho biết: "Các em hết đòi lên lớp Phổ Huấn và cũng không đòi cô giáo cũ nữa rồi." Tôi mừng thầm trong bụng nhưng vẫn chưa hết lo khi nghĩ đến tính khí ngang ngạnh thất thường của các em.

Chủ Nhật tuần sau, tôi lại nhận được một món quà tinh thần hết sức bất ngờ: Đến lớp mười lăm phút trước giờ học, tôi ngạc nhiên nhìn thấy các em đã hiện diện đông đủ, bàn ghế đã được sắp xếp, bảng đen đã được treo lên và lau chùi sạch sẽ, phấn trắng đã được chuẩn bị sẵn và khi vừa nhìn thấy tôi bước vào lớp học em lớp trưởng liền hô to: "Các bạn đứng dậy chào cô!"

Lòng tôi ngập tràn vui sướng. Hóa ra các em tôi vẫn là những đứa trẻ hồn nhiên thật đáng yêu. Tuy nhiên, phải thú thật rằng những ngày Chủ Nhật kế tiếp sau đó chúng tôi vẫn phải tiếp tục vất vả với những chú ngựa con bất kham. Giữ gìn trật tự trong giờ học, thu hút sự chú ý của các em vào bài giảng đã là một việc khó, bắt các em học thuộc bài lại càng khó hơn.

Tôi khuyến khích các em bằng cách treo giải: Em nào làm bài kiểm tra đạt điểm mười sẽ có thưởng. Biện pháp này có ít nhiều tác dụng tốt nhưng bên cạnh đó cũng gây ra nhiều phiền toái: T. là một học sinh có tính cách cá biệt: lầm lì, hay đố kỵ và giận lẫy. Tuy nhiên đôi khi trong giờ học em cũng cố gắng tích cực phát biểu ý kiến. Đã nhiều lần làm bài mà vẫn chưa lần nào em đạt điểm mười.

Một hôm, tôi cho các em làm kiểm tra sau khi kết thúc một chương học và tôi biết lần này em hạ quyết tâm đạt điểm mười để lãnh thưởng. Tôi cũng mong em làm được điều đó. Bài em viết rất sạch sẽ, cẩn thận, chứng tỏ em rất thuộc bài nhưng đến câu hỏi cuối cùng em lại lạc đề. Tôi cho em tám điểm mà lòng cứ tiếc mãi. Tôi biết em sẽ thất vọng lắm.

Ngày phát bài, em đã giận tôi và bảo với các bạn rằng em sẽ xé nó đi. Cho dù tôi có giải thích rằng em đã lạc đề nhưng em vẫn cứ giận dỗi, bịt hai tai lại không chịu nghe, bảo gì em cũng không làm. Tôi bèn thay đổi chiến thuật, không thèm nói chuyện, không thèm quan tâm đến em nữa.

Em biết tôi giận và thỉnh thoảng em lại len lén nhìn tôi. Chủ Nhật tuần sau tôi vẫn giữ thái độ lạnh lùng với em. Chị chủ nhiệm lớp gọi em ra ngoài giảng giải cặn kẽ. Khi buổi học kết thúc, em chạy đến giúi vào tay tôi mẩu giấy nhỏ, với dòng chữ nguệch ngoạc: "Em xin lỗi cô vì đã làm cô buồn. Cô K.T. vừa giải thích cho em hiểu, mong cô tha thứ cho em." Đọc xong, tôi ôm em vào lòng và cất giữ mẩu giấy như một kỷ niệm.

Một hôm, chúng tôi quyết định cùng nhau đi thăm gia đình các em. Nhờ chuyến đi này chúng tôi đã hiểu rõ gia cảnh các em hơn. Phần lớn gia đình các em đều sống trong một xóm lao động nghèo ở quận Tư. Có em bố mẹ chia tay nhau mỗi người mỗi ngả và bỏ em cho bà ngoại. Bà ngoại lưng còng tóc bạc ngày ngày vẫn phải gánh hàng rong kiếm tiền nuôi cháu. Có em bố nhậu nhẹt say sưa suốt ngày, mẹ tần tảo kiếm tiền nuôi con từ những thúng rau quả dạt lượm mót từ chợ Cầu Muối. Có em mẹ bệnh nặng, một mình bố nuôi mấy anh chị em ăn học; một gia đình năm miệng ăn mà tiền chợ mỗi ngày chỉ vỏn vẹn mười ngàn đồng!

Mỗi gia đình một hoàn cảnh nhưng tất cả đều có một điểm giống nhau là cuộc sống quá đỗi khó khăn. Từ giã các em ra về mà lòng chúng tôi ai cũng bùi ngùi xúc động. Chị chủ nhiệm lớp nói với tôi: "Đến thăm các em rồi mới thấy thương và thông cảm cho những lỗi lầm của các em."

Phải rồi, đã nhiều lần tôi bực tức vì các em quậy phá, chửi thề, đánh lộn, giành giựt nhau từng mẩu bánh mà chúng tôi phát cho các em sau mỗi buổi học... Nhưng bây giờ tôi đã hiểu. Làm sao các em có thể là những đứa trẻ ngoan khi cha mẹ suốt ngày vật lộn với cuộc sống cơm áo gạo tiền, bỏ mặc các em tụm năm tụm ba rong chơi trong các ngõ hẻm của khu phố lao động? Làm sao các em lại không giành giựt nhau từng mẩu bánh khi mà hằng ngày ngoài ba bữa cơm đạm bạc, có bao giờ các em được ăn quà vặt như bao nhiêu trẻ khác?

Kể từ hôm ấy chúng tôi càng yêu thương các em hơn, ôn tồn với các em hơn. Vụ Giáo Sĩ Tu Sĩ quyết định trợ giúp hằng tháng cho gia đình các em còn quá khó khăn với sự đóng góp công quả của một vài đạo hữu.

Một năm học đã trôi qua, nhưng thành quả mà chúng tôi đạt được hãy còn quá khiêm tốn. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn luôn tự nhủ phải cố gắng hết sức mình để giành giựt các em trước bao nhiêu cạm bẫy, cám dỗ ngoài xã hội. Và dẫu biết rằng phần lớn gia đình các em chưa theo đạo Cao Đài, chúng tôi vẫn luôn tâm niệm phải ráng sức thực hiện bằng được lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

Việc giáo hóa mới vừa khởi lập
Các lớp lang ngăn nắp phân minh
Cho vườn măng mọc đẹp xinh
Độ con trước, độ phụ huynh sau này.[1]

Con đường chúng tôi đang đi chỉ mới là một nhóm gót nơi khởi điểm. Xin nguyện cầu cho các em tôi và chúng tôi cùng níu nương nhau, chân cứng đá mềm, vững bước tới ngày kết quả.

---

[1] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 03-5 Bính Dần (Thứ Hai 09-6-1986).

ĐỨC GIÊSU KITÔ ĐÃ TRỞ LẠI

Ngày 24-12 dương lịch hằng năm, cùng với cộng đồng dân Chúa trên toàn thế giới, hàng môn đệ Cao Đài nói chung và bổn đạo thánh thất Bàu Sen nói riêng đồng thành tâm tưởng niệm Đức Giêsu Kitô nhân dịp đại lễ kính mừng Chúa giáng sinh.

Trong truyện cổ nước Anh có câu chuyện như sau:

Liên tục trong năm trăm năm liền, cứ vào đêm Giáng Sinh, dân chúng tại một thành phố nọ đều tập trung lại, không phải để mừng ngày Chúa đã giáng sinh mà để chờ đợi ngày Chúa trở lại. Trước lúc nửa đêm, họ đốt đèn, đốt nến, hát thánh ca, rước kiệu đến một ngôi thánh đường cũ, nơi họ đã dựng một hang đá bên trong nhà thờ, và với tất cả tấm lòng thành, họ quỳ gối cầu nguyện. Ánh nến cùng những bài thánh ca làm tan đi cái giá lạnh của đêm đông. Tất cả mọi người trong thành phố đều có mặt ở đó, ai ai cũng tin rằng nếu tất cả mọi người trong thành đều có mặt để thành tâm cầu nguyện trong đêm Giáng Sinh thì Chúa Giêsu có thể sẽ trở lại đúng vào lúc nửa đêm.

Thế nhưng ngày trở lại của Chúa vẫn chưa bao giờ xảy ra. Một nhà báo hỏi một người thanh niên: "Bạn có thực sự tin rằng Chúa Giêsu sẽ trở lại trong đêm Giáng Sinh tại thành phố của bạn không?"

Đáp: "Không, tôi không tin chắc như thế!"

Nhà báo hỏi tiếp: "Vậy tại sao bạn lại đến đấy mỗi đêm Giáng Sinh?"

Thanh niên cười và trả lời: "Vì tôi không muốn là người duy nhất vắng mặt khi Chúa trở lại."

Palm Beach 16-01-1961:
Ảnh chụp trước nhà Kennedy (bốn ngày trước hôm nhậm chức tổng thống).
Từ trái sang phải: tổng thống tân cử John F. Kennedy, mục sư Billy Graham, và thượng nghị sĩ George Smathers.
(Ảnh AP)

Vấn đề Chúa sẽ trở lại sau hai ngàn năm cũng được tổng thống Mỹ John F. Kennedy (1917-1963) quan tâm. Một người rất gần gũi tổng thống Kennedy là mục sư Billy Graham (1918-2018) kể rằng vào ngày 16-01-1961 (bốn hôm trước ngày tổng thống tân cử Kennedy nhậm chức), ông và thượng nghị sĩ George Smathers (1913-2007) là đại biểu của bang Florida (1951-1969) được mời đến chơi gôn và thăm khu nhà của dòng họ Kennedy ở thị trấn Palm Beach, phía nam bang Florida. Trên đường từ sân gôn trở về, tổng thống Kennedy dừng xe, quay lại hỏi ông: "Mục sư Billy

Graham, ông có tin rằng Chúa Giêsu sẽ trở lại trái đất không?" Mục sư sửng sốt trước câu hỏi này của tổng thống Kennedy nhưng ông cũng trả lời ngay không chút do dự: "Thưa tổng thống, tôi tin Chúa Giêsu sẽ trở lại chứ!"

Hai câu chuyện vừa kể cho chúng ta thấy rằng phần đông các Kitô hữu vẫn luôn mong mỏi ngày trở lại thế gian của Đức Giêsu Kitô. Bởi lẽ Kinh Thánh có chép lời Chúa như sau:

1. "*Vậy anh em hãy canh thức, vì anh em không biết ngày nào Chúa của anh em đến. Anh em hãy biết điều này: Nếu chủ nhà biết vào canh nào kẻ trộm sẽ đến, hẳn ông đã thức, không để nó khoét vách nhà mình đâu. Cho nên anh em cũng vậy, anh em hãy sẵn sàng, vì chính giờ phút anh em không ngờ, thì Con [của] Người sẽ đến.*" (*Matthêu* 24:42-44)

2. "... *Chúa sẽ đến như kẻ trộm ban đêm*." (Thư Thêxalônica 1, 5:2)

Riêng đối với hàng tín hữu Cao Đài thì việc Đức Giêsu Kitô trở lại thế gian đã thành hiện thực. Tuy nhiên, Chúa trở lại thế gian, không phải trong hình hài thể xác một con người mà bằng thần khí, bằng điển quang qua ngọn linh cơ trong công cuộc cứu độ Kỳ Ba của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Lễ Giáng Sinh năm 1958, tại Tòa Thánh Châu Minh (Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, ở xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre), Đức Giêsu Kitô giáng cơ:

Hỡi các môn đồ, Ta đã đến
Đến bằng linh điển hợp thời này.

Lễ Giáng Sinh năm 1959 (chuẩn bị bước sang năm 1960), tại Huờn Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân, ở Vĩnh Hội, quận Tư, Sài Gòn), Chúa giáng cơ nhắc lại lời di chúc của Ngài trong Kinh Thánh:

Đến một ngàn chín trăm sáu chục
Trong Thánh Kinh di chúc của Ta
Trong hai ngàn năm đó là
Hạ nguơn tận thế Cha Ta lâm trần.

Cha Ta vốn Chơn Thần Thượng Đế
Cha Ta là Chúa Tể càn khôn
Cha Ta là Đấng Chí Tôn
Là Đại Từ Phụ bảo tồn nhơn sanh.

Đức Chúa Trời tá danh cứu thế
Danh Cao Đài Ngọc Đế Kỳ Ba
Việt Nam hạnh ngộ Đạo nhà
Hoàn cầu vạn quốc nhìn Cha là Thầy.

Lễ Giáng Sinh năm 1967, giáng cơ tại thánh thất Bàu Sen (quận Năm, Sài Gòn), Đức Giêsu Kitô dạy:

Ta đến với một mùa đông đầy giá rét
Để hy sinh cứu rỗi cho nhân loài
Ta lại đến trong cơn lửa bỏng dầu sôi
Để cất tiếng từng hồi gọi đàn chiên lạc lõng.

Lễ Giáng Sinh năm 1973, tại Huờn Cung Đàn, Chúa giáng cơ nhắc lại:

Giờ kỷ niệm, hai ngàn năm sắp mãn, theo lời tiên đoán ngày xưa còn nêu rành Cựu Ước, nay gợi lại để Thiên sứ, sứ đồ, gợi sưởi lòng ôn lại những điều tiên tri trên mặt luật. Vì trong hai ngàn năm, Ta sẽ tái lâm hạ thế, nhưng ngày nay Ta đến thế gian như kẻ trộm. Đó là điều tiên đoán ngàn xưa, nay nhắc lại

để chứng minh cho đời biết. Cũng như bao con chiên Ta đã đón tiếp và chờ mong ngày xuất hiện, lòng man mác đương trông mỏi. Nhưng Ta đã đến thế gian từ bao giờ, lòng con chiên chưa nhận thức. Đó là vì màn bí mật trùm bao, luật Thiên Điều hé màn cho biết. Nhưng đặc tính của con chiên vẫn còn đang tầm nơi không trung vị sứ thần xuất hiện, đang mong mỏi săn đuổi để đón rước Ta bằng tấm lòng tin tưởng, nhưng quên xem lại điều ghi sau những lời Cựu Ước. Đời mạt hạ, Ta hạ thế bằng linh điển để đem con người trở về đường hướng thiện để giải tỏa xích xiềng cho bản thân được thanh thỏa thân tâm, tu tầm vị cũ. Vì ngày Ta đến thế gian là ngày những tôi trai tớ gái đã nói những lời tiên tri như Ta hiện nay."

Một điều đặc biệt hy hữu đó là trong Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ Đức Giêsu Kitô trở lại thế gian mà tất cả các Đấng Giáo Tổ như Đức Phật Thích Ca, Đức Thái Thượng Đạo Tổ (Đức Lão Tử), Đức Khổng Phu Tử, v.v… đều trở lại thế gian trong công cuộc tận độ quần linh của Đức Thượng Đế.

Sứ mạng của các Ngài trong thời Tam Kỳ Phổ Độ này không chỉ đơn thuần kêu gọi nhơn sanh hồi tâm hướng thiện bỏ dữ làm lành mà chủ yếu là sứ mạng xây dựng nhân hòa trong tinh thần vạn giáo nhứt lý.

Bởi vậy, lại thêm một điều hy hữu nữa trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đó là trong kho tàng giáo lý Cao Đài, chúng ta thấy khi thì Đức Phật Thích Ca dạy về Ngũ Chi Đại Đạo (bao gồm Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo); khi thì một vị Phật giảng lời Chúa Giêsu trong kinh Thánh. Chẳng hạn, Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, vào ngày 25-12-1973 (Quý Sửu) đã giáng cơ dạy tại Vĩnh Nguyên Tự (xã Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Long An) như sau:

Này chư hiền đệ, hiền muội! Nhân ngày lễ Giáng Sinh của Đấng Cứu Thế ở phương Tây, Lão tưởng cũng nên nhắc lại một lời nào của Chúa Giêsu đã nói để mở đề cho cuộc đàm đạo hôm nay trong tinh thần Vạn giáo đồng nhất lý.

Khi Đức Chúa Giêsu cùng chư môn đồ giảng đạo trước quần chúng, Chúa dùng lời thí dụ chuyện gieo giống. Các hạt giống được đem gieo, những hạt bị rơi ở mé đường không khỏi bị chim chóc nó nuốt đi. Những hạt rơi trên tảng đá, sống tạm vào chút ít cát bụi mà lên, cũng không khỏi bị úa tàn vì rễ không châm sâu được. Những hạt rơi vào lùm bụi gai gốc cũng lên, nhưng bị nghẹt vì gai gốc. Còn những hạt rơi vào đất tốt sẽ nẩy tược đâm chồi và kết quả.

Môn đồ hỏi Chúa: Thí dụ như thế có ý gì?

Chúa bảo rằng hạt giống là Đạo, Thiên Chúa ban cho, còn những hạt rơi trên mé đường là những kẻ nghe Đạo nhưng ma quỷ sợ họ tin rồi được cứu rỗi đi, nên chực rước Đạo ra khỏi lòng họ. Những hạt rơi trên đá là những kẻ nghe Đạo bèn vui mừng nhận lấy, nhưng họ không có rễ, chỉ tin tạm mà thôi, khi gặp sự cám dỗ thì họ sẽ ngã. Những hạt rơi vào gai gốc là những kẻ nghe Đạo rồi bị sự lo lắng giàu có vui thú của đời sống làm nghẹt đi mà không sanh được trái chín. Còn những hạt rơi vào đất tốt là những kẻ nghe Đạo rồi lấy lòng thành thật lương thiện mà gìn giữ, nhẫn nại mà kết quả.

Chư hiền đệ, hiền muội! Chính hôm nay Lão muốn nói lại lời Chúa Giêsu với chư hiền, vì chư hiền là môn đồ của Chí Tôn Thượng Đế. Chư hiền sẽ lãnh hội và đem nói với con cái Đức Chí Tôn về ý Đạo ấy. Lão muốn hạt giống Đạo được gieo vào

đất tốt để đơm hoa kết quả. Lão muốn mỗi người đều tìm cầu cái Đạo ở bên trong mà đừng tìm cầu ở bên ngoài. Trợ duyên chính đáng rất cần cho người hành giả; trái lại, người hành giả tìm Đạo ở chỗ trợ duyên, Lão e lâm vấp trước đa đoan rồi chùn bước.

Và rồi chính Đức Giêsu Kitô, trong một lần giáng cơ tại Huờn Cung Đàn vào ngày lễ Giáng Sinh 25-12-1966 đã có một bài giảng độc đáo về quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn trong Kinh Dịch của Nho Giáo như sau:

Ta chào chư Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ.

Ngày này khắp trên mặt địa cầu đều để lòng ghi nhớ ơn Ta. Ta sẽ ban nhiều phước lành cho nhơn loại. Nơi đây cũng như khắp trong nền chánh pháp Cao Đài đều dâng lễ mừng Ta. Ta sẽ làm cho nước này, dân này được nhiều an ủi và lành mạnh thêm mãi. Chư Thiên ân an tọa.

Đức Chúa nêu lên thực trạng bi đát của thế giới nhân loại ngày nay:

Này chư hướng đạo ôi! Khắp trên hoàn cầu, nơi nào cũng bị họa đời giày xéo, người người đương rên rỉ, lầm than, phập phồng lo sợ từ giờ từ phút, chưa biết ma tử thần đến lúc nào.

Ôi! Cảnh đời quá điêu linh, điên đảo! Nước nước tranh giành mà đưa đến cho con người một cuộc máu xương khói lửa ngút trời. Khổ vì xác thịt, vì ăn vì mặc, vì lợi vì danh, vì chỗ đứng nơi ngồi, vì màu da sắc tóc, loài người xô đẩy nhau. Chẳng những vậy, mà còn phe phái, xu hướng khác nhau, đã gây nên tang tóc cho đời. Thậm chí tôn giáo cũng vì tín ngưỡng không đồng mà xô xát nhau, làm cho tinh thần xáo trộn. Cái họa đời to tát, rồi đây nó sẽ xô nhơn loại vào hố gươm đao, vào nơi chiến địa. Nếu Đạo Trời không ra kịp, thì cõi dinh hoàn này chắc chắn sẽ thành tro bụi.

Đức Thượng Đế khai mở mối Đạo Trời để cứu nhân loại thoát khỏi thảm họa diệt vong và đã ban trao cho dân tộc Việt Nam sứ mạng tiền phong. Bởi vậy, Đức Chúa dạy rằng với một sứ mạng vô cùng trọng đại, một trách nhiệm quá đỗi to tát như thế thì cần phải có sự đồng tâm hiệp lực của rất nhiều người để lấp bằng các hố sâu chia rẽ, xô ngã các thành trì phân ranh màu sắc, tín ngưỡng:

Đạo Trời lần ba hoằng khai để cứu vãn tình trạng nguy vong của nhơn loại, mà tái lập cuộc thế giới an bình. Thượng Đế chọn đất Việt làm thánh địa, chọn dân Việt làm tiền phong khai Đạo, nói lên những lời thiết tha bằng tình thương lẽ thật và sự sống đời đời.

Cái sứ mạng trọng đại này, cái quyền pháp vinh hạnh này, chư hướng đạo đã chịu ơn Trời, đảm đương công vụ, hầu thay gánh cho Chí Tôn ở dưới cõi này. Làm sao đây?

Đạo lớn lao thì trách nhiệm cũng quá chừng to tát, đâu phải một người làm xong, mà cần hiệp sức nhau, chia sớt nhau, để cùng lo cùng tính. Kẻ trong người ngoài, nơi nào cũng có mặt con người hướng đạo, hầu nói lên cái tôn chỉ dung hòa bình đẳng, hầu mọi người, mọi nơi được nhận định nguồn gốc là Đạo có một không hai, để lấp bằng các hố chia rẽ bất bình, xô đổ những thành trì ngăn ngại phân ranh màu sắc, tín ngưỡng.

Trong việc kêu gọi mọi người cùng đồng tâm hiệp lực với mình trong nhiệm vụ cao cả, Đức Chúa nhắc nhở chúng ta

một khía cạnh tâm lý nhân sự hết sức quan trọng như sau:

Muốn hiệp nhứt, mà hiệp bằng một cách đơn độc, bắt buộc ai cũng làm, cũng nói, cũng đi một đường, một kiểu như nhau, thì vạn đời chưa chắc kết quả.

Muôn loài vạn vật đều khác nhau. Cá thì ở nước sông. Chim thì ở non ở núi. Bắt cá thả lên rừng, bảo chim vào ở biển, thì làm sao không loạn?

Phương chi nhơn tình mỗi người mỗi ý, hóc hiểm khó khăn, mà muốn biết lòng người, đâu phải không cực tâm nghiên cứu mà thấu suốt tận đáy lòng của thiên hạ. Song lấy mình để xét người. Ai đói cũng muốn ăn, lạnh cũng muốn mặc, nhọc cũng muốn nghỉ, thì mình với người khác chi. Đem mình mà áp dụng vào người, thì ai không theo, ai không đồng.

Ngặt phải về một chỗ, phải làm một việc, phải nói một lời thì kẻ nông phu không sao viết ra bài, người học trò làm sao canh tác nổi. Nên việc làm tuy khác nhau, mà tâm hồn vẫn được như nhau, là điều chung trong lợi người, lợi việc.

Hôm nay, Ta đến để góp một vài ý kiến về việc tương hệ với bạn đồng đức đồng tâm, hầu kết nên tràng [trường] *thương yêu mà chung cùng nhiệm vụ.*

Đức Chúa giảng một đoạn trong Hệ Từ Dịch Truyện là lời của Đức Khổng Tử giảng giải thêm về quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn, một trong sáu mươi bốn quẻ của Kinh Dịch. Chúng ta biết rằng Kinh Dịch là Đạo của người quân tử, bởi lẽ mỗi quẻ trong Kinh Dịch với lời giải của các bậc Thánh Nhân nhằm dạy con người cách hành xử sao cho hợp đạo lý trong từng thời, từng vị, từng hoàn cảnh để được thành công.

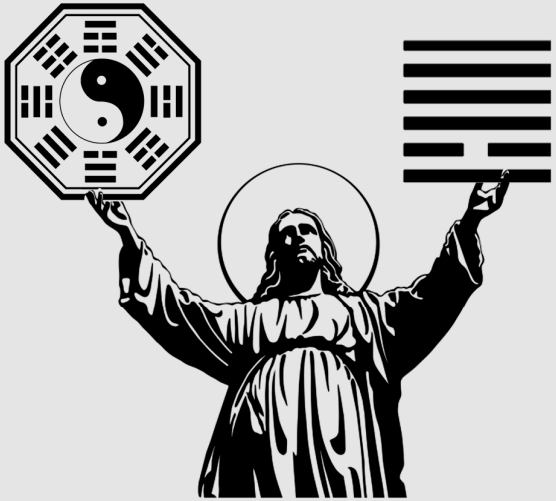

Qua cơ bút Cao Đài, tại Huờn Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân, Vĩnh Hội, Sài Gòn) ngày 25-12-1966 Đức Giêsu Kitô tái lâm, dạy về quẻ THIÊN HỎA ĐỒNG NHƠN trong Kinh Dịch.

Quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn được kết thành từ hai quẻ đơn: trên là quẻ Càn tượng trưng cho Trời (Thiên); dưới là quẻ Ly tượng trưng cho lửa (Hỏa).

Quẻ gồm sáu hào tính từ dưới lên: hào 1 (hào sơ), hào 2, hào 3, hào 4, hào 5, hào 6 (hào thượng). Hào được vẽ bằng vạch liền là hào dương, gọi là "cửu". Ví dụ: Hào 1 dương của quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn là hào sơ cửu. Hào được vẽ bằng vạch đứt là hào âm, gọi là "lục". Ví dụ: Hào 2 âm của quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn là hào lục nhị.

Quẻ Càn ở trên có hào 5 dương (cửu ngũ) làm chủ. Quẻ Ly ở dưới có hào 2 âm (lục nhị) làm chủ. Cả hai hào này đều có

đức trung chính, ứng với nhau rất tốt đẹp nên gọi là "thượng hạ tương đồng" hay "thượng hạ đồng tâm". Do đó, Thánh Nhân xưa đặt tên quẻ là "Thiên Hỏa Đồng Nhơn". Đồng Nhơn có nghĩa là người người cùng chung tâm hòa hợp trong xây dựng và bảo tồn cuộc sống.

Mỗi quẻ trong Kinh Dịch đều có lời bàn của Thánh Văn Vương gọi là Soán Từ. Mỗi hào đều có lời bàn của Thánh Chu Công gọi là Hào Từ. Rồi lại có thêm lời giảng giải của Đức Khổng Tử trong phần "Truyện".

Đức Chúa dạy:

Đây là một đoạn trong Hệ Từ Dịch Truyện, Đức Khổng Phu Tử nhấn mạnh về việc đồng tâm, đại đồng của thiên hạ. Ta nên lấy đó để hành đạo, giữ đạo mà xây dựng quyền pháp tương lai, cứu vãn lại nội tình hiện tại.

Hệ Từ viết: "Đồng nhơn tiên hào đào nhi hậu tiếu. Tử viết: Quân tử chi đạo, hoặc xuất hoặc xử, hoặc mặc hoặc ngữ, nhị nhơn đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim. Đồng tâm chi ngôn, kỳ xú như lan."

Đồng nhơn tiên hào đào nhi hậu tiếu. Câu này ở hào ngũ, quẻ Đồng Nhơn. Nói đến đồng nhơn thật rất khó khăn. Song thời thế đã đến, thì dầu ai không muốn đồng cũng không được.

Thật vậy, cơ Trời vận chuyển cho công cuộc xây dựng thế giới đại đồng. Thế nên, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII (1881-1963) đã nói rằng Ngài được Thánh Linh thôi thúc khai mở Công Đồng Vatican II để mời gọi đối thoại liên tôn giáo giữa Công Giáo và các tôn giáo khác trên thế giới. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI (1897-1978) đã ban hành văn kiện chính thức tại

Vatican vào ngày 28-10-1965 gọi là *Nostra Aetate* (có nghĩa là "Trong thời đại chúng ta" mà chúng ta có thể hiểu là thời đại của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với tinh thần vạn giáo đồng nguyên và quy nguyên). Nostra Aetate chính là "Tuyên ngôn về những quan hệ của Giáo Hội với các tôn giáo không phải Kitô Giáo".(1) Cũng trong năm 1965, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (nay là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo) được Đức Thượng Đế thành lập với nhiệm vụ nối liền tình huynh đệ.

Đức Chúa dạy:

Đồng tâm là người này người kia, tuy không ở chung với nhau, mà tâm sự vẫn đồng như nhau.

Tiên là trước. Hào đào là kêu rêu than thở. Hậu là sau. Tiếu là cười. Nghĩa là nói đến sự đồng tâm, trước vì sao mà phải kêu rêu than thở? Kêu rêu than thở là vì hai người đồng với nhau, mà chưa ngộ hợp cùng nhau, là vì trung gian có hào cửu tam, cửu tứ ngăn trở, nghĩa là bị người ta phá, bị người ta gièm pha giành giựt.

Nhưng lẽ phải cuối cùng cũng được ngộ hợp nhau mà vui cười, sung sướng. Nói đến đồng tâm giữa người này với người kia, mà còn khó như vậy, huống chi khối này khối nọ, làm sao dễ được?

Quân tử chi đạo là đạo người quân tử ở chỗ đồng tâm, để mưu toan việc đạo việc đời, mà lo cho nhơn loại. Hoặc xuất

(1) Xem: Huệ Khải, Trong Thời Đại Chúng Ta *Với Tâm Tình Một Tín Hữu Cao Đài /* Nostra Aetate *in a Caodai Believer's Sentiment*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2016. (Song ngữ Việt-Anh. Quyển 99-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

hoặc xử, hoặc mặc hoặc ngữ nghĩa là kẻ ra gánh vác việc đời, làm công việc nọ việc kia; kẻ thì ở yên một chỗ, ẩn dật tu hành, kẻ lại im lặng mà làm thinh, còn kẻ thì khua chuông giục trống cảnh tỉnh người đời. Tuy xuất (ra làm quan) với xử (hoặc ẩn dật) khác xa, ngữ (nói) với mặc (nín) trái hẳn, song cũng đều lo cùng một mục đích như nhau, tuy hoàn cảnh địa vị khác nhau. Nên mới có kẻ ẩn người hiện, kẻ nói người làm thinh, vì thời và vị không giống nhau. Song đem đổi hoàn cảnh của người này cho người kia, thì họ cũng làm như nhau không khác.

Đây nói cái đồng tâm, mà cái tích (việc thấy hiện bên ngoài) bất đồng. Tâm là tinh thần. Tích là hình thức. Tích mà đồng, tâm không đồng, thì người quân tử không hề làm; mà mặc dầu tích không đồng, tâm đồng, là đạo lợi cho thiên hạ. Nên mỗi người đã đồng tâm rồi, thì chia nhau mà lo, kẻ làm việc nọ, người làm việc kia, ai cũng cúc cung tận tụy, các tận sở năng của mình. Dầu ở xa ngàn dặm, những việc làm giống nhau như khuôn in rập.

Nhị nhơn đồng tâm kỳ lợi đoạn kim nghĩa là người này cùng người kia mà đồng tâm nhau rồi, thì núi cũng xô ngã được, biển cũng lấp bằng được. Người người đều cảm mà hóa theo, thì khác nào một đoạn sắt chặt một cái là đứt làm đôi. Sức mạnh của đồng tâm ghê gớm, làm gì lại không được? Dầu cho trời đất cũng vui nghe mà giúp đỡ.

Đồng tâm chi ngôn, kỳ xú như lan nghĩa là lời nói của người đồng tâm tuy không ngọt ngào mà ai cũng thích, tuy không nồng nàn mà ai cũng say, cảm đến người đến vật. Lời nói thống thiết chân thành, mùi vị ngọt ngào, dầu sự thơm của hoa lan cũng chỉ đến chừng đó là cùng. Sự đồng tâm tác hợp nhau, để lo xây dựng Đạo Trời.

Đạo Trời cũng mưu tính, cải tạo loài người, tái lập cuộc đời đại đồng thế giới. Mục đích ai là người có trách nhiệm trong nền tân pháp Đại Đạo phải hướng vào đó mà tu sửa, mà mở mang. Song thế giới bước đến đại đồng, trước phải đặt móng đắp nền ở gần, rồi mới đến xa, nghĩa là phải xây dựng đại đồng trong đạo. Người này người nọ lấy thương yêu làm mục đích, lấy lẽ thật làm nền tảng, cột chặt lấy dải đồng tâm.

Hãy xét quẻ Đồng Nhơn trong sáu hào.

Hào sơ cửu thì Đồng nhơn vu môn. Nghĩa là đại đồng với người. Không phải ở trong nhà mà nói đại đồng, cần phải ra khỏi cửa, để đồng cùng xóm giềng, làng nước, giao du chỗ nọ, chỗ kia, mà kết tình bằng hữu, để cùng nhau chung lấy nhiệm vụ đại đồng.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô từng bảo rằng trong Thánh Kinh thuở xưa Chúa dạy *Cứ gõ cửa thì sẽ mở ra cho* (*Matthêu* 7:7), tuy nhiên ngày nay chúng ta không thể ngồi trong nhà chờ người đến gõ cửa mà cần phải mở cửa bước ra ngoài giao tiếp với nhơn sanh để thực hiện nhiệm vụ cứu độ (Công Giáo gọi là *đi ra các vùng ngoại biên của Giáo Hội*).

Đức Chúa dạy:

Đến hào lục nhị, thì Đồng nhơn vu tông. Nghĩa là hào này đồng nhơn là đại đồng với trong tông tộc, phe phái hệ thống của mình mà thôi. Đồng nhơn như thế cũng quá hẹp chật, chưa đúng với đại đồng, nên người hướng đạo coi hào này mà cần mở rộng phạm vi liên kết với bạn bè ở nhiều tôn giáo, học thuyết rải rác khắp mọi nơi.

Đến hào cửu tam, thì cũng muốn đồng với người, song đồng ấy là giành kéo về mình, làm của riêng cho mình, nên núp ở chốn bụi gò mà rình để giựt lục nhị (hào âm).

Đến hào cửu tứ cũng vậy, song muốn được lục nhị, phải cỡi lên cửu tam, nghĩa là trèo lên thành mà coi động tịnh. Hai hào này ở trong quẻ Đồng Nhơn, mà đồng bằng cách giành giựt, tham lam, thì người hướng đạo của ta không nên bắt chước.

Đến hào cửu ngũ, thì trước phải kêu rêu than thở, sau dùng đến đại binh, mới trừ được trung gian phá hoại, mà hai bên mới hội ngộ hợp nhau, vui cười sung sướng. Ôi! Đồng tâm mà khó như vậy, phải dùng toàn lực đại vũ mới đi lên thành công. Điều đó, nhà đạo chắc không làm, vì chi mạnh cho bằng đạo đức? Nên nói: "Lấy đạo đức làm nền xu hướng, lấy cảm tình làm tướng giục binh." Song cũng nhớ rằng việc làm dầu nhỏ dầu lớn, cũng bị điều trở ngại. Ta phải đề phòng, mà cũng phải gắng công bền chí.

Đến hào thượng cửu, thì <u>Đồng nhơn vu giao</u>. Vu là đi. Giao nghĩa là giao du. Giao du ở gần nhà mình, nước mình, thì cũng hẹp chật. Chỉ có lời Soán Từ là <u>Đồng nhơn vu dã</u>, đồng nhơn mà vu dã (ra đồng trống) thiệt rộng lớn mênh mông, không bờ bến. Đâu phải ra khỏi cửa hay ở trong tông phái mình mà thôi, còn kết thân tình huynh đệ đại đồng khắp chỗ, đồng hoang hẻo lánh, đâu còn lựa chọn so cân.

Tại Sarajevo (thủ đô của Bosna và Hercegovina), vào ngày Thứ Bảy 06-6-2015, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói: *Đối thoại liên tôn giáo không thể chỉ giới hạn cho một thiểu số, hay cho các lãnh đạo những cộng đồng tôn giáo, mà còn phải mở rộng càng nhiều càng tốt cho tất cả mọi tín hữu, gắn kết các thành phần khác nhau của xã hội dân sự.*[2]

Đức Chúa dạy:

Vậy hôm nay ta cần đặt lại vấn đề, để rồi ngày tới đây đặt mối tương quan, để thành một mối đồng tâm, mà chia lo việc đạo, gánh vác việc đời, hầu đem lại một khối bình đẳng duy nhứt, không còn ranh giới rẽ riêng.

Trước khi kết thúc bài giảng, Đức Chúa dặn dò các môn đồ phải gắng công bền chí, kiên nhẫn tiến lên không lùi trước mọi khó khăn trở ngại để hoàn thành sứ mạng xây dựng thế giới đại đồng cho nhân loại. Lời Chúa như sau:

Nơi đây gắng công một lần nữa để hoàn thành sứ mạng, mặc dầu đã trải qua nhiều trở ngại, song cuối cùng cũng được kết quả. Lòng đạo đức cứ tiến không lùi, dầu chưa làm xong, sau có người kế tiếp như Ngu Công bạt núi,[3] *chim Tinh Vệ lấp*

---

[2] *Interreligious dialogue cannot be limited merely to the few, to leaders of religious communities, but must also extend as far as possible to all believers, engaging the different sectors of civil society.* (Huệ Khải, *"Đối Thoại Liên Tôn Giáo Từ Góc Nhìn Của Một Tín Hữu Cao Đài"*, in trong tạp chí *Nghiên Cứu Tôn Giáo,* số 09 [147], Hà Nội, 2015, tr. 15, 29.)

[3] Theo *Cổ Học Tinh Hoa,* quyển Nhì, của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và Tĩnh Trai Trần Lê Nhân, truyện 126 kể:

Ngu Công là ông lão tuổi chín mươi, nhà ở chân núi Thái Hàng và Vương Ốc phía nam Châu Ký. Ngu Công thấy núi gây chướng ngại cho mọi người trong việc đi lại nên quyết định huy động cả dòng họ phá núi mở đường. Cả nhà ông hợp sức với nhau kẻ đục đá, người đào đất, kẻ đầu đội, người vai mang đất đá đổ ra biển Đông hết ngày này sang tháng khác.

Có ông Lão tên Trí Tẩu thấy vậy cười Ngu Công và can: "Sao khờ dại vậy! Mình thì tuổi tác, núi thì cao lớn, phá thế nào nổi!"

biển.[4] *Được hay không là ở Trời, còn bổn phận làm nên cố gắng.*

Được học những lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng trong tinh thần vạn giáo nhất lý như thế, người tín đồ Cao Đài cảm thấy sung sướng vô cùng khi được tắm mình trong bể đại dương lớn rộng của giáo lý Tam Giáo, Tứ Giáo [5] và vạn giáo. Các tôn giáo trên thế gian được ví như các dòng sông. Muôn sông rồi cũng đổ về biển cả. Và khi đã về đến đại dương thì nước chỉ còn một vị mặn thuần nhất, nào có còn phân biệt nước của dòng sông này hay dòng sông khác.

Các bậc Giáo Tổ các tôn giáo thuở xa xưa, ngày nay trở lại thế gian trong Tam Kỳ Phổ Độ để dạy đạo cho nhơn sanh trong tinh thần vạn giáo nhất lý; các Ngài nào có ngăn ngại, nào có phân biệt giáo lý của nền tôn giáo do các Ngài sáng lập hay giáo lý các tôn giáo khác. Vậy thì tại sao chúng ta lại ngăn ngại, lại phân biệt? Thế nên, Thiêng Liêng dạy người môn đệ Cao Đài một tinh thần phá chấp tuyệt đối: *Cao Đài*

Ngu Công thở dài nói: "Bền lòng thì việc gì cũng phải được. Ta già, ta chết, đã có con ta. Hết đời con ta, đã có cháu ta. Hết đời cháu ta đã có chắt ta. Con con cháu cháu sinh hạ vô cùng mà núi thì bao giờ cũng vậy, lo gì không bạt nổi."

Trí Tẩu nghe nói, nín lặng, không trả lời. Sau này vùng nam Châu Ký không có núi non chướng ngại, đi lại thuận tiện là nhờ có Ngu Công.

[4] *Tinh Vệ* là tên một giống chim nhỏ mỏ đỏ chân trắng có hình dáng giống con quạ, thường sinh sống ở các vùng duyên hải Viễn Đông, giống chim này chuyên đi gắp những hạt cát nhỏ rồi bay ra biển thả xuống. Theo truyền thuyết, con gái Viêm Đế là Nữ Oa chết đuối ở biển Đông, hóa thành chim Tinh Vệ.

[5] *Tứ Giáo*: Gồm có Tam Giáo (Nho, Lão, Phật), và đạo Chúa.

không là Cao Đài, đó chính thị là Cao Đài,[6] và kêu gọi mọi người hãy: *Ngước mắt nhìn lên bầu trời to rộng,*[7] *vượt ra đại dương trời nước bao la, chắp cánh bay bổng khắp bốn phương trời để phục vụ nhân loại, phụng sự Thiên cơ, làm theo lòng trời đất.*[8]

Nếu tất cả tín hữu các tôn giáo đều làm được như vậy, cũng như thực hiện được hai chữ "đồng tâm" mà Đức Chúa đã giảng giải qua quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn trong Kinh Dịch, thì chắc chắn rằng thế gian này sẽ không còn những cảnh thù hận rẽ chia, chiến tranh tang tóc, loạn ly đau khổ cùng cực như hiện nay.

*

Đức Chúa dạy (Gioan 20:29): *Phúc cho ai không thấy mà tin.* Thật vậy, quả là hạnh phúc cho tất cả những ai tin rằng Đức Giêsu Kitô đã trở lại trong thời đại chúng ta, dù mắt phàm chúng ta không nhìn thấy hình hài của Chúa bằng xương bằng thịt.

Tuy nhiên, suy cho cùng, trong suốt hơn hai ngàn năm nay, Đức Chúa chưa hề rời khỏi thế gian hay từ bỏ chúng ta. Ngài vẫn luôn hiện hữu và ngự trị trong tâm lành của tất cả những ai biết hướng về Chúa và Ngài vẫn luôn soi dẫn, đồng

[6] Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-01 Giáp Dần (Thứ Tư 06-02-1974).

[7] Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh thất Nam Thành, 14-02 Kỷ Dậu (Thứ Hai 31-3-1969).

[8] Ni Sư Diệu Lộc, Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 01-5 Kỷ Dậu (Chủ Nhật 15-6-1969).

hành, tiếp sức cho chúng ta trên từng bước đường phụng sự, yêu thương anh em mình theo lời Đức Chúa dạy.

Xưa kia, sau buổi Tiệc Ly, Đức Chúa dạy (*Gioan* 13:34): *Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy yêu thương nhau; anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em.*

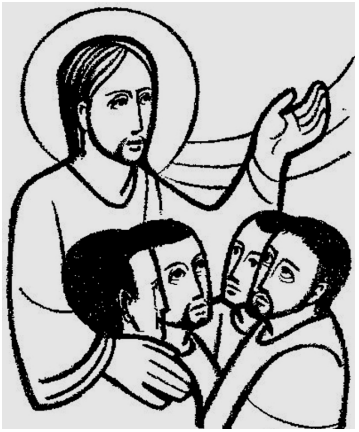

Vậy, ngày hôm nay và mãi mãi về sau, bất kỳ ai trong chúng ta có được lòng yêu thương chân thật, thì chắc chắn là đang có Chúa ngự ở trong người ấy và người ấy cũng đang ở trong Chúa. Đó cũng là một cách rất cụ thể để chúng ta đón Chúa trở lại với chúng ta.

Xin nguyện cầu Đức Giêsu Kitô ban ơn soi dẫn cho toàn cả nhân loại trên thế gian để mọi người cùng đồng tâm yêu thương nhau hầu xây dựng bình an trên cõi thế.

ĐỨC THỊNH THỜI HƯNG

Ngày xưa, ở Trung Hoa và Việt Nam ta, ai muốn ra làm quan phải trải qua các kỳ thi do triều đình tổ chức. Có nhiều người chuyên tâm dồi mài kinh sử mong đến ngày thi đỗ làm quan để vừa mang lại vinh hiển cho bản thân và dòng tộc, vừa đem tài phục vụ cho đất nước, thế nhưng đi thi năm lần bảy lượt vẫn không đậu, mặc dù là người có thực tài, văn hay chữ tốt, học vấn uyên thâm. Dân gian bảo rằng những người ấy có tài nhưng không gặp thời.

Ngược lại, có nhiều người học hành đỗ đạt và ngày càng được thăng quan tiến chức, hoặc có người làm ăn phát đạt, sự nghiệp kinh doanh ngày một phát triển. Dân gian bảo rằng những người ấy đang gặp thời hay đang có thời.

Vậy, vì sao người thì gặp thời, người lại không gặp thời? Người xưa nói: *Mạng lý hữu thời chung tu hữu; mạng lý vô thời mạc cưỡng cầu.* (Số mạng có thời, thì rốt cuộc phải có; số mạng không có thời, thì chớ gắng gượng cầu mong.)

Ngày nay, *Kinh Sám Hối* trong đạo Cao Đài dạy:

Cuộc danh lợi là phần thưởng quý
Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn
Lòng đừng so thiệt tính hơn
Ngày đêm than thở dạ hờn ích chi.

Người sang cả là vì duyên trước
Kẻ không phần luống ước cầu may…

Vậy, rốt lại là chữ thời tùy thuộc vào điều gì? Phải chăng là do số mạng đã định sẵn như câu nói người xưa? Hay do *Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn* như lời Kinh Sám Hối, và nếu thế, thì Ngài *xét kỹ* dựa trên tiêu chuẩn nào?

Trong một lần giáng đàn tại Minh Lý Thánh Hội, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư giảng giải như sau: *Theo thói thường của thế nhân, họ cho rằng chữ thời do số mạng đã định sẵn, ngồi không chờ thời vận đưa đến, vì họ xem tích Khương Thượng ngồi câu nơi sông Vị. Chỉ nhợ câu, chẳng lưỡi câu và cũng chẳng mồi. Khi thời vận đến vẫn bắt được cá. Cười…*[1]

Trong lời dạy này, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư nhắc đến sự tích Ngài Khương Thượng ngồi câu nơi sông Vị. Nhân đây xin được nhắc lại đôi nét về Ngài.

Đức Khương Thượng tự là Tử Nha nên còn được gọi là Khương Tử Nha. Ngày nay trong đạo Cao Đài, Ngài được thờ kính trên Thiên Bàn trong hàng Ngũ Chi Đại Đạo ở vị trí Giáo Chủ Thần Đạo và có hồng danh là *Thái Công Tướng Phụ Quản Pháp Thiên Tôn* bởi lẽ khi phò nhà Châu, Ngài được Châu Võ Vương (con Châu Văn Vương) phong chức Thái Công, và được vua gọi là Thượng Phụ hay Tướng Phụ (cha nuôi). Ngài là Đấng thiêng liêng nắm giữ pháp môn trên Thiên Đình nên Ngài là *Quản Pháp Thiên Tôn*. (*Quản* có nghĩa là quản lý, nắm giữ trong tay.)

Chúng ta biết được điều này nhờ vào lời dạy của Đức

[1] Minh Lý Thánh Hội, 04-11 Nhâm Tý (Thứ Bảy 09-12-1972).

Quan Âm Bồ Tát: *Hiện thời, Ngài* [Quản Pháp Thiên Tôn] *đang nắm pháp trong tay, nếu chư hiền đệ muội có duyên với Ngài, Ngài sẽ ban pháp cho mà lập công bồi đức. Đó là một điều đại hạnh cho chư hiền đệ muội.*[2]

Đức Khương Thái Công dạy: *(N)hiều chư đệ muội than phiền khi hầu đàn gặp Lão không được an tọa. Điều ấy Lão có muốn làm chi, nhưng vì trong tay Lão nắm không biết nhiêu pháp của Thiên Đình, bởi thế, các Đấng Thần Tiên trước Lão còn phải thủ lễ thay, huống chi chư hiền đệ muội.*[3]

Theo sử sách, Đức Khương Thượng sinh vào thế kỷ 12 trước Công Nguyên (TCN), đời nhà Thương bên Trung Hoa. Năm ba mươi hai tuổi, Ngài lên núi Côn Lôn học đạo với Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn hơn bốn mươi năm không biết đến việc trần tục nữa.

Vua Trụ nhà Thương [4] đắm mê tửu sắc bỏ bê việc triều chính, lại nghe theo lời Đát Kỷ bày ra các hình phạt vô cùng khắc nghiệt như hầm rắn, cột đồng nung lửa… Các trung thần can gián đều bị xử tử, lê dân đồ thán, vận nước suy vi… Đức Nguơn Thỉ Thiên Tôn mới hạ lịnh cho Ngài Khương Tử Nha xuống núi phò nhà Châu (một nước chư hầu) để phạt Trụ, lập bảng Phong Thần. Ngài Tử Nha ngồi buông câu bên sông Vị hết ngày này sang ngày khác chờ thời vận ra giúp nhà Châu phạt Trụ.

Một hôm có người tiều phu phát hiện rằng lưỡi câu của

[2] Thánh tịnh Ngọc Linh, 24-3 Kỷ Hợi (Thứ Sáu 01-5-1959).

[3] Thánh tịnh Ngọc Linh, 16-4 Kỷ Hợi (Thứ Bảy 23-5-1959).

[4] Vua tên Đế Tân, nhưng vì quá tàn ác, bất nghĩa nên bị gọi là Trụ. (Trụ là người tàn ác, bất nghĩa.)

Ngài không uốn cong và không có ngạnh bén thì chế giễu. Ngài bảo: "Ta câu thời câu vận chứ nào phải câu cá câu tôm."

Đức Khương Thượng là bậc đã tu hành đắc đạo nên Ngài câu thời câu vận nào phải vì mong được hưởng vinh hoa phú quý chốn thế gian mà là để thực hiện sứ mạng phò Châu phạt Trụ. Thế nên, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy tiếp: *Hiểu rằng thời của Khương Thượng là sai lầm, mà chính là thời của vì vương gặp lúc vượng khí, nhưng họ nào hiểu rằng chính vì vương ấy có đức thì khí mới vượng, thời mới hưng. Nếu ở không ngồi rồi mà đợi thời thì thời tự đâu mà đến?* [5]

Châu Văn Vương tìm Khương Tử Nha nơi sông Vị.

Vị vương mà Đức Vạn Hạnh Thiền Sư nói đến chính là Văn Vương nhà Châu, một vì vua hiền đức luôn yêu thương nhân dân. Nhờ cái đức ấy mà nhà Châu mới hưng thịnh và thời vận mới đến để nhà Châu có được Đức Khương Thượng phò tá hưng Châu phạt Trụ, lập nên đế nghiệp nhà Châu kéo dài 867 năm, là triều đại tồn tại lâu dài nhất Trung Hoa.

Sách xưa kể rằng Văn Vương muốn lập một cái Linh Đài để xem thiên văn và bói Dịch, biết việc dữ lành trong nước. Ngài sai quan đại phu Táng Nghi Sanh treo bảng tuyển lựa nhân công, ghi rằng dân chúng đến làm sẽ được trả hai chỉ bạc mỗi ngày, ai không muốn làm thì thôi, không bắt buộc.

Nhân dân bàn với nhau: "Bởi đại vương nhân đức nên chúng ta mới được thảnh thơi, mặt trời mọc thì đi làm, mặt trời lặn thì về ngủ, khỏi lo ly loạn, vui thái bình. Nay đại vương muốn cất Linh Đài để xem việc dữ lành trong nước, chúng ta phải góp công góp sức mà làm, cần gì phải trả tiền công."

Bàn luận xong, dân chúng cử người thay mặt đến xin yết kiến Táng Nghi Sanh và thưa: "Chúng tôi xin góp sức làm xong Linh Đài, không lấy đồng tiền công nào hết."

Táng Nghi Sanh vào tâu lại, Văn Vương không bằng lòng, ép dân chúng phải nhận tiền. Dân chúng mến đức vô cùng, dốc hết sức mình đua nhau làm rất hăng, chỉ trong mười ngày, một cái đài nguy nga đã lập xong.

Văn Vương dẫn bá quan ra xem thấy đài cao hai trượng, chạm trổ đâu đấy rất tinh vi, vẻ huy hoàng không thể tưởng tượng được.

Tuy nhiên nét mặt Văn Vương vẫn không vui. Táng Nghi Sanh thấy vậy hỏi: "Linh Đài đã lập thành, vì ý gì Chúa Công buồn bực?"

[5] Minh Lý Thánh Hội, 04-11 Nhâm Tý (Thứ Bảy 09-12-1972).

Văn Vương nói: "Ta muốn đào thêm trước sân Linh Đài một cái ao nữa cho đủ âm dương, song sợ sức dân mệt nhọc."

Táng Nghi Sanh nói: "Lập cái đài công lao bằng mười lần mà chỉ làm trong mấy bữa, thì đào cái ao phỏng có bao nhiêu công mà Chúa Công ngần ngại."

Văn Vương nói: "Cái ao phải đào sâu bằng chiều cao Linh Đài, để thủy hỏa bằng nhau."

Dân chúng nghe Văn Vương có lòng thương dân như vậy xúm nhau đến yết kiến Táng Nghi Sanh, nói: "Việc đào ao công phu có bao nhiêu mà Chúa Công lo lắng." Nói rồi chia thành toán, người hì hục đào, kẻ xúc đất, vô cùng hăng hái.

Khi hầm sâu độ một thước, dân chúng gặp những bộ xương khô trắng hếu, chẳng biết chôn từ đời nào, liền móc quăng lên.

Văn Vương trông thấy hỏi: "Vật gì trắng hếu như vậy?"

Dân chúng thưa: "Đó là những bộ xương người chẳng biết của ai."

Văn Vương nói: "Phải sắp theo từng bộ, để tẩn liệm, chôn cất hẳn hoi, không nên khinh thường."

Dân chúng tâu: "Đó là những nắm xương vô chủ, còn quý trọng làm gì!"

Văn Vương nói: "Quý trọng cái mà không ai biết quý trọng mới là con người có đạo."

Nói rồi truyền mua quan quách, bao nhiêu xương trắng được chôn cất tử tế.

Thấy bộ xương khô mà vua còn thương huống chi người sống. Dân chúng ai nấy đều cảm kích, nên việc đào ao chỉ vài hôm là hoàn thành.[6]

Về sau, trước khi mất, Văn Vương không quên dặn dò con trai là Cơ Phát: "Làm người chỉ có đạo là lớn, mà lỗi đạo là không nên người. Hễ thấy việc lành thì làm ngay, thấy việc quấy thì xa tránh. Nghe việc phải chớ nên chần chờ. Đó là ba điều để trau mình, trị dân, cứu nước. Con nhớ lời cha dạy, dầu thác cha cũng vui." [7]

Trong lịch sử các quốc gia cũng như lịch sử nước nhà, khi các bậc lãnh đạo quốc gia là người hiền đức biết yêu thương nhân dân thì vận nước được hưng thịnh, quốc gia được thái bình âu ca. Thế nên Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy rằng *chính vì vương ấy có đức thì khí mới vượng, thời mới hưng.*

Đất nước Việt Nam ta vào các triều đại đầu nhà Lý cũng rất hưng thịnh nhờ có các vì vua hiền đức như Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông.

Sách *Việt Nam Sử Lược* của Lệ Thần Trần Trọng Kim (1883-1953) viết:

Lý Thánh Tông là một ông vua nhân từ, có lòng thương dân; một năm trời làm rét lắm, Thánh Tông bảo những quan hầu gần rằng: "Trẫm ở trong cung ăn mặc như thế này còn rét, nghĩ những tù phạm giam trong ngục, phải trói buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc; vả lại có người xét hỏi chưa xong, gian ngay chưa rõ, nhỡ rét quá mà chết thì thật là thương lắm." Nói rồi truyền lấy chăn chiếu cho tù nằm, và mỗi

[6] *Phong Thần Diễn Nghĩa*, Hồi thứ 23.
[7] *Phong Thần Diễn Nghĩa*, Hồi thứ 29.

ngày cho hai bữa ăn. Lại có một hôm Thánh Tông ra ngự ở điện Thiên Khánh xét án, có Động Thiên công chúa đứng hầu bên cạnh. Thánh Tông chỉ vào công chúa mà bảo các quan: "Lòng trẫm yêu dân cũng như yêu con trẫm vậy, hiềm vì trăm họ ngu dại, làm càn phải tội, trẫm lấy làm thương lắm. Từ rày về sau tội gì cũng giảm nhẹ bớt đi."

Vua Thánh Tông có lòng nhân đức như thế, cho nên trăm họ mến phục, trong đời Ngài làm vua ít có giặc giã. Ngài lại có ý muốn khai hóa sự văn học, lập Văn Miếu, làm tượng Chu Công, Khổng Tử và bảy mươi hai tiên hiền để thờ. Nước ta có Văn Miếu thờ Khổng Tử và chư hiền khởi đầu từ đấy.[8]

Ngược lại, các vì vua kém đức, không biết tu dưỡng bản thân và chăm lo việc triều chính thì lê dân thống khổ, vận nước suy tàn. Chẳng hạn như vua Lý Cao Tông lên ngôi vua lúc mới có ba tuổi, may nhờ có quan Thái Phó Tô Hiến Thành (1102-1179) là bậc hiền thần trung tín đủ tài thao lược làm nhiếp chính giúp vua trị nước an dân, nhưng: *Đến khi Cao Tông lớn lên cầm quyền trị nước, thì cứ hay đi săn bắn chơi bời, làm cung xây điện, bắt trăm họ phải phục dịch khổ sở. Ngoài biên giới thì quân mường thổ bên Tàu sang quấy nhiễu ở phía bắc, người Chiêm Thành sang đánh ở phía nam; trong nước thì trộm cướp nổi lên như ong dấy. Vua tôi không ai lo nghĩ gì đến việc chính trị, chỉ làm những việc nhũng lạm, mua quan bán chức, hà hiếp nhân dân, lấy tiền để làm những việc xa xỉ.*[9] Triều đại nhà Lý bắt đầu suy tàn từ đấy.

Qua đó, chúng ta có thể thấy được tầm quan trọng của đạo

[8] Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Quyển 1, Phần 3, Chương IV.
[9] *Sách đã dẫn*, Quyển 1, Phần 3, Chương V.

đức đối với sự hưng vong của một quốc gia dân tộc. Thế nên ngày nay, Đức Quan Âm Bồ Tát dạy rằng đạo đức là siêu chánh trị:

(N)hững người trong cửa đạo từ lâu không dám bàn đến hai tiếng chánh trị vì quan niệm rằng chánh trị là có lập phe lập đảng, có tranh bá đồ vương, có giựt giành quyền thế. Tại hiểu như vậy nên không dám nghĩ và bàn đến hai tiếng ấy. Thật nghĩa của nó là cao quý biết bao!

Định nghĩa: Chánh là chánh trực, quang minh, ngay thẳng, đúng đắn, có nhân nghĩa đạo đức và háo sinh. Trị là an ninh, bảo tồn trật tự, hòa thuận dưới trên. (...)

Ngày nay cũng như từ bao giờ, những phần tử tốt, tu hành chân chính trong cửa đạo hằng hoàn thiện hóa từ nội tâm đến ngoại thể con người mình cho đúng với hai chữ đạo đức. Đó là phần vụ tu thân. Còn phần lập công bồi đức là việc tế nhân độ thế, làm những công việc xã hội từ thiện, lấy lý đạo lồng vào việc làm để tỉnh thức kẻ tội lỗi hung ác trở lại đường thiện lương thuần mỹ, giáo dân vi thiện.

Độ được một người vào cửa thiện là giảm đi một phần tử xấu của quốc gia. Độ được một người biết làm công việc giáo dân vi thiện là đã bớt đi hàng trăm phần tử xấu của quốc gia. Nếu độ được trăm ngàn muôn triệu người như vậy thì một quốc gia đã giảm đi rất nhiều khám đường và sẽ chuyển những cơ sở ấy lại thành giáo đường. Như vậy không phải đạo đức là siêu chánh trị hay sao?

Nếu mỗi người thương nhau trong tình đạo hữu, trong tình anh chị em cùng một Cha chung Thượng Đế, lo dìu dẫn nhau, bảo trợ nhau, dạy dỗ nhau như người cùng ruột thịt thì xã hội

quốc gia đương nhiên an bình, dân tình được lạc nghiệp. (...) Được thạnh trị nhờ chữ chánh: chánh tâm, chánh trực, chánh tín. Từ lớn chí nhỏ, từ quan chí dân, từ kẻ sĩ phu tới hàng cùng đinh mà được chánh thì lo gì không thạnh trị an ninh, quốc gia cường thịnh, xã hội thanh bình. Đó không phải đạo đức là siêu chánh trị hay sao?

Người làm đạo đức là làm chánh trị trong tình thương, giáo dục và bảo tồn.[10]

Đó là đạo đức ảnh hưởng đến vận mệnh của quốc gia.

Đạo đức cũng ảnh hưởng đến sự hưng vong của một tổ chức, nhất là đức của người lãnh đạo, bậc hướng đạo, quyết định phần lớn sự thành công của tổ chức. Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên đã có lần nhắc nhở các vị hướng đạo trong Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam như sau:

"Trong tổ chức Nữ Chung Hòa cũng như tổ chức Cơ Quan, v.v... mỗi người một việc, nhưng người Tổng Lý, Chủ Tịch hay Hội Trưởng, v.v... có đức độ bao trùm cho tổ chức đó thì những nhân viên cộng sự có tài cán tổ chức hoạt động mới được vững vàng. Nếu bộ phận đầu não thiếu phước đức che chở, dầu các cộng sự có tài cũng không thể nào kết quả trọn vẹn vậy." [11]

Đạo đức của mỗi cá nhân cũng là yếu tố quyết định đối với thời vận của từng cá thể con người.

Địch Nhân Kiệt (630-700) thành danh vào đời nhà Đường. Thuở còn trẻ, ra kinh thành dự thi, dọc đường Địch Nhân

[10] Minh Lý Thánh Hội, 14-01 Kỷ Dậu (Chủ Nhật 02-3-1969).

[11] Minh Lý Thánh Hội, 28-8 Mậu Thân (Thứ Bảy 19-10-1968).

Kiệt ghé vào quán trọ nghỉ ngơi. Trong đêm có một góa phụ trẻ đẹp lén đến gặp ông ở phòng ngủ, lả lơi quyến rũ. Ông sắp sa ngã song cưỡng lại được vì nhớ đến câu *Hoàng Thiên bất khả khi* (không thể lừa dối Trời). Thế là ông ứng khẩu đọc cho nàng nghe bốn câu thơ như sau:

Mỹ sắc nhân gian chí lạc xuân
Ngã dâm nhân phụ, phụ dâm nhân
Nhược tương mỹ sắc tư vong phụ
Biến thể thư toàn diệt sắc tâm.

Bài thơ của Địch Nhân Kiệt tạm diễn nghĩa như sau:

Sắc đẹp đàn bà cho cái thú rất sướng vui trên đời / Nhưng ta gian dâm vợ người khác thì (quả báo là) vợ ta cũng sẽ gian dâm kẻ khác / Trước sắc đẹp nếu nghĩ tới chuyện sẽ mất vợ (vì vợ gian dâm kẻ khác) / Và toàn thân bị giòi đục khoét (khi chết, sắc đẹp chẳng còn) thì diệt được lòng hiếu sắc.

Người đẹp không hiểu, xin ông giải thích bài thơ. Nghe cắt nghĩa xong thì nàng hối hận, xin ông tha lỗi rồi chào ra về.

Hôm sau tại triều đình, vua Đường Thái Tông hỏi quân sư Lý Thuần Phong xem kỳ này ai đậu trạng nguyên. Đạo sĩ Lý Thuần Phong về nhà làm lễ rồi xuất hồn lên Thiên Đình. Sau đó ông vào triều tâu rằng bảng trên trời ghi sáu chữ *Hỏa khuyển nhị nhân chi kiệt* 火犬二人之傑 và bên cạnh bảng cắm

một lá cờ chép một bài thơ tứ tuyệt. Lý đạo sĩ đã chép bài thơ ấy, liền dâng lên vua. Vua sai bỏ vào hộp, niêm phong cất đi, chờ xem ứng nghiệm.

Khi Nhân Kiệt đỗ trạng nguyên vào triều bệ kiến, vua vỡ lẽ sáu chữ trên bảng trời chính là họ tên ông, vì *hỏa khuyển* 火犬 ráp lại là *Địch* 狄; *nhị nhân* 二人 ráp lại là *Nhân* 仁; *kiệt* là *Kiệt* 傑. Vua hỏi chuyện Nhân Kiệt thì biết thêm bài thơ trên lá cờ chính là bốn câu ông ứng khẩu trong quán trọ để cự tuyệt người đẹp.[12]

Tích kể trên cho ta thấy người đạo đức thì gặp được thời vận may mắn hanh thông. Ngược lại, người làm việc thất đức thì vận may bị vuột mất khỏi tầm tay như anh học trò trong câu chuyện cổ sau đây:

Anh học trò ngày kia đi học ngang qua đình làng, bỗng con lân đá trước cổng đình đứng phắt dậy và cúi đầu chào. Anh học trò ngạc nhiên hỏi vì sao lân đá làm như vậy thì lân đá bảo vì trên Thiên Đình đã có bảng niêm yết tên anh đỗ trạng nguyên khoa thi năm ấy.

Tối hôm đó, ngồi học bài dưới ánh trăng sáng, anh học trò ngẫm nghĩ: "Mai mốt mình đỗ trạng nguyên rồi sẽ cưới một cô vợ thật đẹp, còn cô vợ quê mùa xấu xí bấy lâu nay nuôi mình ăn học thì bỏ đi."

Sáng hôm sau đi học ngang qua đình làng, anh học trò không thấy con lân đá đứng dậy chào nữa nên hỏi lý do vì sao lại như vậy.

[12] Ngô Bái Thiên, *"Đạo Đức Người Xưa",* in trong nguyệt san *Công Giáo Và Dân Tộc,* số 286, tháng 10-2018, tr. 107-108.

Lân đá trả lời rằng Thiên Đình đã xóa tên anh học trò trên bảng danh sách người thi đỗ trạng nguyên vì anh phạm tội bất nghĩa, bị Thiên Đình kết tội *nguyệt hạ phóng thê* (dưới trăng bỏ vợ).

Thế thì, chỉ cần một tư tưởng vô đạo đức thôi chứ chưa phải là hành động nhưng cũng đủ khiến cho thời vận may mắn vuột mất khỏi tầm tay.

Người có đức còn có thể thoát khỏi các nạn tai bất kỳ. My Trúc tự là Tử Trọng (mất năm 221) làm mưu sĩ dưới trướng của Lưu Bị (nhà Hán). Em gái ông (My phu nhân) là vợ của Lưu Bị. Trước khi tham chính, My Trúc là nhà giàu, thường qua Lạc Dương buôn bán.

Ngày kia, trong khi ngồi xe trở về nhà bỗng gặp một nàng tuyệt đẹp mặc áo đỏ rực đứng bên vệ đường ngoắc xin đi nhờ xe. Ông liền bước xuống đi bộ, nhường chỗ cho nàng. Mỹ nhân nằng nặc đòi ông lên ngồi chung, nếu không nàng sẽ xuống xe đi bộ. Ông đành lên xe ngồi cạnh người đẹp, rất ngay ngắn, mắt luôn nhìn thẳng về phía trước, không lợi dụng hoàn cảnh mà trêu hoa ghẹo nguyệt.

Xe đi được rất xa, nàng xin dừng lại, cảm ơn và cáo từ. Lúc ấy nàng nhìn ông chăm chăm rồi bảo: "Ta là bà Hỏa (Hỏa Đức Tinh Quân), hôm nay đúng theo nghiệp báo tiền khiên vay trả, ông mắc họa cháy nhà. Nhưng thấy ông là chính nhân quân tử nên ta lộ bí mật cứu ông. Hãy mau về nhà chuyển hết gia sản ra ngoài. Đêm nay ta tới." Dứt lời nàng liền biến mất.

My Trúc kinh sợ, vội phóng xe về làm theo lời dặn. Chiều tối hôm ấy, quả nhiên có lửa từ dưới bếp dưng không bốc

lên, thiêu rụi nhà cửa, nhưng của cải thì đã cứu được.[13]

Đạo đức chẳng khác nào một năng lực có thể hóa giải được mọi tai nàn khổ ách. Người có đức dù trong hoàn cảnh hiểm nguy vẫn có thể được an toàn, chẳng những thế còn có thể chuyển hung thành cát, chuyển xấu thành tốt. Ngược lại, người kém đức, dù có chú trọng dùng phép phong thủy hay cúng vái thần linh cũng vô ích mà thôi. Người xưa bảo: *Tồn tâm bất thiện, phong thủy vô ích. Bất hiếu phụ mẫu, phụng thần vô ích*. Nghĩa là tâm còn bất thiện thì dùng phép phong thủy để mong được may mắn tốt lành cũng vô ích. Bất hiếu với cha mẹ thì thờ cúng thần linh cũng vô ích.

Kinh sách thường nói: *Đức trọng quỷ thần khâm*. Do đó bậc chơn tu đạo đức luôn luôn được sự phò trì của Thiêng Liêng và ma quỷ không dám làm hại. Thế nên, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: *Bần Tăng muốn lưu ý chữ Thời nơi đây là phải tu, phải học, phải hành đạo, lập công bồi đức. Hễ đức thịnh thì thời hưng, lẽ đương nhiên của trời đất là ở chỗ đó.*[14]

Dân tộc Việt Nam nói chung, hàng tín hữu Cao Đài nói riêng đang gặp được một thời vận rất lớn đó là được hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đại ân xá Kỳ Ba. Thời hạ nguơn mạt kiếp, nền văn minh vật chất của thế giới nhân loại phát triển đến mức cực thịnh nhưng song song bên cạnh đó là phong hóa đạo đức suy đồi, môi trường thiên nhiên bị hủy hoại nghiêm trọng và nguy cơ chiến tranh thế giới vẫn cứ

[13] Huệ Khải, *Đọc Lại Chuyện Giải Buồn*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 38-39. (Quyển 118-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

[14] Minh Lý Thánh Hội, 04-11 Nhâm Tý (Thứ Bảy 09-12-1972).

đang chực chờ để đẩy toàn nhân loại vào hố sâu tận diệt. Thế nên, Đức Chí Tôn Thượng Đế đã khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại đất nước Việt Nam và ban trao cho dân tộc Việt một sứ mạng quyền pháp đó là thúc đẩy các sở vật thực tại tôn giáo đang hiện hữu kết hợp thành một thực thể đạo cứu thế để xây dựng lại cõi thế gian thành một cõi thiên đàng thuần chánh. Đã có lần Đức Khương Thái Công so sánh sứ mạng của hàng môn đệ Cao Đài ngày nay với sứ mạng hưng Châu phạt Trụ của Ngài thuở xưa:

Tình trạng hiện nay, từ đời đến đạo, dầu không đúng với cảnh Châu Trụ ngày xưa, nhưng có thể còn hơn như thế nữa.

Các sứ mạng Thượng Đế cho đến trần gian, là cả một vấn đề trọng đại trong hồi tái tạo dinh hoàn, lập thượng nguơn thánh đức, thì Lão khuyên, dầu gian lao nguy khổ cũng gắng công, và nghĩ rằng các sứ mạng còn hơn Lão rất nhiều, không phải đề binh trận mạc, không vào tử ra sanh, chỉ dụng đức cảm hóa muôn dân, đem tài phổ độ quần chúng, để hết tâm thành phục vụ chánh nghĩa, là được vẹn tròn sứ mạng. Nếu không làm được thì chẳng những đời đạo phải chịu biến chuyển chinh nghiêng, mà các sứ mạng cũng phải chuyển luân lên xuống.[15]

Thế nên, để có thể đảm đương được sứ mạng trọng đại mà Đức Chí Tôn Từ Phụ đã phó giao, hàng môn đệ Cao Đài cần phải tu thân lập đức cho dày. Thầy dạy:

Một ngày tới đây, nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nơi này được nhơn vật khắp hoàn cầu sẽ đến cùng các con mà cầu

[15] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 05-01 Bính Ngọ (Thứ Ba 25-01-1966).

Đạo, hỏi Đạo, nhưng các con chưa được mấy đứa đắc chứng chơn truyền. Nếu các con không làm được Thánh, khó mong hóa độ người người. Nếu đem tài đem sức mà tranh thì các con phải thua xa mọi người, làm sao mà cho họ phục? Nói tài nói sức thì các con phải thua xa, các con có hơn chăng là nhờ đạo đức, mà đạo đức không trau giồi thì làm sao hoàn thành sứ mạng? (16)

Đặc biệt, người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo lại còn được ban trao một sứ mạng mà Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch gọi là trọng đại và gian khổ, đó là sứ mạng thống nhất đạo Cao Đài bằng tinh thần qua phương tiện phổ thông phổ truyền giáo lý. Thế nên, hàng môn đệ Cao Đài nói chung và người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo nói riêng, nếu không tu thân lập đức hay trau dồi tâm hạnh đức tài thì sẽ không đảm đương nổi sứ mạng, thời vận sẽ vuột mất khỏi tầm tay. Bấy giờ e rằng sứ mạng sẽ được ban trao cho tổ chức khác, hay dân tộc khác.

Tóm lại, đức thịnh thời hưng chính là một phương châm mà từ đời đến đạo, ai ai cũng cần phải ghi nhớ. Đạo đức của bậc lãnh đạo quốc gia và của nhân dân ảnh hưởng đến sự hưng vong của cả một dân tộc. Đạo đức của hàng lãnh đạo hay bậc hướng đạo quyết định sự thành công hay thất bại của một tổ chức hay giáo hội. Đạo đức của mỗi cá nhân quyết định vận mệnh của cá nhân ấy. Riêng hàng môn đệ Cao Đài và người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo cần ý thức rằng mình đang gặp một thời vận có một không hai trong lịch sử nhân loại, đó là được làm người sứ đồ của Đức Thượng Đế trong nguơn hội cuối cùng này để cố gắng vươn lên, tu thân lập đức, trau dồi tâm hạnh đức tài hầu có thể đảm đương sứ mạng được ban trao. Nếu để bỏ qua cơ hội này, phải đến bảy trăm ngàn năm sau (*thất ức niên*) mới gặp lại một kỳ đại ân xá như ngày nay.

Sau cùng, chúng ta hãy cùng ghi nhớ lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư:

Bần Tăng cảm mến chư đạo hữu lắm, chắc rằng chư đạo hữu cũng tin và hiểu được rằng mình nhờ có căn tu, có tiền phúc nên mới ngộ đạo sớm, và tuy trải qua mấy lúc thăng trầm chiến tranh ly loạn, đã biết bao nhiêu người tán gia vong mạng, mình còn sống sót trong cảnh an lành, được tu thân hành đạo, học đạo với Phật với Tiên. Nếu đại căn mới được thế. Hiểu như vậy, đừng khinh thường cái phàm nhân của mình, mà phải xem nó là sứ đồ của Thượng Đế. <u>Mỗi lời nói, mỗi ý nghĩ, mỗi hành động phải là tượng trưng và đại diện cho Thượng Đế trước nhân sanh</u>. (17)

Xin cầu nguyện cho tất cả huynh tỷ đệ muội chúng ta luôn mạnh tiến trên bước đường tu công lập đức để cơ đạo được ngày một hưng thịnh hầu góp phần vào việc cải tạo và xây dựng cõi thế gian thành một cõi an lạc, hạnh phúc và tiến bộ văn minh.

(16) Bác Nhã Tịnh Đường, 13-5 Giáp Dần (Thứ Ba 02-7-1974).

(17) Minh Lý Thánh Hội, 04-11 Nhâm Tý (Thứ Bảy 09-12-1972).

ÍCH LỢI CỦA VIỆC CÚNG KÍNH

Tân Luật của đạo Cao Đài gồm ba phần: *Đạo Pháp* (tám chương, ba mươi hai điều), *Thế Luật* (hai mươi bốn điều), và *Tịnh Thất* (chín điều).

Trong phần *Đạo Pháp*:

- Chương II (Về người giữ Đạo), Điều Thứ 11 quy định: *Người làm Đầu trong Họ hay là chức sắc thay mặt cho mình phải đến làm lễ cúng khai đàn, trấn thần, an vị cho người mới vào Đạo.*

- Chương III (Về việc lập Họ), Điều Thứ 20 quy định: *Chức sắc giữ thánh thất mỗi ngày phải làm tiểu lễ bốn lần theo tứ thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu. (...) Đổ một hồi chuông trước khi hành lễ trong mấy thời này, bổn đạo muốn đến tụng kinh tùy ý*.

Những điều quy định trong Tân Luật cho thấy người nhập môn vào Đạo cần thiết phải thượng tượng tại tư gia và cúng kính hằng ngày vì có như vậy người tín đồ mới nhận được sự bảo hộ của Thiêng Liêng theo nguyên tắc "Con Phật, Phật rước; con ma, ma dẫn". Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Nên nhớ rằng, mỗi một người tu hành trong lúc này đều có một bậc Chơn Linh hoặc Thiêng Liêng âm phò mặc trợ.[1] *Mỗi ngày nên tưởng niệm để nhắc nhở tâm thức, liên lạc thông công với phần Thiêng Liêng hộ trì. Nếu để trống không, Bần Sĩ e khó tránh khỏi những tà quái, ngạ quỷ* [2] *giựt giành. Hãy nhớ câu truyền khẩu từ xưa rằng: Buổi hạ nguơn mạt kiếp, hễ con Phật, Phật rước; con ma, ma dẫn.*[3]

Chức sắc cùng bổn đạo phải thường xuyên cúng kính hằng ngày tại thánh thất, thánh tịnh để tiếp nhận ân điển thiêng liêng và giúp cho người và vật chung quanh thánh sở cũng được tiếp nhận ân lành, cỏ cây mùa màng được tốt tươi thạnh mậu, người người được an cư lạc nghiệp, có thể tránh khỏi thiên tai chiến họa và làm ăn phát đạt thành công.

Tiền khai Hộ Pháp Phạm Công Tắc (1890-1959) lúc còn sinh tiền đã cho biết trong một bài thuyết pháp của Ngài tại Đền Thánh vào đêm 29-01 Mậu Tý (Thứ Ba 09-3-1948):

Qua đứng trên ngai, qua thấy trên Nê Hoàn Cung của mấy em, nếu định tâm, thì có một hào quang xung lên đều đều. Mọi người đều có cả hào quang đó. Có một vị Phật ôm hết đem vào Bát Quái Đài, hiệp với đạo hào quang trong quả Càn Khôn, đoạn đem trở ra bao trùm chỗ ngồi của mấy em, mà mấy em không thấy được. Cho nên, khi mấy em hầu lễ, nếu biết hưởng cái ơn Thiêng Liêng ban cho đó, thì tinh thần được an tịnh. Hạnh phúc biết bao! [4]

---

[1] *Âm phò mặc trợ*: Âm thầm giúp đỡ.

[2] *Ngạ quỷ*: Quỷ đói.

[3] Thánh Bộ Từ Bi Thông Thiên Học, 01-4 Đinh Mùi (Thứ Ba 09-5-1967).

[4] Tòa Thánh Tây Ninh, *Lời Thuyết Đạo Của Đức Hộ Pháp.* Năm Mậu Tý (1948). Quyển Nhì. Hội Thánh in năm 1973. Bài 6: *Khi Vô Đền Thánh Phải Bỏ Hết Phàm Tâm*.

Ngoài ra, việc cúng kính tứ thời còn có nhiều ích lợi khác.

Đức Chí Tôn dạy:

Cúng tứ thời có ích cho các con lắm, chớ không phải ích chi cho Thầy. Nếu cúng được thường, thì lòng dạ nở nang, tứ chi luân chuyển, có nhiều khi tật bịnh tiêu trừ.[5]

Con người vốn có tính vị kỷ (ích kỷ), thường chỉ nghĩ đến bản thân và gia đình mình. Nếu cúng kính thường, hướng lòng mình về các Đấng trọn tốt trọn lành, tai lắng nghe những lời kinh tiếng kệ, lòng dạ sẽ được nở nang tức là tâm sẽ được mở rộng hướng về người khác, gia tăng lòng yêu thương mọi người (vậy là vị tha). Đó là ích lợi về mặt tinh thần.

Còn về mặt thể chất, mỗi khi cúng kính thì cúi lạy nên tứ chi luân chuyển (vận động) giúp cho máu huyết được lưu thông đều khắp trong cơ thể, tốt cho sức khỏe.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Các em phải lo cúng kiếng [6] *thường:*

- Một là cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng thiêng liêng cho đặng xán lạn.

- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

- Ba là có tế lễ thì tâm mới có cảm. Cảm rồi ứng. Ứng là lẽ tự nhiên.[7]

[5] Đàn ngày10-12 Bính Dần (Thứ Ba 14-12-1926).

[6] *Cúng kiếng*: Cúng kính. (*Kính* đọc trại thành *kiếng*.)

[7] *Cảm ứng*: *Cảm* là con người xúc động tới Thần Minh; *ứng* là

- Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mẫn huệ.[8] *Các em nhớ à.*[9]

Việc cúng kính còn giúp cho chúng ta giải trừ được ba nghiệp (thân, khẩu, ý) như lời Đức Chí Tôn dạy:

Sự cúng lạy con nên sốt sắng
*Trừ nghiệp **thân** cho đặng tinh anh*
Kệ kinh miệng đọc lòng thành
*Để trừ nghiệp **khẩu**, khỏi sanh não phiền.*

Con ngày đêm tâm thiềng [10] *cầu nguyện*
*Để diệt trừ vọng niệm **ý** tà*
Tứ thời trẻ ráng gần Cha
Nhìn ngay Thiên Nhãn thì là thần gom.[11]

- Thân có ba nghiệp ác là: sát sanh, tà dâm, trộm cắp.

- Khẩu có bốn nghiệp ác là: vọng ngữ (nói dối), ác khẩu (nói lời ác độc khiến cho người khác đau khổ, buồn tủi...), lưỡng thiệt (hai lưỡi: nói lời đâm thọc, ly gián hai bên), ỷ ngữ (nói lời thêu dệt).

- Ý có ba nghiệp ác là tham, sân, si.

Gộp chung thân, khẩu, ý là mười nghiệp ác.

Thần Minh đáp lại con người. Đây là hai chiều tương tác qua lại.

[8] *Mẫn huệ*: Sáng suốt, mau hiểu rõ.

[9] Tòa Thánh Tây Ninh, 14-4 Quý Dậu (Thứ Hai 08-5-1933).

[10] *Tâm thiềng*: Tâm thành, lòng thành.

[11] Tòa Thánh Châu Minh, *Thánh Huấn Hiệp Tuyển*. Quyển I. Hội Thánh in năm 1961. Bài 106: *Giới Định Huệ*.

Thầy còn nhắc chúng ta mỗi khi quỳ cúng hãy nhìn ngay Thiên Nhãn, bởi lẽ Thiên Nhãn là Thần của vũ trụ, của Thượng Đế. Nhìn Thiên Nhãn lúc cúng kính sẽ tiếp nhận được Thần của Thượng Đế, giúp cho Thần của chúng ta được minh linh sáng suốt.

Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy về tác dụng giải nghiệp của việc cúng kính như sau:

Sự lễ bái, cúng lạy, quỳ mọp ngoài ý nghĩa trịnh trọng thi lễ với Phật Trời, lại còn có ý nghĩa câu thúc thân mình trong sự khó khăn để trừ bớt nghiệp thân.

Tịnh khẩu hoặc niệm Phật tụng kinh để trừ bớt nghiệp khẩu.

Nhắm mắt tham thiền hoặc ngó ngay vào tượng Phật hoặc ngọn nhang hay ngọn đèn lưu ly là để trừ lần nghiệp nhãn.

Tham thiền định ý khép chặt không tư tưởng suy nghĩ vẩn vơ phóng túng để trừ lần nghiệp ý.

Thiền định không chấp nhận mọi tiếng động vào tai để trừ lần nghiệp nhĩ.

Tóm lại, tất cả những điều ấy là những phương pháp trợ cho người tu hành được yên ổn trả dứt nghiệp cũ, không gây nghiệp mới và tạo thêm âm chất để làm vốn liếng, sản nghiệp[12] *vô hình cho kiếp lai sanh* [13] *hoặc cho ở bên kia thế giới.*[14]

[12] *Sản nghiệp*: Của cải, tài sản.

[13] *Kiếp lai sanh*: Kiếp sau.

[14] Trúc Lâm Thiền Điện, 18-7 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 30-8-1969).

Đức Quan Âm Bồ Tát dặn dò chúng ta cần phải lưu ý thực hành cúng kính trong tinh thần chánh tín. Vì có nhiều tín hữu đến chùa thất cúng kính với mục đích cầu xin may mắn, lợi lộc riêng tư cho bản thân mình và gia đình mình, nên Đức Quan Âm Bồ Tát khuyên dạy:

Còn cúng lạy niệm danh chư Phật
Ở chùa chiền tịnh thất thường khi
Tứ thời bái sám làm chi
Niệm danh các Đấng làm gì nữa đây?

Có người niệm xin Thầy cùng Phật
Cho thánh đường, tịnh thất bình yên
Đó đây trên dưới chùa chiền
Đừng cho phá hoại, giữ yên mãi hoài.

Cho gia đạo trong ngoài an bĩ [15]
Cho đàn con ứng thí thủ khoa
Và cho lớn bé trẻ già
Làm ăn thạnh mậu, cửa nhà sum sê.

Tôi sẽ nguyện đem về cho Phật
Hoa quả trà chồng chất đầy bàn
Hương thơm, trầm tốt, trà nhang
Rượu lê, trà cúc bĩ bàng thiếu chi.

Xin chư Phật từ bi gia hộ
Cho chồng tôi thi đỗ quan cao
Để cầm vận mạng phong trào
Đi đâu dân chúng chạy sao rần rần.

[15] *An bĩ*: An ổn và bĩ bàng (đầy đủ, sung túc).

Đó là tu theo phần mê tín
Phật Tiên đâu ưa nịnh ưa dua
Mà đem lễ vật đến chùa
Đặt điều kiện để bán mua Phật Trời.[16]

Do đó, Đức Quan Âm Bồ Tát dạy cho nhơn sanh ý nghĩa đúng đắn nhất của việc cúng kính:

Tu phải cố trau giồi tâm tính
Phải trước tiên quyết định tu chi
Tụng kinh là để làm gì
Ăn chay niệm Phật ích chi cho mình?

Không phải Phật thiếu kinh thường dụng
Bảo chúng sanh đem tụng Phật nghe
Tụng kinh như thể nói vè
Nghĩa sâu không biết, lối lề không thông.

Chẳng khác nào nghe ong vò vẽ
Tiếng nhỏ to thỏ thẻ vu vu
Tụng nhiều mới gọi là tu
Đọc nhiều cho Phật, công phu mới nhiều.

Đó là tu theo chiều mê tín
Biết bao giờ tâm thánh mở mang
Sách kinh là đuốc rọi đàng
Dạy đời học đạo hành tàng [17] *thể nao.*[18]

[16] Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (Thứ Hai 23-10-1967).

[17] *Hành tàng*: Lúc vận động, hiển bày (*hành*) lúc ẩn kín (*tàng*).

[18] *Thể nao*: Thế nào, ra sao.

Vì lẽ đó cùng nhau ráng hiểu
Đọc kinh coi Phật biểu làm chi
Ráng làm ăn ở cho y
Tánh tình cùng những hành vi Phật Trời.

Đọc kinh rồi hiểu lời Phật dạy
Thì chớ làm trái lại sách kinh
Nếu khi mình đã thông minh
Lảu thông [19] *đạo pháp, xem kinh làm gì?* [20]

Do đó, tác dụng quan trọng nhất của việc cúng kính chính là tu thân sửa mình theo lời kinh dạy để trở thành người chí thiện chí mỹ, hầu có thể giải thoát kiếp phàm phu mà trở thành hiền nhân, thánh nhân hay Thánh Thần Tiên Phật. Do đó, khi đọc kinh thì phải chú tâm vào câu kinh, hiểu rõ ý nghĩa câu kinh để rồi thực hành đúng theo lời kinh dạy.

Ví dụ:

* Bài *Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo* có các câu như:

- *Đại La Thiên Đế*.

Đại La là tấm lưới lớn, ám chỉ bầu trời rộng, che khắp, ngụ ý bảo rằng "Lưới Trời lồng lộng, tuy thưa nhưng mảy lông khó lọt", ám chỉ luật Trời hay luật Thiên Điều thưởng phạt rất công minh. Mọi việc làm của con người nơi thế gian đều không thể qua được luật Thiên Điều. Vậy, khi đọc câu kinh này, chúng ta tự nhắc nhở mình không được làm điều tội lỗi, xấu ác.

[19] *Lảu thông*: Hiểu rõ từ đầu tới cuối, thông suốt tất cả.

[20] Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (Thứ Hai 23-10-1967).

- *Càn kiện cao minh, Vạn loại thiện ác tất kiến*.

Càn kiện: Ám chỉ Đạo Trời cương kiện, mạnh mẽ. *Cao minh*: Vô cùng sáng suốt. *Vạn loại thiện ác*: Tất cả mọi điều lành dữ, tốt xấu của muôn loài. *Tất kiến*: Nhìn thấy thấu suốt, rõ ràng; nhìn thấy hết tất cả. Câu kinh này có ý nói Trời vô cùng sáng suốt, thấy biết hết tất cả mọi điều lành dữ, thiện ác của muôn loài vạn vật.

Hai chữ *tất kiến* gợi nhớ câu nói dân gian: *Trời cao có mắt*. Đó cũng là nghĩa lý của biểu tượng Thiên Nhãn. Thế nên, khi đọc đến câu kinh này, chúng ta tự nhắc mình rằng mọi việc ta làm, dù trong bóng tối, dù nơi vắng vẻ không người, Trời đều biết hết.

Dương Chấn từ khước vàng của Vương Mật

Trong *Cổ Học Tinh Hoa* (quyển I, truyện 40: *Ông Quan Thanh Bạch*), hai tác giả Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và Tĩnh Trai Trần Lê Nhân kể lại câu chuyện của một vị quan thanh liêm thuở xưa tên là Dương Chấn.

Dương Chấn được bổ làm thái thú quận Đông Lai. Trên đường phó nhậm đi qua đất Xương Ấp. Quan huyện ở đấy là Vương Mật, trước kia được Dương Chấn đề bạt. Thế nên đợi đêm khuya, Vương Mật đem vàng đến tạ ơn.

Dương Chấn bảo: "Trước đây tôi biết ông là người khá, mới tiến cử ông. Thế mà ông vẫn chưa biết bụng tôi, còn đem vàng tới cho tôi ư?"

Vương Mật cố nài, thưa rằng: "Xin Ngài cứ nhận cho. Bây giờ đêm khuya không ai biết."

Dương Chấn nói: "Trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết, sao lại bảo là không ai biết!"

Nghe vậy Vương Mật xấu hổ, lui ra.

- *Huyền phạm quảng đại. Nhứt toán họa phước lập phân*.

Huyền phạm: Cái khuôn mầu nhiệm, ám chỉ luật tắc của Tạo Hóa. *Quảng đại:* Rộng lớn. *Nhứt toán:* Một sự toan tính trong lòng. *Họa phước:* Điều tai họa và phước lành. *Lập phân:* Phân định rõ ràng.

Câu kinh này có ý nói: Hễ con người vừa nảy sinh một ý nghĩ, mưu toan, dù chưa thi hành mà luật Trời đã phân định tội hay phước cho nghiệp ý đó rồi. Kinh sách có câu: *Nhơn tâm sanh nhứt niệm, thiên địa tất giai tri.* (Lòng người vừa khởi sanh một ý niệm, trời đất liền biết ngay.)

Đọc câu kinh này, chúng ta tự nhủ mình phải cẩn thận ngay từ trong tư tưởng, suy nghĩ của mình, đừng toan tính những chuyện xấu ác, dù chưa thực hiện thành hành động nhưng luật Thiên Điều đã ghi nhận và phân định họa phước cho mình rồi.

- *Nhược thiệt nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa.*

Nhược thiệt nhược hư: Như thực như hư, như có như không, không thể lường biết được. *Bất ngôn:* Không nói năng chi, im lặng. *Nhi*: Nhưng mà. *Mặc tuyên:* Lẳng lặng phô bày ra. *Đại hóa:* Sự sinh hóa to lớn, ám chỉ toàn thể sự vận hành trong vũ trụ không có lúc nào ngừng nghỉ.

Câu kinh này có ý nói tuy Trời im lặng, như hư như thật, nhưng lại phô bày ra cả đại cuộc vận hành sinh sôi nảy nở của vũ trụ.

Đức Khổng Tử nói (*Luận Ngữ*, 17:19): *Thiên hà ngôn tai! Tứ thời hành yên, bách vật sanh yên. Thiên hà ngôn tai!* (Trời nào có nói gì đâu thế mà bốn mùa thay đổi, muôn vật sinh thành. Trời nào có nói gì đâu!)

- *Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh*.

Thị không thị sắc: Là không là sắc, có hình tướng và không có hình tướng. *Vô vi:* Làm mà không để ai thấy hoặc biết việc mình làm. *Nhi dịch sử quần linh:* Nhưng mà sai khiến vạn linh.

Câu kinh này có ý nói Trời rất thần diệu, không ai nhìn thấy hoặc biết được việc Ngài làm, nhưng tất cả vạn linh đều do Ngài sai sử.

Đọc đến hai câu kinh *Nhược thiệt nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa / Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh*, chúng ta tự nhắc mình hãy noi theo gương của Trời: Làm việc, mang lại phúc lợi cho vạn vật chúng sanh mà nào có kể công chi. Mỗi khi chúng ta làm được công quả gì, giúp ích được cho ai, chúng ta cũng đừng khoe khoang, kể công

mình. Đó chính là làm công quả trong tinh thần vô tư, vô công, vô cầu, vô danh, như Đức Chúa dạy (*Matthêu* 6:3-4): *Còn anh, khi bố thí, đừng cho tay trái biết việc tay phải làm, để việc anh bố thí được kín đáo.*

- *Thời thừa lục long du hành bất tức*.

Thời: Tùy thời cơ, hoàn cảnh. *Thừa*: Cỡi. *Lục long*: Sáu rồng. *Du hành*: Đi lại. *Bất tức*: Không ngừng nghỉ. Theo nghĩa đen, *Thời thừa lục long du hành bất tức* có nghĩa là Trời cỡi sáu rồng đi đi lại lại không ngừng nghỉ. Theo nghĩa bóng, *sáu rồng* ám chỉ sáu hào dương của quẻ Kiền (tượng trưng cho Đạo Trời). Thế nên, câu kinh này có ý nói Đạo Trời vốn cương kiện, mạnh mẽ và vận hành khắp cả vũ trụ không một phút giây ngừng nghỉ. Đại Tượng Truyện quẻ Kiền có câu: *Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức*. Nghĩa là người quân tử luôn kiên cường mạnh mẽ không ngừng nghỉ như Đạo cương kiện của Trời.[21]

Trong giới tu hành có câu: *Học Phật nhất niên, Phật tại nhãn tiền; học Phật lưỡng niên, Phật tại đại điện; học Phật tam niên, Phật tại Tây thiên*. (Học Phật một năm, Phật ở trước mắt; học Phật hai năm, Phật trong chánh điện; học Phật ba năm, Phật tại Tây phương.) Nghĩa là lúc mới nhập môn vào tu thì hăng hái siêng năng, lúc nào cũng thấy có Đức

[21] Phần giải thích ý nghĩa các câu kinh nêu trên được trích từ: Huệ Khải, *Tìm Hiểu Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010. (Quyển 16-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

Quý đạo hữu nên xem thêm thánh giáo Đức Chí Tôn in trong *Đạo Uyển Đông 2018* (Hà Nội: Nxb Hồng Đức, tr. 5-17), vì chính Thầy giảng nghĩa bài kinh *Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo*.

Chí Tôn ngay trước mặt. Dần dần chểnh mảng biếng lười, khi vào chánh điện cúng kiếng thì mới nhớ đến Thầy, giãi đãi riết rồi không còn nhớ đến Thầy đến Đạo nữa, Thầy ở xa tít trên chín tầng mây.[22]

Thế nên, khi đọc câu kinh "*Thời thừa lục long du hành bất tức*", chúng ta tự nhắc nhở mình hãy siêng năng tu học hành đạo, tinh tấn không ngừng nghỉ, dù có gặp gian lao khảo đảo thử thách cũng không thối chí nản lòng.

* Bài *Ngũ Nguyện*, câu nguyện thứ ba: *Tam nguyện xá tội đệ tử*.

Chúng ta cầu xin Thầy tha thứ lỗi lầm cho mình thì mình cũng phải biết tha thứ lỗi lầm cho người khác. Vậy, mỗi khi đọc đến câu kinh này, chúng ta hãy nhớ mở rộng lòng khoan dung tha thứ cho nhau.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

Chư hiền đệ muội! Ai cũng thường cầu nguyện Thiêng Liêng, Trời Phật phò hộ cho mình, cho gia đình được an bình hạnh phúc, nhưng có bao giờ cầu nguyện cho mình đủ dạ từ bi để sẻ chia, để thông cảm, xử sự với tha nhân như Đức Chí Tôn đối với chư hiền đệ muội không? [23]

Qua một số ví dụ trên đây, chúng ta có thể thấy rõ ích lợi quan trọng nhất của việc cúng kính là giúp cho chúng ta tu

[22] Xem thêm: Huệ Khải, *"Gần Và Xa"*, in trong *Nẻo về Tâm Linh.* Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2014, tr. 35-38. (Quyển 84-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

[23] Thánh thất Nam Thành, 14-10 Canh Tuất (Thứ Năm 12-11-1970).

sửa thân tâm của mình theo lời kinh dạy để trở nên người chí thiện chí mỹ. Đức Đại Tiên Ngọc Lịch Nguyệt dạy:

Đến chùa thất rửa lần tội lỗi
Nghe kệ kinh tắm gội linh hồn.[24]

Sau cùng, chúng ta hãy ghi nhớ lời Đức Thiên La Đạo Nhơn [25] khuyên bảo:

Các thời cúng mõ chuông kinh kệ
Phải thành tâm hiến lễ nghiêm trang
Đừng miệng thì đọc rót [26] *oang oang*
Tâm phóng ngoại cả ngàn cây số

Kềm tâm tánh hướng về một chỗ
Tai lóng nghe cho rõ tiếng kinh
Thân quỳ ngay, chẳng chút nghiêng chinh
Hai mắt đứng chú nhìn Thiên Nhãn.[27]

[24] Vĩnh Nguyên Tự, 07-01 Ất Tỵ (Thứ Hai 08-02-1965).

[25] *Thiên La Đạo Nhơn*: Thế danh Lê Văn Nghĩa (1881-1972), thánh danh Thiên La Tinh, làm Đầu Họ Đạo thánh tịnh Ngọc Minh Đài. Xem tiểu sử của Ngài trong *Đạo Uyển Xuân 2018* (Hà Nội: Nxb Hồng Đức, tr. 22-38).

[26] *đọc rót*: Đọc xuôi rót, không vấp váp.

[27] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-01 Giáp Dần (Thứ Tư 23-01-1974).

NGƯỜI TU HỌC TÁNH CỦA NƯỚC

Con người được xem là sinh vật tối linh, chúa tể muôn loài vạn vật nơi cõi thế gian này. Mặc dù vậy, con người vẫn phải nhìn vào thiên nhiên và học tập cách hành xử của thiên nhiên để phát triển nhân cách và điều chỉnh cách hành xử của mình trong cuộc sống sao cho đúng Đạo. Bởi lẽ, thiên nhiên chính là Đạo.

Thật vậy, mọi hiện tượng trong thiên nhiên do Tạo Hóa sắp bày dường như đều ngầm muốn nói với con người một ý nghĩa đạo lý nào đó.

Mặt trời sáng soi khắp cõi thế gian không phân biệt kẻ lành người dữ để khuyên nhủ con người hãy san sẻ tình thương cho mọi người không phân biệt.[1]

Những áng mây bàng bạc trên không trung khi hợp khi tan đã nói lên cái lẽ vô thường của cuộc sống.[2]

Những con kiến kiên nhẫn, cần cù tha mồi về tổ.

[1] Chúa Giêsu nói về Đức Cha Trời (*Matthêu* 5:45): *(...) Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính.*

[2] Nhà thơ Đỗ Phủ (712-770) nhìn vầng mây trắng thoắt biến hình thành chó xanh nên viết: *Thiên thượng phù vân như bạch y / Tư tu cải biến như thương cẩu*. (Trên trời mây nổi như áo trắng / Khoảnh khắc biến thành như chó xanh.)

Những chú ong mật suốt ngày siêng năng tìm hút mật hoa để cho tổ được đong đầy mật ngọt.

Những con chim khôn ngoan biết lựa nhánh chọn cành để xây tổ ấm, v.v...

Tất cả đều là những tấm gương và bài học đạo lý cho con người.

Trong những bài học được lấy từ thiên nhiên đem áp dụng cho người tu học và hành đạo, có bài học của nước.

Người xưa thường lấy nước để ví đức tính trang quân tử hay bậc thánh nhân. Còn ngày nay, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

(H)àng hướng đạo tu thân, học đạo, hành đạo, đem đạo vào đời, giác ngộ thế nhân, mang sứ mạng thế Thiên hành hóa,[3] *một sứ mạng cao cả, lẽ nào lại thua người quân tử và kém hơn nước hay sao?* [4]

Học tập một số lời dạy về đức tánh của nước chép ở kinh điển xa xưa và thánh giáo các Đấng thiêng liêng trong Tam Kỳ Phổ Độ, người tu có thể xác định những đức tính cần phải rèn luyện trên đường tu thân, học đạo, hành đạo và hướng đạo.

1. Nước làm sạch cho mọi loài không phân biệt. Nước còn có đặc tính bù chỉ đem từ gò cao dư san bằng cho những hố sâu thiếu kém. Học tánh của nước, người tu yêu thương

[3] *Thế Thiên hành hóa*: Thay Trời hành đạo, giáo hóa dân chúng tu hành.

[4] Minh Lý Thánh Hội, 19-9 Tân Hợi (Thứ Bảy 06-11-1971).

muôn loài vạn vật, mọi người, mọi kẻ không phân biệt và san sẻ cho những người bất hạnh thiếu kém.[5]

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

Chư đạo hữu ơi! Tình thương của Thượng Đế đối với vạn loại như tình mẫu tử. Mưa nắng phong sương, bốn mùa tám tiết vẫn chan rưới đồng đều cho mỗi loài mỗi vật. Lòng thương ấy cũng còn có thể ví như nước. Dầu cho bất cứ vật gì ô trược đến đâu chăng nữa, nước vẫn cứ làm sạch vơi lần đi theo thời gian ngày tháng. Nước còn có đặc tính bù chì đem từ gò nổng cao dư san bằng cho những hố sâu thiếu kém.

Thời tiết mưa nắng phong sương không phân biệt và chọn lựa loài nào để chan rưới. Nước vẫn làm sạch không phân biệt loài nào để xóa tẩy và san bằng. Đó cũng là lẽ đương nhiên nằm trong mối tình bao la của Thượng Đế.

Người tu trước nhứt cần tập cho được đức tính ấy. Thương người thương vật đã đành rồi, nhưng phải thương cho được những người mà thế gian cho rằng không đáng thương.[6]

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy người tu phải thương cho được những người mà thế gian cho rằng không đáng thương;[7] vậy, phải chăng Ngài dạy chúng ta phải nâng cao tình yêu thương chúng sanh của mình lên tầm mức của tình

[5] Bớt dư bù thiếu là Đạo Trời. *Đạo Đức Kinh*, Chương 77: *Hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi. Thiên chi Đạo, tổn hữu dư nhi bổ bất túc*. (Thừa thì bớt đi, không đủ thì bù vào. Đạo Trời bớt dư bù thiếu.)

[6] Minh Lý Thánh Hội, 09-11 Kỷ Dậu (Thứ Tư 17-12-1969).

[7] Chúa Giêsu dạy (*Matthêu* 5:44): *Hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em.*

mẫu tử? Bởi lẽ chỉ có tình yêu thương của bậc hiền mẫu mới bao la tràn đầy mà không phân biệt. Cho dù con mình có là một người thông minh, tài ba xuất chúng hay là một kẻ ngu khờ, tàn tật, tội lỗi… mẹ đều thương tất cả.

Chuyện kể rằng tại nghĩa trang nọ, chiều nào người ta cũng thấy có người phụ nữ đến thắp hương trước ngôi mộ mới đắp. Hỏi ra thì biết bà thắp hương cho con trai vừa qua đời bởi chịu án tử hình vì tội sát nhân.

Qua đó, chúng ta thấy rằng, cho dù người con là một tội phạm hình sự bị xã hội nguyền rủa và xa lánh nhưng lòng mẹ vẫn luôn rất thương con. Thậm chí, mẹ lại còn dành tình thương cho những đứa con thiếu kém, bất hạnh nhiều hơn những đứa con may mắn. Thật vậy, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

(T)rong một đàn con chung cha mẹ, một gia đình, nếu có một người mang tật, dầu ở nhục thể hoặc ở tinh thần, cũng là chỗ trũng để dồn mọi sự bất hạnh của đàn con vào đứa ấy gánh vác vì tiền khiên nghiệp quả. Lòng mẹ hằng bù chì san sớt tình thương để dồn về đứa ấy nhiều hơn, nhưng khốn thay, đàn con lành mạnh kia đâu nào biết được sự ấy để xót thương nâng đỡ đứa anh em tật nguyền.

Thế nên, trong dân gian có câu chuyện như sau:

Trong gia đình nọ, mấy người con rất hiếu thảo với mẹ già. Họ thỏa thuận với nhau rằng mỗi người sẽ luân phiên rước mẹ về nhà mình phụng dưỡng trong một tháng. Cuối tháng mẹ sẽ bước lên cân trước khi về với người con khác. Ai nuôi mẹ mà để mẹ sụt cân thì không được nuôi mẹ nữa. Những người con lớn đều thành đạt khá giả nên mỗi khi

rước mẹ về nhà đều cung phụng đầy đủ những thứ cao lương mỹ vị, sâm nhung đắt tiền. Duy chỉ có cô con gái út số phận nghèo nàn bất hạnh, ngày chạy ăn ba bữa không đủ, lấy đâu ra những thức ăn bổ dưỡng đắt tiền để dâng mẹ. Do đó, cô luôn nơm nớp lo sợ mẹ bị sụt cân mỗi khi bà về ở với mình. Hiểu thấu nỗi lòng con gái nên sau khi về sống với cô út, trước khi bước lên cân, người mẹ luôn giấu sẵn trong túi mình những cục chì để cân không bị sụt ký. Vì thế mà dân gian thường bảo: "Thương con thì phải bù chì."

Trên đây là nói về gia đình nhỏ, còn xã hội nhân loại được xem là một gia đình rộng lớn. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

Trong xã hội nào cũng vậy, người được may mắn từ sản nghiệp, thể chất đến tinh thần hãy mở rộng lòng thương đối với người thiếu kém hơn. Đó là thể hiện được lòng từ mẫu, mà lòng từ mẫu tức là lòng Trời. Đó là thuận Thiên vậy.[8]

Lời Đức Vạn Hạnh giảng dạy trên đây có thể được minh chứng qua cách hành xử của Bàn Khuê Vĩnh Trác (1622-1693), một vị thiền sư danh tiếng người Nhật. Thiền sư được xem là người có công đưa thiền học đến với quảng đại quần chúng. Vì thế rất đông người thuộc nhiều thành phần khác nhau trong xã hội dễ dàng có cơ hội tìm đến tu viện của sư để tập làm quen với thiền. Nhưng cửa thiền càng rộng mở càng khó tránh khỏi phần tử xấu trà trộn.

Chuyện kể rằng trong một khóa tu tập nọ, các thiền sinh không thể nào giữ lòng thanh tịnh để tập trung tu hành vì thường xuyên bị mất cắp. Các nạn nhân kín đáo hội ý với nhau bố trí người luân phiên theo dõi. Họ dễ dàng bắt quả tang kẻ trộm, là một thiền sinh giả hiệu.

Vụ việc lập tức được trình lên thiền sư Bàn Khuê. Họ xin thầy phải trục xuất kẻ gian, giữ cho cửa thiền trong sạch. Sư chỉ làm thinh.

Kẻ trộm nghỉ "xả hơi" được vài hôm thì ngứa ngáy tay chân, bèn tái phạm. Y lập tức bị tóm cổ, và bị lôi xềnh xệch đến trước mặt thiền sư. Nhưng chẳng khác chi lần trước, sư chỉ làm thinh.

Lần thứ ba tóm được kẻ trộm, vì quá bất mãn trước việc "dung túng" của thầy, các thiền sinh quyết liệt yêu cầu thầy chọn lựa: Nếu kẻ trộm vẫn tiếp tục được dung túng, tất cả môn sinh sẽ đồng lòng cuốn gói ra khỏi chùa.

Bấy giờ sư Bàn Khuê mới ôn tồn bảo:

- Các anh là những người khôn ngoan, có lý trí và hiểu biết. Các anh đã đủ khả năng phân biện đúng sai, phải quấy. Do đó, các anh có thể tìm chỗ nào khác tu học cũng được, chẳng sao cả. Nhưng kẻ đáng thương này chưa hề biết phân biệt đúng sai, thiện ác, nếu thầy không yêu thương giáo hóa anh ta thành người lương thiện thì ai sẽ dạy anh ta đây? Thôi, các anh muốn đi đâu tùy ý, cứ để người này lại cho thầy dạy dỗ.

Sư vừa dứt lời, kẻ cắp liền quỳ sụp xuống chân thầy, khóc nức nở.[9]

2. Nước luôn ở chỗ trũng thấp, luôn làm ơn ích cho muôn

[8] Minh Lý Thánh Hội, 09-11 Kỷ Dậu (Thứ Tư 17-12-1969).

[9] Theo Huệ Khải, *Bắc Cầu Tâm Linh.* Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 11. (Quyển 54-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

loài vạn vật mà không tranh giành. Người tu cũng thế, sống ích nhơn lợi vật, luôn quên mình vì người mà không khoe khoang, tự cao tự đại, luôn khiêm tốn ẩn mình.

Đức Lão Tử dạy:

Nước bỏ chỗ cao mà chảy xuống chỗ thấp – ngày đêm nước làm việc chẳng ngừng. Trên trời nước làm mưa làm sương. Dưới đất nước sinh sông sinh lạch. Đâu đâu nước cũng thấm nhuần, tắm gội. Nước làm ích cho mọi loài. Nước luôn tuân phục, không kháng cự. Đắp đê ngăn thời nước ngừng, mở cửa cống cho thoát thời nước chảy. Nước cũng đổi hình thù vuông tròn tùy theo bình chứa. Con người thường có khuynh hướng khác hẳn. Con người luôn ưa lợi lộc, luôn luôn vị kỷ. Vì thế con người phải bắt chước làm nước. Kẻ nào hạ mình để phục vụ người sẽ được mọi người thương mến và không bị ai chống đối.[10]

3. Nước ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. Người tu phải biết tùy doi nương vịnh, hoạt động uyển chuyển theo thời, tùy duyên hay tùy hoàn cảnh mà hành đạo để mang lại lợi ích cho nhơn quần xã hội nhưng không bao giờ đánh mất phẩm chất của người tu.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

Nước khi đựng trong chai thì gọi rằng nước chai, đến khi đem đựng vào lu thì được gọi rằng nước lu. Khi nước được hòa đồng trong huyết quản thì gọi rằng máu, đến khi sầu thảm giọt lệ chảy dài gọi là nước mắt. Khi đem vào lò nấu rượu, gọi là rượu. Khi khác đem nấu canh, nấu chè, thì gọi là nước canh, nước chè. Khi từ mặt ao hồ sông rạch bốc hơi lên, tập trung thành mây, rớt xuống gọi là nước mưa. Nước mưa bao trùm khắp núi non rừng rậm, kết thành khe, chảy xuống gọi rằng nước khe hay nước lạch. Đến khi thành nguồn chảy xuống sông rạch ao hồ, gọi rằng nước sông, nước ao, nước hồ. Những chỗ không thoát đi được, gọi rằng nước vũng hoặc nước ở dấu chân trâu. Cuối cùng tập trung vào biển cả, thì gọi rằng nước biển.

Trải qua những đoạn đường dài, nước đã mang rất nhiều cái tên ghép, tùy hoàn cảnh, tùy cách sử dụng của thế nhân mà nước phải mang muôn hình vạn trạng cùng danh từ khác nhau, nhưng bản chất của nước thì lúc nào cũng là nước. Đến chỗ cuối cùng của nó [11] *vẫn một màu trong khe xanh biếc và một vị mặn đồng nhất đó thôi.*

Mặc dầu trải qua đoạn đường dài, công dụng của nước là để giúp ích cho đời, rửa sạch cho đời, trải qua bao đoạn đường đời, mang theo biết bao điều ô uế bẩn thỉu, mang vào lòng đất, rồi mang đến đại dương, nhưng cuối cùng, nước vẫn trong vẫn sạch và vẫn giữ được mùi vị bất diệt của nó.[12] *Mặc ai bóp méo nắn tròn, khi vuông khi dài, khi rộng khi hẹp, nước vẫn là nước đại dương, không hình thể.*[13]

Đức Nguyễn Trung Hậu dạy:

Nước ai muốn đem đựng vào trong vật chứa với hình thức

[10] *Đạo Đức Kinh*, Chương 8. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận và bình dịch.

[11] *Chỗ cuối cùng của nó*: Biển cả, đại dương.

[12] *Mùi vị bất diệt của nước* là không mùi, không vị. *Nước biển* thì muôn đời có vị mặn.

[13] Minh Lý Thánh Hội, 19-9 Tân Hợi (Thứ Bảy 06-11-1971).

nào cũng được. Gặp tròn theo tròn, gặp vuông theo vuông. Dài vắn, cong queo, nước tùy tất cả. Nước luôn luôn rửa sạch cho đời, nhưng phải giữ tánh chất riêng biệt của nước là chặt không đứt, bứt không rời, phơi không khô, chụm không cháy.[14]

Các lời dạy trên cho thấy người tu phải giống như nước, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, vẫn luôn sống hữu ích cho đời; làm sạch cho đời tức là đem đạo lý để lành mạnh hóa xã hội nhiều tội lỗi xấu xa, nhưng vẫn luôn gìn giữ phẩm chất thanh cao của mình, không bị tục hóa.

Đây cũng là điều mà Đức Khổng Tử đã dạy (*Luận Ngữ*, 13:23): *Quân tử hòa nhi bất đồng...* Nghĩa là mình hòa với đời nhưng không để đời đồng hóa mình, biến đổi mình... Đây cũng là tinh thần *Hòa quang hỗn tục* theo đạo Lão.[15]

Theo *Pháp Bảo Đàn Kinh,* Phẩm Thứ Nhất, Ngài Huệ Năng xưa kia, sau khi được Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn truyền y bát và trở thành vị Tổ thứ sáu của Thiền Tông Trung Hoa, đã bị những kẻ xấu rượt đuổi để giành lấy y bát. Do đó, Lục Tổ phải ẩn lánh trong nhóm thợ săn suốt mười lăm năm. Ngài thường tùy nghi giảng pháp cho nhóm thợ săn nghe. Họ thường sai Ngài giữ lưới, nhưng hễ có con thú nào sa lưới thì Ngài đều gỡ cho chúng chạy thoát. Đến bữa ăn, Ngài gởi một ít rau luộc nhờ trong nồi luộc thịt của nhóm thợ săn. Ai hỏi thì Ngài đáp: "Tôi chỉ ăn rau luộc bên miếng thịt là đủ rồi."

Các vị tiền khai đạo Cao Đài cũng thế. Các Ngài đã trải thân

[14] Thánh thất Nam Thành, 22-8 Đinh Mùi (Thứ Hai 25-9-1967).

[15] *Hòa kỳ quang, đồng kỳ trần*. (Pha trộn ánh sáng, hòa cùng bụi bặm.) *Đạo Đức Kinh,* Chương 4.

hy sinh hành đạo, chịu đựng gian khổ để phổ hóa Đạo Trời, tế chúng độ dân, vào tù ra khám, thậm chí có những vị thà tử vì Đạo chứ nhất định không chịu khuất phục trước bạo quyền để giữ trọn phẩm chất người tu và bảo trọng danh Thầy, danh Đạo.[16]

4. Nước rộng lớn bao la, dung chứa tất cả. Người tu noi theo đó phải có tâm quảng đại, bao dung, tha thứ, không chấp nhứt giận hờn; tiếp nhận tất cả mọi điều xấu xa, bất công, oan trái để chuyển hóa thành những gì tốt đẹp cho cuộc đời.

Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy:

Trách nhiệm của người hướng đạo hiện thời rất nặng nề, rất cam go, (...) phải khoan dung tha thứ, phải trầm tĩnh bình tâm như dòng nước mãi mãi luân lưu trong chỗ luân lưu, vượt qua những thác những gành, những khe những rạch quanh co uốn khúc ngoằn ngoèo từ thấp đến cao, chỗ lồi chỗ lõm, luôn luôn phải giữ tánh chất của nước. Nước luôn luôn đem lại mát mẻ cho người đời, sạch sẽ cho muôn dân, không hờn trách những người ngăn đắp, không phiền giận những người câu thúc vào cái món đựng nó dài, dẹp, tròn, vuông...[17]

Đức Phật Thích Ca xưa kia dạy con trai là sa di La Hầu La như sau:

Này La Hầu La, con hãy học cách hành xử của nước. Dù

[16] Xem Huệ Khải, *Phan Thanh Giản Xưa Và Nay.* Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 64 (chú thích 27), 70-71.

[17] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (Thứ Tư 10-7-1968).

người ta có đổ xuống nước những chất thơm tho đẹp đẽ hoặc giặt rửa trong nước những thứ dơ bẩn và hôi hám thì cũng không phải vì thế mà nước bị vướng mắc, tự hào hoặc cảm thấy oán hờn và tủi nhục. Tại sao? Tại vì nước là thủy đại,[18] *có dung tích rộng lớn, có khả năng lưu chuyển, có thể tiếp nhận và chuyển hóa tất cả những gì đã tiếp nhận. Nếu tâm con rộng lớn, bao la, vô lượng như nước, thì con cũng có thể tiếp nhận và chuyển hóa tất cả mọi bất công và oan ức, và những thứ ấy sẽ không thể làm cho con buồn tủi và khổ đau.*[19]

Chuyện nàng Thị Kính bị Thị Mầu vu oan ai ai cũng biết. Bên Nhật có chuyện tương tự.

Thiền sư Bạch Ẩn (*Hakuin*) bị cô gái trong làng vu cho là tác giả cái bào thai trong bụng cô. Sư điềm nhiên nói: "Thế à!" Đứa bé chào đời, cha mẹ cô bồng tới chùa giao cho sư. Sư điềm nhiên nói: "Thế à!" Rồi sư thản nhiên nuôi trẻ, bất chấp mọi đàm tiếu kinh bỉ của dân làng. Một năm sau, cô gái thú thật cha đứa bé là anh bán cá ngoài chợ. Cha mẹ cô tới chùa tạ tội và xin nhận cháu mang về. Sư điềm nhiên nói: "Thế à!" và trao lại đứa trẻ.[20]

Nàng Thị Kính thuở xa xưa hay thiền sư Bạch Ẩn ngày trước cùng chịu một nỗi oan khuất giống nhau; cả hai đều chấp nhận nỗi oan khuất ấy và đem lòng từ bi mà dưỡng nuôi, bảo bọc chở che cho hai sanh linh vô tội bé nhỏ.

[18] *Tứ đại* là đất, nước, gió, lửa.

[19] Thích Nhất Hạnh, *Mẹ – Biểu Hiện Của Tình Thương*. Nxb Thời Đại, 2011, tr. 121-124.

[20] Theo *Sa Thạch Tập* (*Shasekishū*) của thiền sư Vô Trú (*Muju*).

Thiền sư Bạch Ẩn nuôi hài nhi

Ngày nay, Đức Mẹ dạy chúng ta:

Đức thì bao trùm chứa chở quảng đại bao dung như lời Đức Chí Tôn đã dạy khi xưa:

Cái khổ của đời mình ước vọng
Cái chê của chúng lại nài cầu.[21]

5. Nước yếu mà mạnh. Người tu uyển chuyển mềm dẻo trong cách đối nhân xử thế nhưng lại đạt được thành công trong việc tế chúng độ đời.

Đức Lão Tử dạy:

[21] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 14-8 Nhâm Tuất (Thứ Năm 30-9-1982).

Hai câu này trích trong *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển,* Quyển I, phần *Thi Văn Dạy Đạo.* Nguyên văn gồm bốn câu: *Nên trò đạo đức dễ gì đâu / Vui chẳng vui, sầu chẳng dám sầu / Cái khổ của đời mình ước vọng / Cái chê của chúng lại nài cầu*.

Trong thiên hạ không gì mềm yếu hơn nước; thế mà nó lại công phá được tất cả những gì cứng rắn. Chẳng chi hơn nó, chẳng chi thay thế được nó. Mềm thắng cứng, yếu thắng mạnh, thiên hạ ai cũng biết thế, mà chẳng ai làm được.[22]

Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ bình giảng lời này như sau:

Điều nên tin là điều gì? Là bạo lực không bao giờ gây ảnh hưởng lâu dài, bền bỉ, mà trái lại chỉ có sự khéo léo mềm mại mới chinh phục được lòng người.

Thiên nhiên đã chứng minh điều đó. Nước là cái gì mềm yếu nhất, uyển chuyển nhất mà thực ra đã xoi mòn được núi non, đã làm tan rã được sắt đá. Lão Tử ưa thích sánh Thánh Nhân với làn nước và nhân đó cho rằng khiêm cung, từ tốn nhưng kiên nhẫn, bền bỉ sẽ đem tới một thành công vững vàng.

Lão Tử cũng đã nhiều lần đề cao sự mềm mại, uyển chuyển và cho rằng đây mới là bí quyết để thủ thắng.

Khảo lịch sử ta đã thấy Tần Thủy Hoàng, Hạng Võ, Hốt Tất Liệt không phải là những người làm chủ thiên hạ muôn đời; mà những người làm chủ thiên hạ muôn đời là những Thích Ca, Giêsu, Lão Tử, Khổng Tử. Tất cả những vị Giáo Chủ này đều chủ trương từ bi, hỷ xả, thành nhân chi mỹ. Thật đúng là nhu thắng cương, nhược thắng cường!

Thuở mới khai đạo Cao Đài, khi các vị tiền khai đi khắp nơi phổ độ nhơn sanh, Đức Chí Tôn dặn dò:

[22] *Đạo Đức Kinh*. Chương 78: *Nhiệm Tín* (Điều Nên Tin). Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch.

Các con hiền mà dữ. Các con yếu mà mạnh. Các con nhỏ nhoi mà quyền thế. Các con nhịn nhục mà các con hành phạt. Cử chỉ các con khá tập sao cho nghịch với cử chỉ thế tình thì là gần ngôi Tiên Phật đó.[23]

Người tu không bao giờ dùng quyền uy để ép buộc người khác làm theo ý mình mà chỉ nói những lời đạo lý dịu ngọt để cảm hóa nhân tâm.

Chuyện sau đây xảy ra trong thiền viện của thiền sư Tiên Nhai (*Sengai*) bên Nhật. Một thiền sinh thường lén trèo qua tường ra phố dạo mát ban đêm. Một tối nọ, đi giám sát các phòng ngủ, thiền sư Tiên Nhai thấy giường anh ta trống trải và sau đó phát hiện thêm chiếc ghế cao kê sát tường. Thiền sư lẳng lặng dời ghế ra nơi khác và đứng thay vào chỗ đó. Lúc trở về, theo thói quen, anh ta trèo qua tường và bỏ bàn chân xuống ngay trên đầu thiền sư làm điểm tựa rồi phóng ngay xuống đất. Bấy giờ biết rằng mình vừa phạm lỗi thất kính với sư phụ, anh sợ hết hồn hết vía. Nhưng thiền sư chỉ nhỏ nhẹ khuyên: "Sáng sớm trời lạnh lắm. Con cẩn thận kẻo bị cảm." Sau đêm đó, anh ta không bao giờ trốn ra ngoài chơi khuya nữa.[24]

6. Nước dơ đục chưa thể sử dụng, cần phải gạn lọc, lóng phèn cho trong mới dùng được. Người tu cũng thế, có chánh kỷ mới hóa nhân,[25] bản thân phải trong sạch thánh khiết

[23] Tòa Thánh Tây Ninh, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.* Quyển 1. Đàn ngày 23-8 Bính Dần (Thứ Tư 29-9-1926).

[24] Theo *Sa Thạch Tập* (*Shasekishū*) của thiền sư Vô Trú (*Muju*).

[25] Thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Giêsu dạy chánh kỷ hóa nhân như sau (*Matthêu* 7:3-5): *Sao anh thấy cái rác trong con mắt của người*

mới độ được người. Nước ở nơi đất cát mà có, hễ xao động thì đục, yên lặng thì trong. Người tu muốn thanh lọc thân tâm cần phải công phu thiền định cho tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì trí huệ hoát khai, sáng suốt, hành đạo độ đời mới hiệu quả.

Đức Mẹ dạy:

(Đ)ào giếng để lấy nước, đã đến nước nhưng nước còn đục chưa thể uống được mà phải chờ thời gian gạn lọc cho nước được trong. Nước có trong thì mới dùng được, đã dùng được rồi thì không một vật gì mà không nhờ đến nó.

Nước cũng ở nơi đất cát mà có, hễ xao động thì đục, mà yên lặng thì trong. Đục thì nước bị nhơ, yên lặng thì nước được trong trẻo trở lại. Người ta dùng nước trong để rửa những bợn nhơ đục. Cũng như người của các con, nó có cả trong và đục. Người tu hành muốn khử trược lưu thanh là cốt ở công phu tu luyện. Tu luyện là phương pháp gạn lọc sao cho nước đục hóa ra trong. Pháp môn tuy có nhiều, nhưng cũng không ngoài sự thanh tịnh. Thanh tịnh nghĩa là không để một mảy may bụi trần dính vào. Hiện nay, người của các con nghiệp thức hãy còn, oan khiên chưa dứt, con phải gia công rất nhiều nữa mới mong đến ngày thành tựu.[26]

anh em, mà cái xà trong con mắt của mình thì lại không để ý tới? Sao anh lại nói với người anh em "Hãy để tôi lấy cái rác ra khỏi mắt bạn", trong khi có cả một cái xà trong con mắt anh? Hỡi kẻ đạo đức giả! Lấy cái xà ra khỏi mắt anh trước đã, rồi anh sẽ thấy rõ, để lấy cái rác ra khỏi mắt người anh em.

[26] *Thánh Truyền Trung Hưng*. Tịnh Đường, 23-10 Quý Mẹo (Chủ Nhật 08-12-1963).

Trên đây là những đức tính của nước mà người tu cần phải học tập và thực hành, trước là để tự thánh hóa bản thân, sau là góp phần hiệu quả vào công cuộc hoằng giáo độ đời.

Tóm lại, người tu cần học theo những đức tánh của nước như sau:

1. Nước mang lại lợi ích cho mọi loài không phân biệt. Người tu cũng phải thương yêu mọi người, không phân biệt thân sơ, sang hèn. Nước luôn chảy xuống chỗ thấp, người tu luôn san sẻ tình thương cho những người bất hạnh yếu kém hơn mình.

2. Nước luôn ở chỗ trũng thấp. Người tu luôn hạ mình, khiêm tốn và không tranh giành.

3. Nước ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, nhưng luôn giữ tính chất của nước là chặt không đứt, bứt không rời, phơi không khô, đốt không cháy. Người tu tùy theo hoàn cảnh mà hành đạo, sống hòa với đời mà không bị mất phẩm chất người tu.

4. Nước rộng lớn bao la, dung chứa tất cả. Người tu có tâm quảng đại, bao dung, tha thứ, chấp nhận mọi bất công oan ức để chuyển hóa thành những gì tốt đẹp cho cuộc đời.

5. Nước yếu mà mạnh. Người tu hòa dịu, mềm dẻo trong cách đối nhân xử thế để đi đến thành công.

6. Nước trong mới dùng được, người tu phải chánh kỷ rồi mới hóa nhân.

7. Nước yên lặng mới trong trẻo, người tu phải thiền định công phu để giữ tâm thanh tịnh mới trở nên thuần lương thánh khiết, hành đạo độ đời mới hiệu quả.

Xin mượn bài thánh thi của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư để thay lời kết luận:

Thánh nhân xưa dụng nước làm đề
Luyện tánh tu tâm dốc trọn bề
Nước lặng phân thanh cùng lóng trược
Người tu học đó thoát u mê.[27]

[27] Minh Lý Thánh Hội, 19-9 Tân Hợi (Thứ Bảy 06-11-1971). Nguyên gốc câu thứ tư trong bài Thánh thi của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư là: *Người tu vọng động tánh u mê*. Xin mạn phép Ngài "cải biên" là: "Người tu học đó thoát u mê" cho phù hợp với nội dung bài viết.

NHẠC TRÙNG DƯƠNG TRỖI MUÔN DÒNG TRÙNG DƯƠNG

Nhan đề bài viết này chính là lời dạy của Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh:

Đỡ nâng anh bế, chị bồng
Nhạc trùng dương trỗi muôn dòng trùng dương.[1]

Tiếng nhạc trùng dương hay tiếng nhạc của biển cả chính là tiếng vỗ rì rào của những lượn sóng bất tận, hết lượn sóng này đến lượn sóng khác nối tiếp nhau xô vào bờ. Lời dạy này gợi cho chúng ta thấy hình ảnh lớp lớp thế hệ con người nối tiếp nhau kế thừa và phát triển sự nghiệp chung của một quốc gia dân tộc hay một tổ chức, đoàn thể đời cũng như đạo.

Trong đạo Cao Đài, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy về hình ảnh này như sau:

Chư vị Tiền Khai Đại Đạo là những hàng sứ đồ làm trước và đi trước. Chư hiền cũng như các sứ đồ khác là những người đang làm, đang đi, còn đoàn thanh thiếu niên là đoàn sẽ làm sau và đi sau.[2]

[1] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-01 Giáp Dần (Thứ Tư 06-02-1974).
[2] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 04-3 Quý Sửu (Thứ Sáu 06-4-1973).

Một lần khác, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

Nhớ câu đạo pháp trường lưu, còn giới hành đạo là luật tre tàn măng mọc trong cảnh cha truyền con nối.

Thanh thiếu niên – danh từ ấy khiến người nghe sẽ có cảm nghĩ rằng những thế hệ tiếp nối triền miên bất tận, không lúc nào không có thanh niên và chẳng lúc nào chẳng có thiếu niên, thiếu nhi và đồng ấu.

Thanh niên sẽ đảm nhận chức vụ và công việc của đàn anh trưởng thành mà gánh vác đạo sự. Thiếu niên sẽ tiếp nối đàn anh thanh niên để trên thì học hỏi, dưới thì dìu dắt đàn em, cứ như thế tuần tự tiếp nối mãi mãi.[3]

Tuy nhiên, tại một số thánh sở trong đạo Cao Đài hiện nay, chúng ta có thể nhận thấy một thực trạng đáng lo buồn, đó là thành phần đạo hữu đến thánh thất, thánh tịnh tham gia cúng kính, tu học, công quả, v.v… hầu hết đều ở tuổi trung niên và lão niên. Thanh thiếu niên hầu như không có hoặc rất ít. Một số thánh thất, thánh tịnh thì vắng vẻ, đìu hiu.

Tại một thánh thất nọ, vị phó ban cai quản than rằng hiện nay thánh thất không có người năng nỗ hành đạo vì chỉ toàn là ông già bà cả tới cúng kiếng. Khi được hỏi "Vì sao đạo huynh không kêu gọi các em cháu trong gia đình đến thánh thất tu học hành đạo?", vị ấy đáp rằng "Tụi nó đứa nào cũng bận đi học, hoặc đi làm, hoặc lo cho con nhỏ, bận rộn tối ngày, làm sao còn thời gian để tu học hành đạo."

Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn có một số thánh sở có được

[3] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 22-4 Nhâm Tý (Thứ Bảy 03-6-1972).

khá đông thanh thiếu niên kế thừa. Vậy thì, một câu hỏi được đặt ra: Cũng đồng một lứa tuổi, cũng bận rộn với chuyện học hành hoặc công ăn việc làm, nhưng tại sao em thì không thể đến thánh thất tu học hành đạo, em lại có thể vừa đi học hoặc vừa đi làm, vừa đi sinh hoạt đạo? Phải chăng đó là do ý thức giác ngộ của mỗi em? Do cái tâm muốn cùng chẳng muốn mà thôi? Và ý thức giác ngộ này không phải tự nhiên các em có được (ngoại trừ một thiểu số có căn cơ sâu dày) mà phải được truyền thừa, un đúc, dưỡng nuôi bền bỉ từ cha mẹ, từ các huynh tỷ đi trước.

Các lượn sóng trùng dương vỗ vào bờ hết lượn này đến lượn khác, bất tận, không bao giờ ngưng nghỉ. Đó là chuyện tự nhiên của trời đất. Hay các bụi tre già cằn cỗi luôn có sẵn bên mình các mụt măng non đang vươn mình trỗi dậy, hết mụt này đến mụt kia. Đó cũng là chuyện tự nhiên của đất trời. Duy chỉ có con người, muốn có được sự kế thừa tiếp nối thì cần phải có sự giáo dục, đào tạo và gieo mầm ý thức ngay từ lúc tuổi còn bé thơ. Thế nên, Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy:

Đỡ nâng anh bế chị bồng
Nhạc trùng dương trỗi muôn dòng trùng dương.

Cần phải có sự đỡ nâng dìu dắt của các bậc cha mẹ, phụ huynh trong gia đình và đàn anh đàn chị đi trước trong tập thể nhà đạo thì mới mong có được thế hệ đàn em tiếp nối theo sau.

Thế nhưng xưa nay, những người tu hành trong cửa đạo thường chỉ biết bằng lòng với việc bản thân ăn hiền ở lành chứ ít khi suy nghĩ sâu xa đến việc xây dựng tầng lớp kế thừa đạo nghiệp trong mai hậu. Do đó, Đức Linh Quang Thổ Địa nhận xét:

Bổn đạo chỉ biết tu hiền
Ăn chay niệm Phật Thánh Tiên hằng ngày
Mà không nghĩ việc tương lai
Lớp người kế tiếp chung tay giúp đời.

Rồi Ngài than thở:

Nhìn thế sự rồi nhìn trong Đạo
Khắp đó đây hoài bão Đạo Trời
Nhưng không mấy chỗ để lời
Luyện rèn đào tạo lớp người tương lai
Để khi quý vị chầu Thầy
Có người kế nghiệp Cao Đài dựng xây.[4]

Nhận xét về tình trạng thiếu sót trách nhiệm giáo huấn của bậc làm cha mẹ đối với con cái, Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy:

Người cha đạo đức sẽ gieo lên hạt giống đạo đức. Truyền thống đạo đức là một điều kiện bảo đảm tương lai vững chắc. Cũng có lắm gia đình cha hành đạo, con lại sa đọa, theo thói hư tật xấu ngoài đời. Đó không phải tựa vào thuyết nhân quả để bào chữa cho hiện tại, mà do sự bất lực của người cha thiếu giáo huấn, từ gia đình đến xã hội quốc gia cũng không ngoài cái lý ăn trái bỏ hột mà thôi.[5]

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo nhắc nhở phụ huynh hãy nhớ đến nguyên tắc trồng dưa:

[4] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 18-01 Tân Hợi (Thứ Bảy 13-02-1971).
[5] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Canh Tuất (Thứ Bảy 13-6-1970).

(P)hụ mẫu trong gia đình thiếu chăm nom khuyến khích dạy bảo con em mình học hỏi tôn chỉ, mục đích, đường lối Đại Đạo. Vì không hướng dẫn dạy dỗ chúng rồi thảo nào mà chúng làm trái ý mình hoặc vô tình phá hoại Đạo. Có câu:

Trồng dưa thì phải làm giàn
Nếu không chúng sẽ bò càn bò xiêu.[6]

Đức Quan Âm Bồ Tát có lần nêu lên thực trạng đáng buồn:

Trên đường đời cũng như trong cửa đạo, nhiều trường hợp hay trái ngược nhau. Ông bà cha mẹ tu hành, cháu con lại không gìn giữ gốc thiện. Trái lại còn khảo đảo sự tu hành của cha mẹ là một đàng khác. Lỗi đó không phải tự chúng, mà tự gia giáo đó thôi. Vô tình cha mẹ độc thiện kỳ thân lo việc lớn mà quên việc nhỏ, nhưng việc nhỏ rất cần để làm rường cột cho thế hệ phổ đạo ngày mai.[7]

Thật vậy, việc giáo dục, hướng dẫn, dìu dắt con em trong gia đình vào đường tu hành đạo đức là một việc làm vô cùng cần thiết bởi lẽ thanh thiếu niên chính là rường cột, là tương lai của quốc gia dân tộc hay đạo giáo.

Đức Giáo Tông Đại Đạo xác định:

Thanh thiếu niên là rường cột truyền bá đạo ở tương lai...[8]

Một năm sau, Ngài nhắc nhở:

Điều cần yếu là vấn đề cán bộ nòng cốt truyền giáo ở tương

[6] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 23-12 Kỷ Dậu (Thứ Sáu 30-01-1970).
[7] Minh Lý Thánh Hội, 08-12 Đinh Mùi (Chủ Nhật 07-01-1968).
[8] Thiên Lý Đàn, 01-02 Kỷ Dậu (Thứ Ba 18-3-1969).

lai mà thành phần nhắm vào sự đào tạo mầm non thanh thiếu niên.[9]

Đức Mẹ gửi gắm, trao phó nhiệm vụ chăm sóc đào luyện thanh thiếu niên cho các vị huynh trưởng trong Đạo:

Mẹ gởi gắm các thanh thiếu niên cho các con. Hãy lo cho chúng nó để sau này có một tương lai phổ độ Tam Kỳ trong cơn mạt kiếp.[10]

Đức Cao Triều Phát nhắc nhở các bậc phụ huynh và các vị huynh trưởng trong Đạo cần phải ý thức rằng con nhà đạo là tương lai của đất nước và của Đạo:

Trong một đời người, tuổi thanh niên là mùa xuân, là phát huy, là sáng tạo. Do đó, thanh niên cần phải được vun quén, tổ chức, giáo dục, chăm sóc và thúc phát mọi mặt. Người đi trước phải dọn đường sửa lối cho kẻ theo sau, làm thế nào khai thác những bẩm sinh, những khả năng từ thuở thanh thiếu niên. Vì thanh thiếu niên là những gì đang chờ đợi kết quả ở tương lai.

(...) Bất cứ một gia đình, quốc gia, xã hội và nhân loại nào, dầu ở quá khứ hiện tại hoặc vị lai, phải ý thức và kỳ vọng ở thanh thiếu niên. Chẳng khác nào cây, đem hột đi ươm lên thân cây con. Tùy sự chăm sóc, kết quả của cây xấu hoặc tốt phần lớn do chủ vườn chăm sóc.[11]

[9] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-01 Canh Tuất (Thứ Sáu 20-02-1970).

[10] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-01 Canh Tuất (Thứ Sáu 20-02-1970).

[11] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (Thứ Tư 08-02-1967).

Trên thực tế, có nhiều bậc phụ huynh, thay vì *khai thác những bẩm sinh, những khả năng từ thuở thanh thiếu niên* tức là những khả năng Thiên phú của con em mình, lại thúc ép, bắt buộc các em phải theo những ngành học mà các em không yêu thích, đơn giản chỉ vì những ngành ấy "hái ra tiền" hoặc được trọng vọng trong xã hội. Việc làm này chẳng khác nào đem giống vải thiều ở miền Bắc hoặc cây cà phê ở miền cao nguyên đất đỏ đưa vào trồng trên những vùng đất phèn nhiễm mặn ở miền Nam.

Một lần khác Đức Cao Triều Phát dạy về tầm quan trọng của việc bảo trợ và huấn luyện thanh thiếu niên trong khuôn khổ đạo đức đối với nền hòa bình và niềm hạnh phúc của toàn nhân loại:

Muốn thế giới được hòa bình, loài người được tình thương, thế gian được an cư lạc nghiệp trong tinh thần tương trợ, thì ngay từ giờ phải ý niệm và gây dựng một thế hệ ngày mai. Thế hệ đó là thanh thiếu niên, thiếu sinh của mọi giới, mọi lãnh vực. Thanh thiếu niên đó phải được bảo trợ và huấn luyện cho có nhân nghĩa lễ trí, cho có lòng thành, cho có tình thương, cho có tư tưởng đại đồng, xem nhân loại là tình huynh đệ, hễ máu chảy ruột mềm, có như vậy nhơn loại mai sau đây mới hết khổ sở.[12]

Xã hội chúng ta hiện nay ngày càng trở nên bất an và tội phạm hình sự ở độ tuổi vị thành niên ngày càng gia tăng. Nguyên nhân cũng bởi cha mẹ không quan tâm đúng mức đến con cái và để mặc cho con cái đắm đuối vào các trò chơi

[12] Diêu Trì Bửu Điện (thánh thất Bình Hòa), 28-8 Đinh Mùi (Chủ Nhật 01-10-1967).

điện tử tai hại như trò chơi chiến tranh, giết người, súng đạn… khiến cho các em quen dần với việc giết chóc và trở nên vô cảm trước những đau thương mất mát của tha nhân. Vì thế mà đã có những hung thủ tuổi thanh niên sát hại cả sáu, bảy mạng người trong một gia đình hoặc lạnh lùng cầm súng lia khắp mọi người ở nơi công cộng, cướp đi sinh mạng của hàng trăm người… Muốn cho thế giới được thanh bình, xã hội được an vui, xin các bậc phụ huynh hãy lưu tâm đến việc giáo dục con cái như lời Đức Cao Triều Phát đã dạy trên đây.

Cũng cần phải nói thêm rằng việc dìu dắt con em vào đường đạo đức phải được thực hiện càng sớm càng tốt, từ lúc các em còn tuổi ấu nhi và phải được thực hiện liên tục không gián đoạn. Đức Mẹ dạy:

Uốn cây từ thuở cây con
Luyện rèn thanh thiếu khi còn bé thơ.[13]

Các em lớn đến tuổi dậy thì, do tâm sinh lý thay đổi, thường trở nên khó dạy. Phần lớn phụ huynh thường quan niệm rằng để cho con em học chữ trước, còn học đạo thì cứ từ từ, khi nào học cũng được. Phụ huynh đâu biết rằng chính việc học đạo mới là điều cần thiết và quan trọng trong mọi xã hội có quá nhiều vấn nạn phức tạp như hiện nay trên thế giới. Bởi lẽ, trong các lớp học đạo lý, các em được dạy về công ơn cha mẹ, lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ, tình anh chị em trong gia đình, công ơn thầy cô, phép lịch sự trong giao tiếp và trong ăn uống, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn vệ

[13] Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 26-01 Quý Sửu (Thứ Tư 28-02-1973).

sinh trong nhà và nơi công cộng, v.v… Một khi các em đã được dạy dỗ đầy đủ về đạo đức, trở thành những đứa con ngoan, hiếu thảo, lễ phép… thì chính cha mẹ là những người được hưởng lợi ích trước tiên.

Có nơi (như các họ đạo thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, như Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo…) nhiều thập niên qua vẫn cố gắng đều đặn mở các lớp dạy lễ nghi đạo đức, giáo lý phổ thông… phù hợp cho nhiều độ tuổi từ nhi đồng đến tuổi thiếu niên, thanh niên. Nhưng tiếc thay, các nỗ lực ấy tuy đầy ý thức trách nhiệm đối với tương lai nhà đạo, cũng đồng thời góp phần xây dựng hạnh phúc an bình cho gia đình tín hữu, không phải luôn luôn dễ dàng có được sự thấu hiểu sâu xa từ phía gia đình các tín hữu để mà hăng hái hưởng ứng, tích cực dìu dắt con cháu mình đến tham gia các lớp học ấy trong nhà đạo.

Thế nên, Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh dạy:

Chư hiền đệ muội luôn luôn ghi nhớ cái nguyên tắc tre tàn măng mọc, và phải có phương pháp nuôi dưỡng lớp măng ấy theo đường lối tổ chức có chuẩn thằng quy củ, theo đường lối chánh đạo trong quyền pháp đạo luật.

(...)

Chư hiền đệ muội đừng nhắm vào tuổi đời cá thể của mình mà đốt giai đoạn trưởng thành của cơ đạo. Mỗi người mỗi việc, hành cho đến nơi đến chốn. Mỗi một lớp người xây đắp một giai đoạn. Mỗi một thế hệ nhân sinh xây dựng một bước tiến, một cấp cao. Về nhiệm vụ vun quén măng non là cần thiết vì mỗi tổ chức nào cũng phải cần đến lớp người nòng cốt có căn bản. Tổ chức có được tiến triển kết quả mau chậm đều do

lớp người nòng cốt trong nhiều thế hệ kế tiếp.

Trải qua hơn bốn mươi năm,[14] *lớp măng non nếu có ai làm bảng thống kê thì sẽ được một con số đáng kể, nhưng lớp măng non ấy không được ai nuôi dưỡng chăm sóc, vì thế cho nên trong đó có những chồi non bị cây già lấn ép, có những lớp tùy hoàn cảnh vượt lên không trật tự, không hàng ngũ, cũng có lớp bị sâu bọ tiêu diệt.*

Rất mỉa mai thay! Phần nhiều gia đình Thiên phong chức sắc, chức việc đến hàng đạo hữu, cha mẹ có đạo Cao Đài, con cái lại đi đạo khác, rồi trở về chống đối lại đường lối hành đạo của mẹ cha.

Vẫn biết đạo nào cũng quý, cứu cánh cùng rốt cũng như nhau. Điểm đề cập nơi đây là khía cạnh giáo dục của phận làm cha mẹ.

Đó là chưa nói đến đa số lớp trẻ đi chùa thất tụng kinh làm đám, nhưng có ai hỏi tại sao vào Đạo thì chúng trả lời mỗi đứa khác nhau. Đứa thì vào đạo vì thấy trang lứa muốn vào cho vui. Đứa thì tại cha mẹ bảo không dám cãi. Đứa thì thấy cha mẹ làm thì bắt chước nhưng không biết để làm chi. Đứa thì vì sợ quỷ ma dẫn hồn xuống địa ngục nếu không cầu cạnh với Thiêng Liêng. Đứa thì sợ tai bay họa gởi. Đứa thì muốn được may mắn mọi sự trên đường đời nhờ có công đi chùa thất. Không nghe đứa nào nói đến nhiệm vụ giáo dân vi thiện hay hoàn thiện hóa bản thân, hay nhờ đạo đức hóa mọi nếp sinh hoạt xã hội quốc gia để an bình thạnh trị cho non sông Tổ Quốc.

[14] Đức Giáo Tông dạy bài này năm 1969. Tính ngược về năm khai Đạo (1926) là bốn mươi ba năm.

Đừng ai quy lỗi hoặc trách cứ tại sao chúng nghĩ vầy mà không nghĩ vậy, vì tổ chức từ cấp lãnh đạo tinh thần thiếu sót khiến cha mẹ chúng chẳng có đường lối, hoài bão hướng thượng rồi bảo sao chúng lại có được tinh thần ấy.

Thế thường hay tôn trọng sùng bái những bậc vĩ nhân, những hàng giáo chủ, mà không tự tạo cho mình hoặc cho tập thể trở nên những bậc vĩ nhân ấy. Thử hỏi, những bậc ấy đâu phải từ trên trời rớt xuống, cũng từ bào thai nhục thể mà sanh.[15]

Một lần khác, Đức Cao Triều Phát dạy một cách quyết liệt hơn về vấn đề đào tạo mầm non thanh thiếu niên. Vấn đề không còn dừng ở mức "tùy duyên" nữa (nghĩa là đào tạo được thì tốt, không được thì cũng không sao), mà đây là một vấn đề nghiêm túc sẽ được xét xử giữa công và tội: Là đàn anh mà không giáo dục, dìu dắt các em cho nên người đạo đức kế thừa đạo nghiệp trong mai hậu, để cho các mầm non bị tàn hại hay thui chột là một tội lỗi lớn đối với dân tộc nước non và Đại Đạo. Đức Cao Triều Phát dạy:

Thanh thiếu niên là những mầm non đang lên, cần khéo tay uốn nắn để tránh các phức tạp sa đọa của thế gian. Phải chủ trương hòa hiệp chúng nó. Không được gieo tư tưởng chia rẽ chúng nó. Phải lấy đức độ hiền hòa của bực đàn anh cảm hóa, lấy tình thương trừng phạt chúng nó. Nghĩ đến thanh thiếu niên là nghĩ đến tương lai của đạo, của dân tộc nước nhà. (…) Có được vậy, tiền đồ Đại Đạo mới vững chãi, nền tảng nước non mới văn minh tiến bộ. (…)

[15] Đức Giáo Tông Đại Đạo, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-01 Kỷ Dậu (Thứ Hai 03-3-1969).

Thanh thiếu niên! Các em là mầm giống cho những đám mạ non tươi tốt, là hứa hẹn của những cánh đồng bát ngát nặng trĩu lúa vàng. Nhưng các em sẽ không tự nẩy nở để trở thành những gié lúa xanh nếu thiếu vắng bàn tay bùn lấm của người nông phu. (…)

Này chư hiền hữu lãnh đạo thanh niên! Giá trị của các hạt thóc tương lai là do chư hiền đó. Giá trị đầy ắp của bồ lúa Đại Đạo nằm trong tay chư hiền đó. Một giá trị bị sụp đổ, một giá trị bị tàn hại đều là những tội lỗi to lớn đối với những ai vô tình hay cố ý gây ra. (…)

Các đàn anh lãnh đạo hướng dẫn dù ở đâu cũng phải có. Có, để chăm sóc mầm non căn bản và vun bồi sứ mạng trong đó ở tương lai. Đừng để mai một những tuổi trẻ, những tiếp nối nguyên lành. Đừng để bụi trần phủ lên những chiếc hoa chưa trổ sắc, chưa kết trái sanh hạt. Đừng để bịnh tật tàn phá, đe dọa những mầm non. Hãy tìm phương cách kết hợp tinh thần chúng lại với nhau. Hãy cho chúng chan hòa trong sứ mạng, trong lý Đạo cao siêu của Tam Kỳ Phổ Độ. Hãy nung nấu và gầy dựng chúng ngay từ bây giờ để trang bị cho cuộc diện ngày mai. (…)

Hãy tìm các phương tiện liên kết thanh niên trong một phương châm đồng đạo, đồng Thầy, đồng trách nhiệm, để những người tiếp nối sau này thấy rằng bất cứ dưới danh hiệu nào chúng cũng có một nhiệm vụ duy nhứt là phá vỡ tàn tích phân hóa, xây dựng một tình hòa hiệp để thống nhứt Đại Đạo mai sau đúng với tôn chỉ vạn giáo nhứt lý. (…)

Một tội lỗi to lớn nhứt đối với dân tộc nước non Đại Đạo, hay một kỳ công vĩ nghiệp đối với thế giới nhân loại, là phận đàn anh, phải chọn một.[16]

Đó là đối với các bậc đàn anh hướng đạo. Còn đối với cha mẹ trong gia đình thì Ơn Trên nhắc nhở rằng một chơn linh đầu thai vào làm con trong nhà đạo không phải là chuyện ngẫu nhiên. Nếu được nuôi dưỡng và giáo dục tốt, đúng đạo lý thì sau này các chơn linh ấy sẽ là những vị nhận lãnh sứ mạng hướng đạo, hành đạo, hoằng giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Bằng ngược lại, nếu các bậc làm cha mẹ không lưu tâm đến việc chăm sóc dìu dắt con cái vào đường đạo đức thì sẽ có lỗi vì làm trễ tràng hoặc phí uổng một kiếp làm người của thế hệ ấy. Đức Thiện Hạnh Đồng Tử dạy:

Nơi đây Tiểu Thánh muốn lưu ý đến quý huynh đệ tỷ muội trong giới thanh niên, thiếu niên và ấu niên. Nhờ có tiền duyên chẳng chịt liên hệ nên hiện kiếp đã được sinh trưởng trong gia đình cha mẹ hoặc anh chị biết đạo lý tu hành, hoặc sớm gặp hoàn cảnh thuận tiện để có cơ hội dễ bề khai triển thánh tâm, phát huy thánh đức, thực hành Thánh Đạo, rồi lần hồi đến Tiên Đạo và Phật Đạo.

Nói như vậy để nhắc chừng chư liệt vị lưu ý đến, hầu nâng đỡ dìu dắt đàn hậu tấn để khỏi trễ tràng hoặc phí uổng một kiếp làm người của thế hệ ấy.[17]

Trường hợp đạo trưởng Huệ Lương Trần Văn Quế (Chủ Trưởng đầu tiên của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, cũng là Tổng Lý Minh Đạo đầu tiên của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam) là một ví dụ điển hình cho lời dạy

[16] Đức Cao Triều Phát, thánh thất Nam Thành, 23-8 Canh Tuất (Thứ Tư 23-9-1970).
[17] Minh Lý Thánh Hội, 08-5 Quý Sửu (Thứ Sáu 08-6-1973).

này. Đức Chí Tôn hé lộ: *Trần Văn Quế là một nguyên căn xin Thầy nguyện xuống thánh địa Việt Nam lập công hành đạo, phò trì chánh pháp*. Thế nên ngài Quế đã chuyển kiếp sanh vào một gia đình đạo đức mà thân phụ (thế danh Trần Văn Được) là người đã trải qua nhiều kiếp tích đức tu chơn. Thân phụ ngài Quế cũng nhờ có công lao sinh trưởng dưỡng dục ngài mà sau khi thoát xác được đắc vị Vĩnh Thọ Đạo Nhơn và giáng cơ cho biết: *Trải qua mấy trăm năm đã nhiều công tích đức tu chơn, một kiếp chót mới hạ sanh Quế tử để làm một nấc thang cho Lão ngày nay được chứng vị nơi cõi thiêng liêng. Tuy là ở hàng Đạo Nhơn chớ không còn phải luân hồi chuyển kiếp nữa.*[18]

Đức Minh Đức Đạo Nhơn (thế danh Lê Văn Còn) trở lại thế gian qua ngọn linh cơ và dạy nội gia nhục tử của ngài như sau:

Hai con nhờ tiền kiếp có tu nhiều nên kiếp này cơ duyên đưa đến sinh trưởng vào dòng họ nhà ta để gặp cha đỡ đầu dắt dìu cho đến ngày nay cho nên danh nghiệp, thì hai con cũng phải dìu dắt, đỡ đầu chúng nó như cha đã đỡ đầu hai con. Nếu không làm được việc ấy là độc thiện kỳ thân đó hai con ơi.

Dầu sự nghiệp cách mạng, dầu sự nghiệp đạo đức cũng vậy. Phải có ý hướng cha truyền con nối, tre tàn măng mọc mới nên mới trọn vẹn đó hai con. Hai con nên bảo chúng nó gần gũi Cơ Quan đạo, gần gũi đệ huynh để tập sự. Tập sự lần lần như con cái của các nhân viên khác đó.

[18] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 10-6 Tân Hợi (Thứ Bảy 31-7-1971).

(...) Đừng ai tưởng rằng mình hành đạo là chỉ để tu thân mà thôi, nếu tu được thì tốt riêng cho mình, không tu được thì cũng chẳng hại chi ai. Nếu tưởng vậy là sai lầm. Hành đạo đâu phải chỉ đóng khung trong thánh thất, thánh đường, chùa chiền, am tự. Hành đạo là xây dựng cả một thế hệ và những thế hệ tiếp nối mãi mãi. Hành đạo là gieo giống lành cho đất nước, cho dân tộc đó vậy.

Hai con đừng nghĩ rằng hễ đứa nào thích thì bắt đầu nâng đỡ chúng, còn đứa nào không thích thì thôi chớ biết làm sao bây giờ! Đừng nói thích hay là không thích. Thử hỏi những đứa trẻ mới sinh đâu có biết hoặc ưa thích gì những thứ nào là ăn trầu, hút thuốc, nha phiến, ghiền rượu, đánh bạc... đâu. Nhưng vì hễ vào đời, gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Trong lúc hai con lo phổ độ chúng sanh đó đây khắp các nẻo đường, nỡ nào bỏ quên chúng sanh bên cạnh hai con. Làm sao khỏi uổng công tạo hóa chúng mới thật là hai con chí hiếu đó vậy.[19]

Trên đây là những điều Ơn Trên nhắc nhở các bậc phụ huynh và hàng huynh trưởng cần ý thức trong trách nhiệm đào tạo thế hệ tiếp nối cho cơ đạo. Còn đối với bản thân các em thanh thiếu niên, Ơn Trên cũng khơi dậy tâm linh của các em để các em ý thức rằng mình đang được thọ hưởng một ân phước lớn lao khi sinh ra trong một gia đình có đạo. Đức Hiển Thế Đạo Nhơn dạy:

Lời mà Tệ Huynh muốn nói hôm nay mong các em xem kỹ trong lúc cõi lòng vắng lặng, ngoài những bận rộn của trần

[19] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 10-02 Nhâm Tý (Thứ Sáu 24-3-1972).

gian, của học đường, xã hội, hơn là lúc này. Thật sự các em đã có diễm phúc vô cùng trọng đại, vì đứng trong một hoàn cảnh ly loạn, nhơn tâm điên đảo, nhứt là ở lứa tuổi thanh xuân của các em đang bị nhào nắn vào tâm tưởng những xấu xa, những bệnh hoạn, do cái gọi là văn minh vật chất, mà các em không bị luồng gió độc ấy thâm nhập vào, vì được bức màn thánh thiện ngăn che. Và giữa lúc mà con người đang cơn khao khát đến cực độ, không có một giọt mưa sa, một miếng nước tẩm mình, thì trái lại, các em được đứng cạnh bờ suối, một bờ suối trong veo và ngọt ngào từ đỉnh núi thiện mỹ Thiên ban.

Thế nên, nếu em nào vì lẽ gì không chịu uống, không chịu gội mình cho trong sạch, thì chẳng uổng lắm sao! [20]

*

Hướng dẫn, dìu dắt thanh thiếu niên vào con đường đạo đức là trách nhiệm chung của các bậc cha mẹ và các hàng huynh trưởng trong tập thể nhà đạo. Điều cao cả này không ai có thể chối từ. Tương lai của nước non dân tộc và tương lai cơ đạo tùy thuộc vào công trình giáo dục và đào tạo hàng ngũ kế thừa sao cho có đầy đủ tâm, hạnh, đức, tài.

Các bậc phụ huynh nhà đạo cần ghi nhớ lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư:

Mình đã chọn một con đường đạo lý để đặt đời mình vào đấy thì phải nhớ mà đào tạo đến lớp người khác để có người tiếp nối sự nghiệp đạo lý ấy. Vì đạo pháp là trường lưu mà đời người hữu hạn. Nếu muốn có lớp người kế tiếp sự nghiệp đạo lý, không ai dễ đào tạo hơn là con cái trong gia đình là những mầm non, những hột giống tốt đã thọ lãnh những tư tưởng, những phúc huệ của phụ mẫu ngay từ trong bào thai. [21]

Rất mong rằng các bậc phụ huynh, các đàn anh đàn chị sẽ luôn nhớ đến trách nhiệm hướng dẫn dìu dắt con em mình cũng như thế hệ thanh thiếu niên trong Đại Đạo để viết nên một bản nhạc hùng tráng bất tận cho tiền đồ cơ đạo như lời Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

Nhạc trùng dương trỗi muôn dòng trùng dương.

[20] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 09-5 Tân Hợi (Thứ Ba 01-6-1971).

[21] Minh Lý Thánh Hội, 06-10 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 15-11-1969).

THÁNH ĐƯỜNG NỘI TÂM

Thời gian gần đây, rất nhiều thánh thất, thánh tịnh đạo Cao Đài được trùng tu, xây dựng lại. Mỗi lần nhìn thấy một ngôi thánh thất hay thánh tịnh được tạo tác khang trang đẹp đẽ, ắt hẳn lòng người tín hữu Cao Đài không khỏi rộn lên một niềm vui. Tuy nhiên, hoàn thành công trình xây dựng ngôi Tam Đài bằng gạch cát, xi măng chỉ mới là bước đầu tiên của công cuộc hoằng giáo độ nhân. Bước tiếp theo quan trọng hơn và nhiều khó khăn hơn, chính là làm sao phát huy được vai trò của thánh sở là chiếc thuyền từ độ dẫn nhơn sanh quay về bến giác ngày càng đông hơn.

Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân dạy:

Chí Tôn dạy lập chùa thất là một hữu hình trụ tướng để thể hiện quyền pháp của Trời. Đó là một phần nhỏ. Còn phần trọng đại là làm nơi quy tụ nhơn sanh để hướng dẫn mọi sinh hoạt đạo lý, phổ truyền giáo lý, thức tỉnh người đời. Nơi chùa thất là để chung cho nhơn sanh đến đó nghe đạo, học đạo, để hành đạo. (...)

Trong nếp sinh hoạt tại chùa thất gồm có hai phần: Một phần tu tịnh, để tịnh dưỡng tu đơn, dùng điển lành hộ trợ cho sự bằng an, sung túc của nơi đó. Một phần nữa là ngoại giáo công truyền, gồm có giảng đạo, phước thiện xã hội và hành chánh đạo, để cho hệ thống của guồng máy hành chánh được lưu thông điều hòa. Nếu không vì những nhu cầu ấy, Chí Tôn đã không dạy lập chùa thất.

Chỉ ngại e là có chùa thất rồi mà không người hành đạo, rất đỗi thiếu người chăm sóc đốt hương, đánh chuông, thay tam bửu vậy thôi.[1]

Trước thực trạng một số thánh sở được xây dựng lên mà không có các chương trình hành đạo cụ thể để phổ độ nhơn sanh, Đức Mẹ dạy:

Thánh thất, thánh đường mọc lên như nấm, rải rác đó đây trong đất nước các con. Các con đã thấy gì bên trong thánh thất, thánh đường đó? Ngoài chỗ thờ phượng tôn nghiêm, còn thừa bao nhiêu chỗ trống để bụi bám nhện giăng, rêu phong cỏ mọc. Mỗi tháng có hai lần sóc và vọng, bổn đạo chung quanh tề tựu đến đảnh lễ Thiêng Liêng, cúng hành hương, độ một bữa cơm chay rồi ôm khăn gói ra về.

Đi đến thánh thất đôi lần bảy lượt không thấy có gì mới lạ, lần hồi chểnh mảng không đến nữa, dẫu đến cũng chỉ có thế mà thôi. Có những con thấy không khí buồn tẻ, chẳng biết nói gì, tự nảy sanh bàn phiếm theo báo chí, nào quốc sự, chánh trị miệng của thiên hạ, binh người này, bỏ người kia, v.v... không có sinh hoạt đạo đức, mà đáng lẽ nơi đây phải được thuyết giảng đạo lý thường xuyên tối thiểu hai lần mỗi tháng để bổn đạo biết thế nào gọi là tu, cúng chùa, tụng kinh, ăn chay, niệm Phật để làm gì và làm thế nào để đắc đạo.

Đó là những điều cần thiết phải được sinh hoạt đều đều trong mỗi thánh thất, thánh đường. Nhơn sanh, đạo hữu có

[1] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 01-02 Tân Hợi (Thứ Năm 25-02-1971).

hợp tác hành đạo được là nhờ có người chỉ dạy cho biết đạo là gì. Khi đã có tổ chức hành đạo thì mọi việc làm ràng buộc những người trong nội bộ thánh thất đó. Có sự ràng buộc hỗ tương lẫn nhau thì không khí sôi động nhộn nhịp về hành thiện đạo đức mới có cơ nổi bật lên để lôi kéo sự hiếu kỳ và hấp dẫn người đời vào Đạo. Như vậy mới gọi là hành đạo độ đời.[2]

Vậy, nếu một ngôi thánh đường khang trang đẹp đẽ được xây dựng nên, nhưng lại thiếu các bậc chơn tu có đức độ và trí tuệ để cảm hóa và dìu dắt nhơn sanh thì ngôi thánh đường hữu hình cũng chẳng khác nào một cái xác không hồn, không phát huy được vai trò của một chiếc thuyền từ cứu độ quần sanh quay về bến giác.

Do đó, trong thời gian mấy mươi năm qua, mỗi khi một thánh thất, thánh tịnh được xây dựng hay trùng tu, các Đấng thiêng liêng luôn để lời nhắc nhở các hàng hướng đạo cũng như tín đồ sở tại.

Năm xưa, nhân dịp khánh thành Thiên Phong Đường của thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Đức Hiển Thế Đạo Nhơn nhắc nhở:

Nay thánh tịnh đã khang trang về hình thức thì nội tâm các em cũng phải dọn dẹp cho khang trang, cho đẹp đẽ để hữu hình, vô vi được song song tiến bộ mới đạt thành công quả ở mai sau.[3]

Cũng trong dịp này, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

[2] Thánh thất Nam Thành, 15-6 Tân Hợi (Thứ Năm 05-8-1971).

[3] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Nhâm Tý (Thứ Ba 20-6-1972).

Hãy ráng tu tiến cho nội tâm được trang hoàng,[4] *đó mới là giá trị tương xứng với ngôi thánh đường này.*[5]

Nhân dịp khánh thành thánh đường Quảng Tín,[6] Đức Trần Hưng Đạo Đại Vương dạy:

Giờ đây, thánh đường ngoại giới đã an bài, toàn Đạo hãy quay về xây dựng thánh đường nội tâm, bởi nơi ấy Thầy hằng ngự và bốn phương dễ dàng chung về. Hãy cố gắng xây dựng thánh đường nội tâm được chắc chắn, thêm uy nghi xán lạn. Thánh đường nội tâm mới là nhà chung chi phái, là kỳ đài cờ Đạo trương cao vậy.[7]

Nhân dịp khánh thành tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, một trong những dấu tích lịch sử đầu tiên của đạo Cao Đài, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo khuyến nhủ:

Nay thánh đường lịch sử đối với Đạo, đối với thế nhân đã uy nghi rực rỡ, thì chư hiền đệ, hiền muội cũng cần điểm tô ngôi thánh đường nội tâm được sáng suốt, cao đẹp, và uy nghi thêm, mới thiệt là trọn vẹn vậy.[8]

Vì sao các Đấng thiêng liêng luôn nhắc nhở chúng ta phải chú ý xây dựng thánh đường nội tâm song song với việc xây dựng ngôi thánh đường hữu tướng bằng gạch cát, xi măng? Bởi lẽ có xây dựng thành công thánh đường nội tâm (tức là

[4] *Trang hoàng*: Điểm tô, trau dồi cho tươi đẹp.

[5] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Nhâm Tý (Thứ Ba 20-6-1972).

[6] Nay gọi thánh đường Quảng Nam (thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam), thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Tuy nhiên, bảng hiệu đúc ở mặt tiền vẫn giữ là Thánh Đường Quảng Tín.

[7] Thánh đường Quảng Tín, 11-7 Canh Tuất (Thứ Tư 12-8-1970).

[8] Vĩnh Nguyên Tự, 14-3 Quý Sửu (Thứ Hai 16-4-1973).

thánh đường vô tướng) thì chúng ta mới làm tròn được sứ mạng tự độ và độ tha. Thậm chí, cho dù thánh đường ngoại thể có đơn sơ, nhà tranh vách đất nhưng nếu bên trong có các bậc chơn tu đầy đủ tâm hạnh đức tài làm gương sáng cho nhơn sanh hướng tâm tu học thì nơi ấy vẫn phát huy được vai trò chiếc thuyền từ cứu độ nhơn sanh quay về bến giác. Ngược lại, chùa cao thất lớn mà thiếu người đạo cao đức trọng thì đành vắng vẻ hiu quạnh, đạo sự gặp nhiều khó khăn, phiền não, và bế tắc.

Trên thực tế, chúng ta thấy có những ngôi thánh đường lúc còn lụp xụp, hàn vi thì bổn đạo tề tựu về cúng kính, tu học, hành đạo rất đông. Đến khi trùng tu, xây cất lại ngôi thánh đường đồ sộ, khang trang, đẹp đẽ thì bổn đạo lại thưa thớt dần, ngôi thánh đường trở nên hiu quạnh.

Nguyên nhân là khi xây dựng thánh đường hữu thể, ban cai quản và bổn đạo chỉ lo hướng ngoại với biết bao công việc bận rộn, từ việc kêu gọi tín hữu đóng góp tài lực, vật lực đến việc thiết kế bản vẽ, giám sát công trình, mướn thầy thuê thợ, lựa chọn vật tư, rồi lại đến vấn đề thiếu hụt kinh phí, nợ nần phát sinh, v.v... Biết bao nhiêu nỗi lo toan khiến cho người tu quên mất hoặc không còn thời gian để chăm sóc ngôi thánh đường nội tâm của mình. Từ đó nảy sanh những bất đồng ý kiến, mâu thuẫn, bất hòa giữa đồng đạo, lại có thêm sự phân biệt đối xử trong bổn đạo người này đóng góp nhiều, người kia đóng góp ít. Người đóng góp nhiều đòi hỏi phải có được vị trí xứng đáng trong ban cai quản, người đóng góp ít thì bị xem thường, v.v... Thế là sinh ra phiền não, mất đoàn kết rồi hờn giận bỏ thánh sở không đến tu học, hành đạo nữa.

Chuyện kể rằng tại một thánh sở nọ đã xảy ra nhiều khảo đảo bất hòa khiến cho bổn đạo lần hồi bỏ đi hết, chỉ còn lại năm vị trong ban cai quản. Ngôi thánh đường trở nên quạnh quẽ, buồn tẻ. Sau nhiều ngày suy nghĩ, vị cai quản thánh sở quyết định đến gặp sư huynh của mình vốn là vị cai quản tiền nhiệm nay tuổi đã cao nên lui về ở ẩn, tập trung tu luyện. Ông trình bày những sự việc đã xảy ra và tình trạng vắng vẻ của thánh sở lúc bấy giờ. Vị sư huynh trầm ngâm suy nghĩ một lát rồi nói với sư đệ: "Vị cứu tinh của thánh sở sẽ là một trong năm vị thuộc ban cai quản hiện nay."

Sư đệ cảm tạ sư huynh rồi quay về thuật lại cho bốn vị kia. Mỗi người đều thắc mắc tự hỏi: "Trong năm người, ai sẽ là vị cứu tinh của thánh sở?" Và rồi, kể từ ngày hôm ấy, không ai bảo ai, mỗi người đều quay hướng vào trong tự quán xét tâm mình, trau sửa từ ý nghĩ, lời nói, việc làm đến cách cư xử với người khác cho được thuần chơn đạo đức và đủ đầy tình thương sao cho xứng đáng là một vị cứu tinh của thánh sở. Lúc đầu họ còn phải ý thức tự khép mình trong khuôn khổ nhưng dần dần, mọi ý nghĩ, lời nói, việc làm và cách cư xử tốt đẹp trở thành tự nhiên như hơi thở, không còn phải gượng ép hay cố gắng nữa.

Thời gian vẫn lặng lẽ trôi. Một ít người tình cờ ghé qua thánh sở. Bầu không khí đặc biệt bao trùm lấy thánh sở khiến họ ngỡ ngàng. Dường như họ cảm nghiệm được nơi chốn vắng vẻ này có một điều khác thường gì đó khiến lòng họ thanh thoát, an lạc – một tâm trạng mà họ chưa từng được hưởng. Thế rồi chẳng hẹn mà họ đều quay trở lại, đem theo bằng hữu, thân thích…

Thánh sở dần dần có đông đạo hữu, đạo tâm. Nơi ấy

tưởng chừng chưa hề trải qua một thời kỳ quạnh quẽ, đìu hiu.[9]

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

Khi dấn thân cầm giềng mối Đạo
Tức là đang gỡ tháo tiền khiên
Tức là tạo bát nhã thuyền
Rước đưa khách tục vượt miền vô minh.

Thì trước phải dọn mình chơn chánh
Quyết một lòng tâm hạnh nêu gương
Ngôn từ hòa ái dễ thương
Đại nhân, đại lượng, dẫn đường tha nhân.

Đạo nên hư, trách thân trách kỷ
Chớ không nên trách bỉ trách tha
Vì người ắt phải quên ta
Thì muôn đạo sự chi là khó đâu.

Thảo mộc tốt rầy sâu quy tụ
Ruộng lúa lành quyến dụ chim trời
Đất lành hoa quả tốt tươi
Chùa linh, Đạo sáng, mọi người tin theo.[10]

Ngoài ra, còn một điểm cần ghi nhớ: Thánh đường hữu thể cho dù có được xây dựng to lớn, đẹp đẽ, khang trang, nhưng nếu thiếu vắng tình yêu thương hòa hiệp giữa đồng

[9] Theo Huệ Khải, *"Vị Cứu Tinh Tiềm Ẩn",* in trong *Nhịp Cầu Tương Tri*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013, tr. 185. (Quyển 42-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

[10] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 19-02 Bính Dần (Thứ Sáu 28-3-1986).

đạo thì Đức Chí Tôn cũng không bao giờ giáng ngự như lời Thầy dạy:

- Thầy không khi nào đến và chứng với sự chia rẽ do phàm tâm dấy động. Hôm nay, Thầy đến đây chứng ở lòng thành kỉnh vì hai chữ hiệp hòa của các con, từ chức sắc hướng đạo lưỡng đài, và Thầy ban ơn lành cho toàn thể các con…[11]

- Thầy luôn luôn ngự ở tâm hòa hiệp của các con.[12]

Tâm thanh tịnh, trong sạch, thanh khiết, đạo đức, sáng suốt, hòa hiệp, yêu thương mới là nơi Thầy hằng ngự. Thầy dạy từ buổi đầu khai Đạo (Thứ Bảy 13-02-1926):

Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi
Chẳng cần hạ giới vọng cao ngôi
Sang hèn trối kệ,[13] *tâm là quý*
Tâm ấy tòa sen của Lão ngồi.

Đó chính là thánh đường nội tâm, còn được thánh giáo gọi là tòa Cao Đài nội tại.

I. ĐẶC ĐIỂM THÁNH ĐƯỜNG NỘI TÂM

1. Ngôi thánh đường hữu tướng bằng gạch cát, xi măng sẽ bị hủy hoại dần dần theo năm tháng, còn ngôi thánh đường nội tâm hay tòa Cao Đài nội tại một khi đã được hành giả xây dựng uy nghi, trang trọng thì, theo lời Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, sẽ *vĩnh cửu trường tồn, vượt qua mọi dông bão*

[11] Minh Đức Đàn, 10-7 Ất Tỵ (Thứ Sáu 06-8-1965).

[12] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30-9 Canh Tuất (Thứ Năm 29-10-1970).

[13] *Trối kệ*: Mặc kệ, chẳng quan tâm.

nắng mưa, không bao giờ hư hoại, tuy sờ mó chưa đụng nhưng có che có chở, trông nhìn không thấy mà linh hoạt cận kề thiên niên bất diệt...[14]

2. Ngôi thánh đường hữu thể tọa lạc tại một địa điểm cố định, còn người tu xây dựng được thánh đường nội tâm vô hình (hay tòa Cao Đài nội tại) thì đi đến đâu nơi ấy đều trở thành thánh đường, mang lại tình thương và lợi lạc cho chúng sanh. Thánh đường nội tâm được xây dựng bằng tình yêu thương hòa ái càng lớn rộng thì cưu mang được càng nhiều nhơn sanh.

Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn dạy:

Đấng Chí Tôn luôn luôn ngự trong tâm thanh tịnh của chư đệ muội. Phật Tiên Thánh luôn luôn hộ trì. (...)

Chư đệ muội hãy giữ Cao Đài nội tại cho thật vững vàng thì không sợ gì bị sa đọa, trầm luân.

(...)

Xây đắp được Cao Đài nội tại và đạo pháp đã có thì đâu đâu cũng là chùa, là thất của chư đệ muội. Mỗi người đều là huynh tỷ đệ muội đồng đạo, đồng bào, hà tất phải lo chi đến điều tồn vong đắc thất của hình tướng nữa.[15]

Do đó, trong lịch sử Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam,[16] đã có lúc do thế sự khiến xui, danh xưng

[14] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 14-3 Mậu Ngọ (Thứ Năm 20-4-1978).

[15] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 29-8 Quý Hợi (Thứ Tư 05-10-1983).

[16] Nay gọi là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

của Cơ Quan bị đặt vào cơn thử thách còn hay mất. Bấy giờ vị Tổng Lý Minh Đạo Vô Vi của Cơ Quan là Đức Quảng Đức Chơn Tiên dạy:

- Về danh xưng Cơ Quan, việc này đã được dạy rồi. Hãy xây đắp tòa Cao Đài nội tại. Có màng chi vật thể vô tri, phá hình danh cho lòng vô niệm. Sứ mạng phổ thông giáo lý là sứ mạng chung mà Cơ Quan là tim là óc, là can trường tâm đạo, nào phải vật thể vô tri, hình danh sắc tướng mà sợ bị mất. Chỉ sợ bộ máy thật bị hỏng thì trễ tràng đạo sự đấy thôi.[17]

- Dù rằng bảng hiệu danh xưng có thay đổi, nhưng mục đích, ý chí không thay đổi là điều quan trọng đối với chư Thiên ân và toàn thể các cấp chức vụ, nhân viên đang phục vụ tại Cơ Quan.[18]

Giáng đàn tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy:

(C)hư hiền đệ muội nên nhớ rằng trụ tướng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo không nhứt thiết ở hình thức nhà ngang dãy dọc này, mà trụ tướng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo phải ở toàn thành phố, toàn quốc dân xã hội của chư hiền đệ muội. Có như thế mới đủ duyên hạnh nhìn theo một Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo cho toàn nhân loại.

Điều cần nhứt là trụ tướng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo phải được xây đắp trong tâm hồn mỗi người con tin của

[17] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-10 Tân Dậu (Thứ Tư 11-11-1981).

[18] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 12-10 Nhâm Tuất (Thứ Sáu 26-11-1982).

Thượng Đế.[19] *Như thế thì sự bại thành của trụ tướng hình thức này không là điều đáng đau buồn đó chư hiền đệ muội. Mà điểm đáng lo ngại nhứt là những vị có sứ mạng lại vùi chôn chơn tâm nằm trong sứ mạng đó thôi.*[20]

3. Thánh đường hữu thể có hình tướng khác nhau tùy theo mỗi chi phái; còn thánh đường nội tâm thì không có hình tướng, thuần chơn vô ngã, không phân biệt sắc phái. Thế nên Đức Trần Hưng Đạo Đại Vương dạy: *Thánh đường nội tâm mới là nhà chung chi phái, là kỳ đài cờ Đạo trương cao vậy*.[21]

Đây cũng chính là đường lối quy tâm, thống nhất chi phái bằng tư tưởng và tinh thần mà Đức Chí Tôn dạy Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo trên đường thực thi sứ mạng phổ thông giáo lý để góp phần thống nhất cơ đạo.

II. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG THÁNH ĐƯỜNG NỘI TÂM

Thánh đường nội tâm xây dựng bằng chính pháp môn Tam Công: công trình, công quả, công phu.

Tu không có nghĩa là chỉ đến thánh đường lễ bái tụng kinh, vái van Trời Phật mà chính là phải sửa trau tâm tánh từ phàm ra thánh, tức là xây dựng thánh đường nội tâm. Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu dạy:

(N)gười tu thân hành đạo luôn luôn phải nhớ điều này: Tu là cách mạng bản thân, bản tâm và bản tánh. Nếu vào Đạo rồi mà không sửa đổi được tánh ác ra thiện, tánh ngu thành hiền, phàm tâm ra thánh tâm, những ngôn ngữ thất đức thất nhân tâm ra lời khuyên thánh thiện, thì không thể nào gọi rằng tu, rằng cách mạng bản thân được. Vậy câu nghịch hành phản bổn là làm sao hằng ngày con người của mình phải trở nên mới, càng mới thêm mãi mãi.[22]

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc dạy:

Đạo có sáng chói ở mọi người thì xã hội đời mới an lạc. Đứng dưới mái thánh đường uy nghiêm, đọc thuộc làu từ [23] *câu văn đạo luật, thánh ngôn cũng chưa chắc đã hiểu trọn vẹn Cao Đài chủ nghĩa. Câu văn chỉ là hình thức phương tiện vẽ nên chơn lý đạo pháp chớ không là đạo pháp. Thánh đường ngoại thể đã huy hoàng thì thánh đường nội tâm phải sáng chói. Có như vậy mới mong con cái của Đức Chí Tôn tránh khỏi cảnh đói lòng với những tấm thực đơn.*[24]

1. Công trình

Nếu hằng ngày ngôi thánh đường hữu tướng cần được quét dọn, lau chùi sạch sẽ và trang hoàng đẹp đẽ thì người tín hữu cũng phải thường xuyên xem xét kỹ lưỡng mọi ngóc ngách của tâm hồn mình từng giây từng phút để quét sạch phiền não và các thói hư tật xấu do tam độc (tham, sân, si) và thập tam ma (thất tình lục dục) sai khiến.

Thánh đường là nơi Thầy ngự. Thế nhưng, nếu ngôi nhà nội tâm của chúng ta để cho thập tam ma và tam độc chiếm

---

[19] *Con tin của Thượng Đế*: Người con được Thượng Đế tin cậy.

[20] Đàn ngày 15-6 Canh Thân (Thứ Bảy 26-7-1980).

[21] Thánh đường Quảng Tín, 11-7 Canh Tuất (Thứ Tư 12-8-1970).

[22] Thánh thất Nam Thành, 14-02 Tân Hợi (Thứ Tư 10-3-1971).

[23] *từ*: Từng, mỗi.

[24] Thánh thất Nam Thành, 14-02 Tân Hợi (Thứ Tư 10-3-1971). *Đói lòng với những tấm thực đơn* đồng nghĩa đói lòng vì ăn bánh vẽ.

hết chỗ thì làm gì còn chỗ cho Thầy và chư Phật Tiên Thánh Thần giáng ngự.

Thế nên lúc còn tại thế, Đức Phật Thích Ca dạy cho đệ tử pháp môn tảo tuệ có nghĩa là chổi quét.

Ngày xưa, thuở Đức Phật còn tại thế, trong hàng đệ tử xuất gia của Phật có ông Châu Lợi Bàn Đặc (Suddhipanthaka) ám độn, học trước quên sau. Được dự vào hàng xuất gia đã lâu, những bạn đồng môn hầu hết đều ngộ đạo chứng quả, riêng ông không nhớ được một câu kinh, bài kệ nào. Anh ông quở trách: "Tu mà không hiểu giáo lý, không thấy đạo, tốt hơn nên trở về nhà phụng sự gia đình còn hơn. Ở mãi trong tịnh xá mà dốt quá chỉ vô ích."

Tủi thân, ông đứng dựa tịnh xá khóc. Lúc ấy Đức Phật trong tịnh xá đi ra thấy vậy, dừng bước hỏi: "Tại sao con khóc?"

Ông buồn bã đáp: "Bạch Đức Thế Tôn! Anh con thấy con u mê, tăm tối, không kham nổi sự tu học nên đuổi con về nhà."

Đức Phật cầm tay ông dẫn vào tịnh xá ôn tồn dạy: "Nếu con có thiện chí tu hành, ta sẽ dạy cho phương pháp tu, chỉ cần nhớ hai chữ thôi. Này con! Hãy lắng nghe và nhớ kỹ hai chữ tảo tuệ!"

Ông mừng quá, đảnh lễ Phật nhận lời dạy bảo. Nhưng tội nghiệp! Ông học được chữ tảo thì quên chữ tuệ, hoặc ngược lại. Cứ thế từ sớm đến chiều như trò chơi cút bắt, nhớ chữ này lại quên chữ kia. Nhưng, một lòng lại không chán nản, ông bỏ ăn quên ngủ, cố sức dụng tâm ghi nhớ, mãi đến ba bốn hôm mới thuộc được trọn vẹn hai chữ.

Khi thuộc được hai chữ tảo tuệ rồi, ông lại ngẩn ngơ không hiểu tại sao Đức Phật dạy hai chữ ấy, có tác dụng và nghĩa lý gì? Ông lật đật đi tìm Phật và hỏi: "Bạch Đức Thế Tôn! Hôm nay con đã thuộc lòng hai chữ tảo tuệ. Nhưng, bạch Thầy! Xin Thầy hoan hỷ dạy con nghĩa lý hai chữ ấy."

Đức Phật cười hiền hòa đáp: "Tốt lắm! Này con, tuệ là chổi, tảo là quét. Con hãy dùng chổi trí tuệ quét sạch phiền não nơi tự tâm đi."

Bắt đầu từ hôm ấy, ông Châu Lợi Bàn Đặc chăm chăm làm theo lời Phật dạy. Chín chắn quán xét tự tâm, gạn lọc những phiền não cấu uế, tẩy trừ những ý niệm xấu xa, gìn giữ tâm hồn thanh tịnh. Như thế sau sáu bảy hôm, ông chợt thấy lòng rỗng rang thanh thoát, mọi sự vật đều hiện bày sáng tỏ. Mừng quá, ông lại đi tìm Phật và nói: "Bạch Đức Thế Tôn! Giờ con đã biết dùng trí tuệ quét sạch phiền não."

Đức Phật mỉm cười khen: "Đúng thế! Con đã trừ nhơ. Con đã giác ngộ."

Ông Châu Lợi Bàn Đặc tuy ám độn, nhưng nhờ Đức Phật chỉ bày pháp tu và nhờ ông bền chí nên cuối cùng ông đắc đạo.[25]

Nhân câu chuyện trên, chúng ta nhớ đến bài kệ xưa:

Cần tảo già lam địa
Thời thời phước huệ sanh
Nhược vô trần khách chí
Diệc hữu thánh nhân hành.

[25] www.thientongvietnam.net/kinhsach-thike/dirs/.../p4.html

Huệ Khải dịch:

Siêng quét đất chùa thất
Thường sanh phước huệ đa
Khách đời nếu chẳng đến
Cũng có thánh nhân qua.

Tại sao siêng quét đất chùa thất mà lại thường xuyên sinh nhiều phước huệ? Ấy là do mỗi khi chăm chú quét dọn thánh sở, lau chùi mặt kính, cọ rửa nhà vệ sinh, v.v... người tu đồng thời cầu nguyện quét sạch những phiền não, ô uế trong tâm mình. Có quét sạch những thứ phiền trược, thói hư tật xấu nhơ bẩn trong tâm thì điểm Đạo tự hữu mới trở nên sáng chói, trí huệ mới phát sinh, ngôi thánh đường nội tâm (hay tòa Cao Đài nội tại) mới trở nên uy nghi, xán lạn.

Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn dạy:

Muốn xây cất ngôi nhà bền bỉ tốt đẹp, chủ nhơn phải chọn người kiến trúc rành nghề, vật liệu tinh hảo, và tất cả cái hư, cái cũ, cái tệ đều bỏ đi, không dùng tô đắp vào ngôi nhà mới để được hoàn toàn mới.

Chư đệ muội muốn xây đắp tòa Cao Đài huyền nhiệm vĩnh cửu thì phải triệt thoái những ý thức sai biệt, yêu ghét, thân thù, phiền não, kinh cụ, để Thần được linh hoạt mà đem Khí thể tiên thiên, tinh hoa lưỡng cực xây đắp nên ngôi Cao Đài nội tại của chư đệ muội.[26]

Sau khi đã quét sạch những ý thức sai biệt, yêu ghét, thân thù, phiền não, kinh cụ, vọng niệm sai quấy nơi tâm thì cần

[26] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 29-3 Mậu Ngọ (Thứ Sáu 05-5-1978).

phải giữ gìn tâm cho cẩn mật để tất cả những thứ ô uế, nhơ bẩn ấy không còn cơ hội quay trở lại nội tâm. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã chỉ cho người tu một phương pháp hữu hiệu.

Trong một lần giáng đàn tại Minh Lý Thánh Hội, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư hỏi các vị hầu đàn về ý nghĩa hai câu *Lục tự Di Đà vô biệt niệm / Bất lao đàn chỉ đáo Tây Phương.* (Nghĩa là niệm sáu chữ *Nam mô A Di Đà Phật* với tâm chuyên chú bất loạn thì không nhọc sức búng ngón tay vẫn có thể đến được Tây Phương cực lạc.) Sau đó Ngài giảng giải:

Nguyên về câu ấy là dặn dò nhắc nhở giới tu thân hành đạo phải nhớ rằng Đạo bất ly tâm*, nghĩa là* Nhật nhật thường hành, thời thời thường niệm*. Niệm nơi đây không chỉ có nghĩa rằng niệm ra tiếng cho người bên cạnh nghe được. Niệm nơi đây có nghĩa là bám víu tâm tư mình chặt chẽ vào tâm vô vi (Đạo), nghĩa là không một giây phút nào tâm tư rời đạo lý. Sự bám chặt đều đều ấy như tiếng tim nhịp liên tục đều đều nơi lồng ngực, như tiếng tíc tắc đều đều ở bộ máy đồng hồ. Như vậy có nghĩa là niệm mà không niệm, và tuy không niệm nhưng không lúc nào không niệm. Ví như câu* Thị chi bất kiến, thính chi bất văn*, nhưng không phải là không thấy và cũng không phải là không nghe.*

Khi nội tâm đã tập được đều đều liên tục như vậy rồi lâu ngày chầy tháng sẽ trở thành thói quen, ấy là tự động. Có tự động mới gọi là vô biệt đó vậy.

(…)

Thế nên câu Lục tự Di Đà vô biệt niệm *nơi đây nhắc nhở căn dặn các bậc hành giả rằng* Đạo bất ly tâm*. Hãy nắm chặt lấy Đạo (nhớ rằng Đạo chớ không phải tôn giáo hình thức),*

xem Đạo cần thiết như cơm ăn, như áo mặc, như nước uống, như hơi thở. Nếu thiếu các điều kiện ấy, thể xác sẽ hoại. Thể xác hoại chưa quan hệ bằng tâm linh khi đói lạnh và băng hoại, đó mới là tối cần. (...)

Từ đây về sau, chư đạo hữu thử áp dụng câu Lục tự Di Đà vô biệt niệm *để làm món thần đơn diệu dược bổ sung tâm thần. Vô biệt niệm nơi đây có tác dụng như vầy: Trong tâm nội mỗi người như tờ giấy trắng hoặc như một vị trí an toàn cao quý. Nếu trên mặt tờ giấy trắng đó đã viết sẵn những bài văn tự thì tha nhân không còn chỗ nào trống để đặt viết vào mà viết. Như trong tâm nội có một chỗ an toàn cao quý, mình đã thỉnh một vị tôn kính đến ngự rồi thì dù một tha nhân muốn vào đó ngồi cũng không có chỗ.*

Hai thí dụ đó, Bần Tăng muốn nói rằng nơi tâm nội phải luôn luôn cho Thượng Đế hoặc Thần Tiên hoặc đạo đức ngự trị, đừng để trống mà tà ma chen vào.[27]

Sanh cõi tục ưu phiền lắm nỗi
Ở trần gian tội lỗi bao vây
Thế nên một mảnh tâm này
Phải nên thận trọng ngày ngày chùi lau.

Ngọc có được dồi trau mới quý
Tâm luyện rèn mới thấy huệ khai
Năm năm tháng tháng ngày ngày
Giờ giờ phút phút tâm này đừng lơi.

Tâm tưởng Phật, Phật Trời hằng ngự
Tâm tưởng ma, ma cứ vãng lai

[27] Minh Lý Thánh Hội, 11-5 nhuần Tân Hợi (Thứ Bảy 03-7-1971).

Thế nên tâm phải dồi mài
Như vàng như ngọc sánh tày lưu ly.[28]

Việc xây dựng thánh đường nội tâm (hay tòa Cao Đài nội tại) không phải một sớm một chiều có thể hoàn tất. Đây là cả một quá trình tu tập dài lâu suốt cả cuộc đời. Kinh *Tu Chơn Thiệp Quyết* có câu: *Càng tu càng thấy cao thâm / Càng tu càng thấy sự lầm lạc xưa.* Người có ý chí quyết tâm quay về bến giác cứ kiên nhẫn, trì thủ, tu tập cho mỗi ngày một thêm tiến bộ tinh tấn thì lo gì không xây dựng được ngôi thánh đường nội tâm ngày một sáng suốt, uy nghi, xán lạn.

2. Công quả

Công quả có hai tác dụng tốt đối với nội tâm:

- Công quả là phương cách giúp người tu giải trừ được nghiệp chướng tiền khiên khiến cho tâm chúng ta phiền não, buồn rầu, lo lắng không yên.

- Công quả giúp ích cho chúng sinh mang lại cho nội tâm niềm hỷ lạc, thơ thới.

Đức Chí Tôn dạy:

Con ôi! Với lý Đạo, Thầy chẳng những dạy các con tránh điều dữ, mà cần phải luôn luôn làm những việc lành. Các con cũng biết câu hiền triết hằng nói Nhàn cư bất thiện *thật chí lý lắm con.*

Ở đời có biết bao nhiêu người không làm những điều dữ, nhưng lại chẳng làm một sự lành, thì nào có phước đâu. Lâu ngày lại nảy sanh những điều chẳng hay.

[28] Minh Lý Thánh Hội, 11-5 nhuần Tân Hợi (Thứ Bảy 03-7-1971).

Hôm nay, Thầy dạy lại chữ tâm cụ thể cho các con thấy rành. Chữ tâm nó là vô hình, nên những bực giáo chủ mới ví cái tâm như miếng ruộng của con. Thật vậy đó con.

Trước kia miếng ruộng của con vẫn trống sạch, nếu con không cấy lúa lên, tức nhiên nó phải sanh cỏ. Khi sanh cỏ rồi, con nhổ cho tận gốc sạch trơn, rồi không cấy những giống lúa tốt lên, lâu ngày cũng biến sanh cỏ nữa. Bởi vậy, tâm con kêu là tâm điền. Chẳng những các con tránh điều dữ mà cần phải lo làm những điều lành.

Như trong Ngũ Giới Cấm, điều thứ nhứt cấm sát sanh, thì con giữ được trọn rồi là con không sát sanh nữa, nhưng cũng phải làm sao cho tâm con đầy đủ sự háo sanh, dưỡng sanh, bảo sanh. Có như thế, lâu ngày mới không biến đổi những sự chẳng hay.

Thầy dạy cạn lý, các con tìm hiểu để trau lại chữ tâm.

Tâm điền con trẻ ráng gieo trồng
Trồng những trái lành được trổ bông
Bông trái trúng mùa con hạnh hưởng
Một lòng từ thiện được hành xong.[29]

3. Công phu

Công phu là phương pháp thù thắng [30] (vượt trội hơn hết) để giúp cho tâm được an định thanh tịnh hầu phát sinh trí huệ. Trí huệ phát sinh thì mới dễ dàng diệt được tâm phàm si mê muội ám, thánh tâm mới hiển lộ.

Đức Chí Tôn dạy:

Nhập định là cốt để cho tâm thần an ổn, nghỉ ngơi, hầu có sửa mình mà trừ khử các bịnh do trong cốt tủy và diệt xong cả mấy mối loạn của thất tình, lục dục khiến xui, khuấy rối đêm ngày. Rồi gom các tư tưởng vào nơi khối óc, đừng cho nó tưởng nhớ bá vơ những điều không tốt, lại ráng gắng công tập luyện nó sao cho lần lần trở nên thuần túy tinh anh. Mà phải nuôi cái tư tưởng ấy cho cao thượng, trọn lành mãi mãi, đừng để ngoại vật lẫn vào báo hại tâm hồn xao động.[31]

*

Tóm lại, song song với việc xây dựng ngôi thánh đường hữu tướng, tập thể môn đệ Cao Đài chúng ta, từ hàng hướng đạo chức sắc đến tín hữu bình thường, cũng cần phải xây dựng cho được ngôi thánh đường nội tâm tức là thánh đường vô tướng hay tòa Cao Đài nội tại thì mới có thể tự cứu mình cũng như cứu độ tha nhân thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử.

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy:

Nhà chung [32] *đẹp tinh thần cũng đẹp*
Đẹp thức hình phải khép đạo tâm

---

[29] Tòa Thánh Châu Minh, *Thánh Huấn Hiệp Tuyển*. Quyển 1. Bài 30: *Tâm Điền*.

[30] *Phương pháp thù thắng*: Phương pháp vượt trội hơn những phương pháp khác.

[31] *Đại Thừa Chơn Giáo*. Đàn ngày 22-9 Bính Tý (1936), bài *Tham Thiền Nhập Định*.

[32] Đức Chí Tôn dạy: "*Các con, Thầy đã lập thành thánh thất, nơi ấy là nhà chung của các con.*" *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.* Quyển 1. Đàn ngày Thứ Bảy 18-9-1926.

Tâm là cơ lý diệu thâm
Là đường nhập thánh siêu phàm hỡi ai! [33]

Hiện nay, trong đạo Cao Đài chúng ta đang gặp phải một khó khăn rất lớn. Đó là nhiều ngôi thánh thất, thánh tịnh đều xuống cấp, cần được xây dựng lại. Thế nhưng phần đông bổn đạo rất nghèo, kinh phí không có, ban cai quản các nơi ấy phải lặn lội đi quyên góp trầy trật mấy năm trời mới có tiền xây dựng, lắm khi vẫn không đủ trang trải, phải mang nợ.

Xưa nay trong lịch sử tôn giáo, có nhiều bậc chơn tu đắc pháp dù ở rừng rậm xa xôi hay đồng hoang truông vắng, nhơn sanh cũng tìm đến học tu. Thế nên, nơi mỗi thánh sở, nếu mỗi môn đệ Cao Đài cố gắng xây dựng thành công ngôi thánh đường nội tâm bằng tâm hạnh đức tài thì tự nhiên sẽ có được ngôi thánh đường hữu tướng vì khi ấy nhơn sanh xứ xứ quy về, chung tay góp sức xây dựng ngôi thánh đường hữu tướng, không cần phải kêu gọi hay quyên góp.

Xin cầu nguyện cho mỗi huynh tỷ đệ muội chúng ta đều xây dựng được ngôi thánh đường nội tâm ngày một thanh tịnh, uy nghi, tráng lệ hơn, vì đây là con đường duy nhất đưa chúng ta trở về nguồn cội thiêng liêng là Thầy là Mẹ, tức là Đạo.

[33] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Nhâm Tý (Thứ Ba 20-6-1972).

THUỐC TIÊN

Mỗi con người đến thế gian đều bị ràng buộc trong vòng tứ khổ là sinh, lão, bệnh, tử, trong đó, có thể nói, bệnh là nỗi khổ triền miên của con người từ lúc sinh ra cho đến khi lìa đời.

Do đó, *trường sinh bất tử* hay *trẻ mãi không già* là chuyện không có thực ở đời, thế nhưng nó vẫn luôn là mối bận tâm xưa nay của các bậc vua chúa hoặc những người giàu sang quyền quý. Con người vẫn mong ước được sống thọ, ít bệnh, lâu già. Vậy, có chăng một thứ thuốc tiên (tiên dược, thần dược) giúp cho con người được thỏa nguyện?

Đạo Lão ở Trung Hoa ngày xưa gồm nhiều phái, trong đó có một phái gọi là Thần Tiên Đan Đỉnh, chủ trương dùng một số dược liệu để nấu thuốc trường sinh bất tử, trong đó có một thứ đá cát màu đỏ gọi là chu sa hay thần sa. Tuy nhiên, nhiều đạo sĩ và hoàng đế các đời Tần, Hán, Đường... uống loại kim đơn này, chẳng những không được trường sinh bất tử mà còn bị ngộ độc, hóa điên hóa dại, bởi lẽ chu sa là một hợp chất chứa thủy ngân và lưu huỳnh là hai chất độc, dùng lâu ngày sẽ hóa ra si ngốc.[1]

Các nữ hoàng, hoàng hậu thời xa xưa cũng luôn tìm kiếm

[1] Theo Lê Anh Dũng, *Tìm Hiểu Kinh Cúng Tứ Thời*. Huế: Nxb Thuận Hóa, 1995, tr. 82-83.

hoặc được các ngự y cung cấp các loại thảo dược quý trong thiên nhiên để duy trì vẻ đẹp Trời cho và kéo dài tuổi thanh xuân. Ngày nay, các thẩm mỹ viện được mở ra ngày càng nhiều để phục vụ cho nhu cầu làm đẹp của con người, không chỉ dành riêng cho nữ mà luôn cả nam. Tuy nhiên, đã có không ít trường hợp những người ra khỏi thẩm mỹ viện với khuôn mặt dị dạng hoặc bị những di chứng tai hại về sau hay thậm chí còn bị mất mạng nữa.

Với sự tiến bộ vượt bậc của y học hiện đại, người ta đã chế tạo ra đủ các loại thuốc chữa bệnh, thuốc bổ và thực phẩm chức năng để giúp con người sống thọ, ít bệnh, lâu già. Đặc biệt là các thực phẩm chức năng được chế tạo từ các loại thảo dược, rau củ quả trong thiên nhiên đã trở nên rất thịnh hành với giá bán rất đắt. Trên Internet có một tài liệu khá thú vị nói về ích lợi dinh dưỡng của các loại rau củ quả có hình dạng giống các cơ quan trong cơ thể người. Tài liệu viết:

Thiên nhiên là một nhà thuốc kỳ diệu của Thượng Đế. Khi tạo ra các thực phẩm cần thiết như trái cây, rau củ... Thượng Đế đã để những dấu hiệu trên các loại đó, giúp con người nhận biết loại nào ích lợi cho cơ quan nào trong cơ thể.

- Quả cà chua cắt ngang cho thấy nhiều khoang gần giống cấu trúc trái tim. Theo y học, cà chua chứa nhiều Lycopene và là thực phẩm tốt cho trái tim và máu huyết.

- Hạt óc chó (walnut) *trông rất giống não người với hai bán cầu trái và phải, vỏ não và tiểu não. Ngay cả các nếp nhăn hay nếp gấp trên hạt óc chó cũng giống với phần vỏ não. Theo y học, hạt óc chó giúp phát triển hơn ba mươi tế bào thần kinh vận động cho hoạt động của bộ não.*

- Hạt đậu đỏ (dark red kidney bean) *có hình dáng của quả thận. Theo y học, loại đậu này bồi bổ cho thận.*

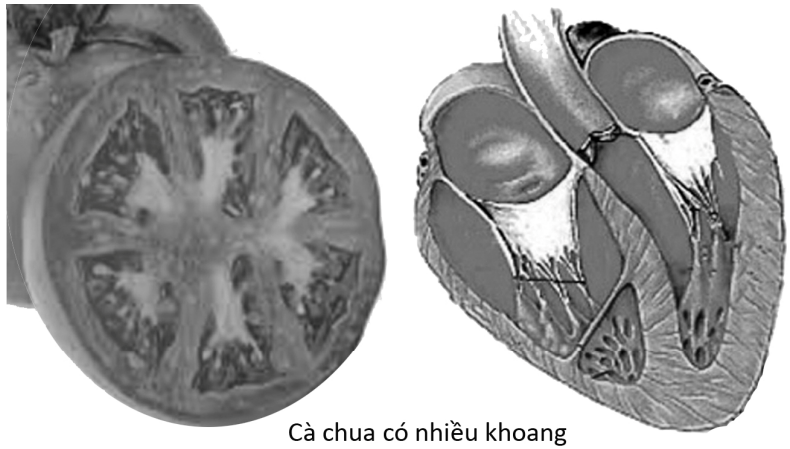

Cà chua có nhiều khoang
gần giống cấu trúc trái tim.

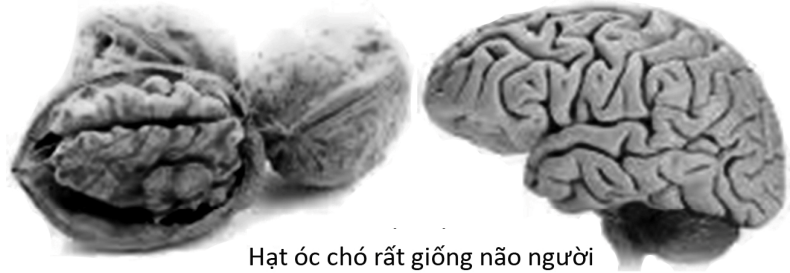

Hạt óc chó rất giống não người

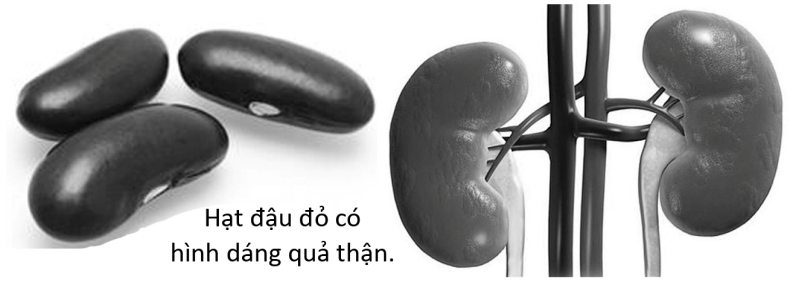

Hạt đậu đỏ có
hình dáng quả thận.

- Một khoanh cà rốt cắt lát trông giống với mắt người, con ngươi và tròng đen mắt. Các đường lan tỏa từ tâm trông giống với cơ quan thị giác. Theo y học, cà rốt cải thiện rất nhiều sự lưu thông máu huyết và thị lực.

- Các quả nho treo lủng lẳng thành từng chùm có hình dạng của trái tim. Mỗi trái nho trông giống như một huyết cầu. Theo y học, nho là thực phẩm tốt cho máu huyết và giúp trái tim mạnh khỏe.

- Cần tây chứa nhiều can-xi và ma-nhê, rất có ích cho quá trình tạo xương và giúp các khớp khỏe mạnh.

Bác sĩ Trần Bửu Long (một nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo) cho biết thêm:

- Màu vỏ chuối chín khá giống da người, khi chuối để lâu, vỏ chuối cũng "trổ đồi mồi" y như da người. Và chuối là liều thuốc bổ vô cùng cho da và gan. Bước vào Khoa Viêm Gan ở bệnh viện Nhiệt Đới thường thấy mỗi đầu giường bệnh nhân đều treo một nải chuối sứ. Nhiều bệnh nhân điều trị mụn khắp nơi không hết, về ăn chuối ròng rã trên sáu tháng (mỗi ngày khoảng bốn trái), da mặt liền lạc như mới.

- Đu đủ xẻ ra nhìn y hệt hình ảnh đường tiêu hóa theo góc nhìn máy nội soi. Những bệnh lý tiêu hóa như đẹn miệng, nóng rát hậu môn, trĩ... nếu dùng khoảng nửa trái đu đủ mỗi ngày sẽ hết rất nhanh.

- Rau tần dày lá có những lông tơ nhỏ trên lá y hệt như lòng phế quản có những lông tơ giống vậy để đẩy đàm nhớt ra ngoài. Do đó, rau tần dày lá trị ho rất hay nhờ kích thích phế quản.

Vậy, chúng ta thấy, nếu con người có được những kiến thức về "nhà thuốc thiên nhiên của Tạo Hóa", duy trì một chế độ dinh dưỡng khoa học, hợp vệ sinh, và nhất là nếu biết ăn chay trường đúng cách thì đó là một trong những yếu tố giúp duy trì sức khỏe và sắc đẹp của con người. Tuy nhiên, thực phẩm hay thuốc men đắt tiền không phải là yếu tố quyết định, bởi lẽ con người ngày nay đang có thêm nhiều chứng bệnh mới mà y học chưa tìm ra phương cách chữa trị.

Có thể nói, vị thuốc tiên giúp con người mạnh khỏe, ít bệnh, lâu già, và xinh đẹp không nằm bên ngoài cơ thể con người; vị thuốc tiên ấy được bào chế và sản xuất ngay trong thân thể hay nội tâm của chúng ta. Mỗi người đều có thể tự bào chế cho mình vị thuốc tiên này.

Kinh *Tương Ưng Bộ*, Tập 1, Chương 1, Phẩm 1 (Cây Lau) chép rằng thuở Đức Phật ở thành Xá Vệ, vườn ông Cấp Cô Độc, có một vị *deva* (thiên thần) không hiểu vì sao các tỳ kheo tu hành kham khổ trong rừng núi, ngày chỉ ăn một buổi rau tương đạm bạc, thế mà sắc mặt các vị đẹp lạ thường (*thù diệu*). Bởi vậy, vị *deva* đến hỏi Đức Phật:

Thường sống trong rừng núi
Bậc Thánh sống phạm hạnh
Một ngày ăn một buổi
Sao sắc họ thù diệu?

Đức Phật đáp:

Không than việc đã qua
Không mong việc sắp tới
Sống ngay với hiện tại
Do vậy, sắc thù diệu.

Do mong việc sắp tới
Do than việc đã qua
Nên kẻ ngu héo mòn
Như lau xanh rời cành.[2]

Lời Đức Phật dạy cho thấy ảnh hưởng mạnh mẽ của nội tâm đối với sức khỏe và sắc diện của con người. Nếu con người hiểu rõ lẽ vô thường của cuộc đời, tâm được an nhiên thanh tịnh, không tiếc nuối chuyện đã qua, không mong vọng chuyện sắp đến, sống tỉnh giác và an lạc trong hiện tại trước mọi biến thiên của ngoại cảnh, không tham dục, không lo lắng tính toan thì sẽ có được một sắc diện thù diệu và tất nhiên, một sức khỏe khang kiện.

Bởi vậy, Chúa Giê Su cũng dạy con người đừng lo lắng:

Còn về áo mặc cũng thế, lo lắng làm gì? Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế nào mà rút ra bài học: Chúng không làm lụng, không kéo sợi; thế mà, Thầy bảo cho anh em biết: ngay cả vua Salômôn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy. Vậy, nếu hoa cỏ ngoài đồng, nay còn, mai đã quẳng vào lò, mà Thiên Chúa còn mặc đẹp cho như thế, thì huống hồ là anh em… (*Matthêu* 6:28-30)

Có thể nói cách sống của mỗi người sẽ quyết định tình trạng sức khỏe, tuổi thọ và vẻ đẹp của mình.

Tám tháng sau khi biết mình bị ung thư phổi, ngày 24-11-2011, bác sĩ Richard Teo Keng Siang (1972-2012) có buổi nói chuyện với các sinh viên trường Đại Học Nha Khoa

[2] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.
https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tuongungbo/tu1-01.htm

Singapore. Ông là một bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ, rất ham sống, ham làm việc và ham làm giàu. Năm bốn mươi tuổi, ông đã trở thành một nhà triệu phú.

Ông tâm sự rằng lúc nhỏ ông lớn lên trong một gia đình có mức sống dưới mức trung bình và được mọi người dạy rằng thành công thì hạnh phúc. Thành công có nghĩa là giàu có. Với suy nghĩ này, ông trở nên cực kỳ ganh đua ngay từ nhỏ.

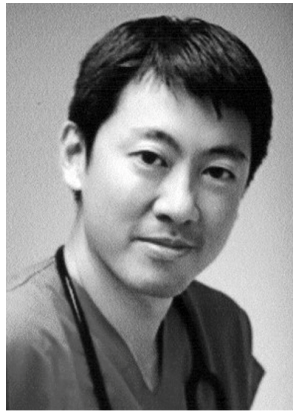
Richard Teo Keng Siang

Ông muốn mình phải thành công trong mọi lĩnh vực, từ các hoạt động tập thể đến chạy đua, ông quyết tâm phải đoạt được giải. Ông vào trường y và trở thành bác sĩ. Trong ngành y, phẫu thuật mắt là một trong các chuyên khoa khó vào, nhưng ông vẫn vào được và lãnh học bổng nghiên cứu của trường Đại Học Quốc Gia Singapore (NUS) về phát triển tia laser để chữa bệnh mắt.

Trong khi nghiên cứu, ông có hai bằng phát minh, một về dụng cụ y khoa và một về tia laser. Nhưng ông cho rằng tất cả các thành tựu này không mang lại cho ông sự giàu có. Vì vậy, ông quyết định bỏ ngành phẫu thuật mắt giữa chừng và nhảy qua mở trung tâm phẫu thuật thẩm mỹ, bởi lẽ một người có thể không vui vẻ khi trả hai mươi đô la Mỹ để khám sức khỏe tổng quát, nhưng cũng chính người đó không ngần ngại trả mười ngàn hay mười lăm ngàn đô la Mỹ để được giải phẫu thẩm mỹ. Do vậy, thay vì chữa bệnh, ông quyết định trở thành bác sĩ sửa sắc đẹp.

Công việc làm ăn rất phát đạt. Chỉ trong vòng một năm, ông đã trở thành triệu phú. Ông bảo: *Nhưng chẳng thế nào là đủ. Bởi vì càng tích tụ, càng có nhiều, tôi lại muốn nhiều hơn. Càng ham muốn, tôi càng trở nên mê muội. Tôi trở nên mê muội đến nỗi mà chẳng còn việc gì quan trọng đối với tôi nữa. Bệnh nhân chỉ là một nguồn lợi tức và tôi vắt cạn từng xu của họ. Nhiều khi chúng ta quên đi mình cần phục vụ ai. Chúng ta lầm lạc đến nỗi chẳng phục vụ ai cả ngoài chính mình. Chúng ta đánh mất lương tâm vì chúng ta chỉ muốn kiếm tiền.*

Ông bắt đầu khuếch trương tới Indonesia, thu hút các "thái thái" (các bà mệnh phụ nhiều tiền), những người muốn có cuộc phẫu thuật trong chớp mắt. Cuộc đời ông phất lên như diều gặp gió. Với cả đống tiền dư thừa, ông mặc sức sắm xe đua đắt tiền, rồi mua biệt thự, xây nhà nghỉ mát. Ông nghĩ rằng cần phải hòa nhập với những người giàu có, nổi tiếng, giao tiếp với hoa hậu thế giới hay người sáng lập mạng Internet, ăn uống ở những nhà hàng sang trọng nhất.

Ông đã có được mọi thứ trong cuộc sống, lên đến tột đỉnh của sự nghiệp và tất cả. Ông nghĩ mình đã chế ngự được mọi chuyện và đạt đến đỉnh vinh quang. Ông tâm sự: *Nhưng tôi đã lầm. Tôi không chế ngự được mọi chuyện.* Giữa lúc ông đang ở trên tột đỉnh của giàu sang và danh vọng thì ông phát hiện ra mình bị ung thư phổi giai đoạn cuối với hàng chục ngàn nang ung thư trong buồng phổi. Ông được cho biết, ngay cả với hóa trị, ông cũng chỉ còn sống được tối đa ba hay bốn tháng. Ông chán nản, tuyệt vọng.

Ông nói: *Điều mâu thuẫn là, mọi thứ tôi có được – sự thành công, cúp thưởng, xe cộ, nhà cửa – tất cả những thứ mà tôi nghĩ đã mang hạnh phúc đến cho tôi, đến khi tôi xuống tinh thần, tuyệt vọng, chúng đều không mang lại cho tôi niềm vui. Tôi chẳng thể ôm chiếc Ferrari mà ngủ. Chuyện đó không thể xảy ra. Chúng không mang lại một an ủi nào trong những tháng cuối cùng của cuộc đời tôi. Vậy mà tôi đã tưởng những thứ này là hạnh phúc; không phải vậy. Điều thật sự mang lại cho tôi niềm vui trong mười tháng cuối cùng là tiếp xúc với người thân, bạn bè, những người chân thành chăm sóc tôi, cười và khóc cùng tôi. Họ có thể nhìn thấy sự đau đớn, chịu đựng mà tôi phải trải qua. Điều này mới thật sự mang lại hạnh phúc cho tôi.*

Đến lúc ấy, ông mới thật sự hiểu được giá trị tinh thần của sự đồng cảm, an ủi, sẻ chia với người đang đau khổ. Ông nói: *Tôi được huấn luyện thành bác sĩ để có từ tâm, đồng cảm. Nhưng tôi đã không có.* Khi còn làm bác sĩ ở khoa ung thư của một bệnh viện, ông đã làm công việc của người bác sĩ như một cái máy, thờ ơ lãnh đạm trước nỗi đau tột cùng của bệnh nhân ung thư giai đoạn cuối. Đến khi trở thành bệnh nhân, ông mới thực sự hiểu được cảm giác của họ. Ông nói với sinh viên: *Nếu các anh chị hỏi tôi, nếu được làm lại cuộc đời, tôi có muốn thành một người bác sĩ khác không. Tôi sẽ trả lời các anh chị là có. Vì bây giờ tôi thật sự hiểu được họ. Tôi phải trả giá đắt cho bài học này*.

Và cũng đến lúc ấy, ông mới thực sự hiểu được hành động của cô bạn thân Jennifer trong những lần họ cùng nhau thả bộ: Mỗi khi nhìn thấy một con ốc sên trên đường, cô liền cúi xuống nhặt nó lên và đặt vào trong thảm cỏ. Trước kia ông cứ mãi thắc mắc vì sao cô lại làm như thế, chỉ bẩn tay; nhưng bây giờ thì ông đã hiểu được rằng cô bạn của ông có được lòng thương cảm ngay cả với những con ốc sên, sợ chúng bị

những bàn chân vô tình giẫm nát.

Ông nói: *Và bây giờ, với chút năng lực còn lại, tôi tìm đến các bệnh nhân ung thư khác vì tôi thật sự hiểu được họ đau đớn, chịu đựng như thế nào. Hơi muộn màng và ít ỏi!*

Ông nhắn nhủ các sinh viên: *Những con người đau khổ trên thế gian này có thật và có rất nhiều. Chỉ vì chúng ta làm lơ hoặc không muốn biết đến sự hiện hữu của họ. Do đó đừng quên, khi các anh chị được thành danh, hãy đưa tay đến với những người cần được giúp đỡ. Bất cứ việc gì các anh chị làm đều có ý nghĩa lớn cho họ. Mọi người đều biết rằng sẽ có ngày phải chết, chúng ta ai cũng biết như vậy. (…) Thật nghịch lý rằng, chỉ khi sắp chết thì mình mới biết nên sống như thế nào. (…) Hạnh phúc thật sự không có được khi chỉ sống cho riêng mình. Đừng giống như tôi. Tôi không còn cách nào khác và đã phải trả giá đắt cho bài học này.*

Câu chuyện của bác sĩ Richard Teo Keng Siang cho chúng ta thấy rằng cuộc sống giàu sang tột đỉnh vẫn không thể mang lại cho con người sức khỏe và tuổi thọ. Chỉ khi biết sống với tấm lòng vị tha, mang đến cho người khác điều tốt đẹp thì ta mới có hạnh phúc thật sự, và hạnh phúc đó mới là vị thuốc tiên giúp cho ta sống vui, sống khỏe và có một sắc đẹp thù diệu thanh thoát. Mỗi khi chúng ta làm được một việc thiện mang lại hạnh phúc cho người khác, lòng ta cảm thấy hân hoan. Niềm hân hoan ấy là một liều thuốc bổ giúp cơ thể được sảng khoái, nhẹ nhàng thơ thới, giúp chúng ta luôn tươi trẻ và đẩy lùi nhiều bệnh tật. Trên thực tế, có nhiều vị nữ tín hữu, sau một thời gian tu tập thực hành công quả công phu thì diện mạo trở nên xinh đẹp hẳn ra.

Ngoài ra, dân gian thường bảo: Một nụ cười hơn mười

thang thuốc bổ. Do đó, những ai luôn vui vẻ nở nụ cười tươi tắn với người khác thì thường trẻ lâu, còn những người lúc nào mặt mày cũng nhăn nhó, cáu gắt sẽ mau già sớm.

Trong đạo Cao Đài, truyền tụng nhiều giai thoại về thuốc tiên. Đây là chuyện thuở mới khai đạo:

Tại vùng nọ, có một ông bị chứng đau bụng lâu ngày. Đã đi nhiều thầy, chạy chữa nhiều nơi vẫn không hết.

Khi ấy phong trào cầu cơ Cao Đài đang phát triển. Nghe nói lắm khi Thiêng Liêng ban cho các toa thuốc rất linh nghiệm. Người phàm đã trị không hết thì xin thuốc của Thần Tiên vậy. Thế là ông liên lạc với một người bạn tín đồ Cao Đài để xin được hầu đàn cơ. Chứng lòng thành kính của ông, Ơn Trên điểm danh và cho một bài thuốc, đồng thời dạy người con ra tiệm thuốc bắc mua đem về sắc ngay, và cho uống liền tại chỗ. Trong lúc ông chờ đợi, đàn cơ vẫn tiếp tục dạy các người khác.

Có ai đó nắm lưng áo giật giật. Ông quay lại, thì ra một người quen vốn cũng biết về thuốc. Người ấy kề tai ông nói nhỏ: "Toa này thuốc độc không hà, đừng uống!"

Thoáng suy nghĩ vài giây, người bệnh trả lời: "Đã chạy hết thầy hết thuốc rồi mà không khỏi. Nay bề trên chữa trị thì cứ uống. Có gì theo bề trên luôn cũng được."

Thuốc đã sắc xong, ông vội uống ngay. Đàn vẫn đang còn. Mười phút sau, Ơn Trên dạy: "Lấy lông gà ngoáy trong họng cho mửa." Ra ngoài sân làm theo lời dạy, ông mửa ra con gì như con sên. Từ đó hết bệnh luôn.[3]

[3] Giáo Hữu Ngọc Tâm Thanh, *Bồi Dưỡng Đức Tin*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 104-105. (Quyển 8-2 trong Chương Trình

Trong giai đoạn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam được lập thành, hàng Thiên ân sứ mạng luôn được Ơn Trên ưu ái, ban thuốc chữa bệnh để lo hành đạo giúp đời.

Tại Thiên Lý Đàn (quận 3, Sài Gòn) ngày 20-10 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 29-11-1969), sau khi dạy xong hai phần đạo pháp và hành sự, Đức Tôn Sư Đông Phương Chưởng Quản từ giã:

Giã chư đệ muội trần hồng
Ráng lo tu học, non Bồng ta lui.

Ngay lúc đó, đạo trưởng Đạt Minh (Nội Chánh Vụ Trưởng) liền quỳ lên, bạch xin thuốc cho đạo trưởng Chí Tín (Phó Tổng Thơ Ký) và đạo tỷ Bạch Hảo.[4] Đức Tôn Sư dạy:

Bần Đạo vẫn nhớ, nào có quên đâu hiền đệ! Bần Đạo giúp một phương tiện trong tình sư đệ mà thôi. Về nghiệp quả, muốn cho sớm dứt cũng phải một thời gian tu luyện mới có thể dứt đặng. Đây hiền đệ đến trước Thiên Bàn đem ba loại hoa đang chưng trên bàn, mỗi thứ hai cái, để vào dĩa đem đến đây, Bần Đạo ban ân cho:

THI

Tam sắc huê khai chuyển pháp luân
Độ nhơn giải thoát nghiệp hồng trần

Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

[4] Đạo trưởng Đạt Minh, thế danh Lê Văn Non (1913-1985), đắc quả Quang Minh Huệ Tiên. Đạo trưởng Chí Tín, thế danh Lê Văn Bá (1918-2008), là bào đệ tiền bối Lê Văn Non. Đạo tỷ Bạch Hảo, thế danh Nguyễn Thị Tơ (1915-2010), là hiền nội tiền bối Lê Văn Non. Năm 1974 đạo tỷ thọ Thiên ân là Cố Vấn Ban Chấp Hành Nữ Chung Hòa trong Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Đái công thục tội [5] *hành chơn đạo*
Nhứt điểm linh quang nhứt điểm thần.

Hiền đệ đem về sao khô, hiệp chung lại, dùng nước trong tịnh thủy bình tại Thiên Bàn, lường ba chung đổ vào một chén, phân số hoa này ra làm ba lần, để vào nước chưng cách thủy, thành tâm khẩn nguyện, uống đúng vào giờ Tý và giờ Ngọ, trường phục [6] *như vậy trong tam nhựt.*

Về phần đạo tỷ Bạch Hảo, Đức Tôn Sư dạy:

Hiền đệ dùng ba thứ hoa này, làm đúng lời dạy trước, song phải thêm vào mỗi lần là một chỉ Tục Đoan, một chỉ Linh Tiên, hiệp với hoa mà chưng cách thủy và uống đúng vào giờ Dậu, giờ Mẹo, y như vậy trong tam nhựt. Đó là phương tiện giúp đỡ của Bần Đạo đối với hiền đệ Phó Tổng Thơ Ký và hiền muội Nữ Chung Hòa.

Một lần khác, đạo trưởng Huệ Lương (Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam) xin Đức Tôn Sư ban thuốc chữa bệnh cho đạo tỷ Bạch Tuyết trong bộ phận Hiệp Thiên Đài.[7] Đức Tôn Sư dạy:

Cười… Bần Đạo chỉ đem pháp nhiệm cứu rỗi phần linh hồn, chớ có phải thầy thuốc ở đâu mà chư hiền đệ cứ xin thuốc mãi.

[5] *Đái công thục tội*: Đem công lao đội lên đầu để dâng lên bề trên xin chuộc lại tội lỗi đã gây.

[6] *Trường phục trong tam nhựt*: Uống thuốc liên tục trong ba ngày.

[7] Đạo trưởng Huệ Lương, thế danh Trần Văn Quế (1902-1980), đắc quả Quảng Đức Chơn Tiên (1981). Đạo tỷ Bạch Tuyết, thế danh Lê Ngọc Trang (1918-1986) là ái nữ tiền khai Ngọc Lịch Nguyệt (Lê Văn Lịch, 1890-1947). Đạo tỷ Bạch Tuyết đắc quả Quán Pháp Chơn Tiên (1986).

Thôi, hiền đệ! Bần Đạo cũng cảm thương lòng khẩn vái của các thanh thiếu niên mà ban ơn cho. Hiền đệ an lòng. Sau sẽ rõ. Đó là một sự vay trả đấy.[8]

Qua lời dạy của các Đấng, chúng ta thấy rằng con người bị bệnh là cũng do nghiệp chướng mà mình đã gây tạo, do đó Thiêng Liêng ban thuốc tiên cũng chỉ có thể hộ trợ một phần mà thôi, điều chính yếu là chúng ta phải tự lo tu hành, làm công quả phước thiện để tự mình giải trừ nghiệp chướng bản thân. Vậy, cũng có thể nói, công quả là thuốc tiên để chữa bệnh nghiệp cho mỗi người. Thuốc này do mỗi người tự bào chế lấy.

Một trường hợp đặc biệt hơn nữa là trường hợp của đạo trưởng Định Pháp Minh Thiện.[9] Vào năm 1972, đạo trưởng bệnh nhiều. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư giáng đàn tại Minh Lý Thánh Hội và dạy:

Về bịnh trạng và sức khỏe của đạo hữu Định Pháp Minh Thiện, tuy biết rằng vạn vật hữu sinh hữu diệt, hữu hình hữu hoại, mỗi mỗi đều bị chi phối của luật sinh trưởng thâu tàng. Nhưng vì trách vụ đặc biệt của Minh Thiện trong giai đoạn hiện tại hiếm có người thay thế. Vì thế Thượng Đế đặc ân chấp thuận cho Định Pháp được gia tăng tuổi thọ. (...)

Sau khi xả đàn, chư đạo hữu có thời cầu kinh cho Định Pháp. Sau thời kinh ấy sẽ tái lập đàn cơ do Liên Hoa phụ trách để Lữ Tổ Thuần Dương đến xem mạch cho toa Định Pháp nghe chư đạo hữu.[10]

Đây là việc hy hữu xưa nay chưa từng thấy: Thần Tiên bắt mạch và cho toa trị bệnh người dương thế.

Trong thánh giáo Cao Đài, các Đấng thiêng liêng từng dạy chúng ta các bài thuốc tiên, chính là các bí quyết để con người có được một sức khỏe khang kiện và một sắc đẹp thù diệu. Các bí quyết đó như sau:

1. Muốn có một sắc diện bên ngoài tươi đẹp thì phải giữ cho thân không bệnh, bởi lẽ thân không bệnh thì sắc diện bên ngoài mới hồng hào tươi tắn.

Muốn cho thân không bệnh phải bảo toàn tam bửu (Tinh, Khí, Thần), giữ tâm an định, không để cho thất tình lục dục làm xáo động, như lời Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên dạy:

Luyện ba báu công phu trước nhứt
Diệt phàm tâm đức hạnh giồi trau
Đừng cho thần tán khí hao
Thất tình lục dục đón rào cho an.

Hay giận dỗi thương can tổn mộc
Quá mừng vui hỏa đốt tâm suy
Buồn thương rất hại thổ tỳ
Lo nhiều lao tổn ích gì hành kim.

Hay sợ sệt thân hình tiều tụy
Ngũ tạng suy thần khí khó tu

[8] Thiên Lý Đàn, 28-5 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 12-7-1969).

[9] Đạo trưởng Minh Thiện, thế danh Tôn Văn Khuê, tên trong giấy tờ ghi Nguyễn Văn Miết (1897-1972), là Tổng Lý của Minh Lý Thánh Hội, đắc quả Bác Nhã Thiền Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát (1973).

[10] Minh Lý Thánh Hội, 06-10 Nhâm Tý (Thứ Bảy 11-11-1972).

Người tu nên nhớ dặn lòng
Như như mặc mặc luyện công mới thành.[11]

Đức Chí Tôn dạy:

Như con người lo lắng vọng tưởng điều này sự nọ thì hao Thần (linh hồn), còn ham muốn mơ mộng phú quý vinh hoa thì tán Khí; bằng say đắm mê sa tình trường dục hải thì tổn Tinh.

Hễ tam bửu hao mòn thì nào khác chi ngọn đèn tàn, dầu hao tim lụn, leo lét canh khuya, khi mờ khi tỏ, tất nhiên một hồi phải tắt ngay. Vả như tam bửu hư hoại thì tự nhiên ngũ hành, ngũ tạng cũng phải xiêu bè suy nhược theo nhau.[12]

Đức Thái Thượng Đạo Tổ khuyên dạy người tu chúng ta mười điều nên tránh để giữ gìn thân thể được mạnh lành:

Tu trau phần xác phần hồn
Xác được thanh khiết thì hồn thanh cao
Mười điều tổn hại dạy trao
Nhớ ghi, hành đúng, chớ xao lãng lòng.

1. Đi nhiều tổn hại gân trong
2. Đứng nhiều tổn hại bộ xương bội phần
3. Ngồi nhiều tổn hại huyết lần
4. Ngủ nhiều tổn mạch, hại Thần cơ linh
5. Nghe nhiều tổn hại đến Tinh
6. Xem nhiều tổn hại trong mình Thần hao
7. Nói nhiều tổn Khí càng lao

[11] Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 24-02 Quý Sửu (Thứ Tư 28-3-1973).

[12] *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 11-8 Bính Tý (1936).

8. Lo nhiều tổn hại tâm bào, tâm trung
9. Ăn nhiều tổn hại tỳ cung
10. Dâm nhiều tổn hại vô cùng mạng linh.[13]

2. Muốn có được một sức khỏe mạnh lành, diện mạo hân hoan, nhân từ, khả ái thì phải luyện một tâm hồn thanh cao, thánh thiện, từ ái và an định bởi lẽ vẻ đẹp bên ngoài được toát ra từ bên trong. Có bài thơ nói về điều ấy như sau:

Khi tâm được viên thông thánh thiện
Thì nơi người phát hiện hào quang
Dáng đi tướng đứng dịu dàng
Thần hình, diện mạo hân hoan nhân từ.

Một lời nói giống như giáo hóa
Một cái nhìn chứa cả tình thương
Tác phong đạo hạnh khiêm nhường
Từ bi bác ái thường thường hiện ra.

Nét khiêm tốn ôn hòa phúc hậu
Nét cảm tình thẩm thấu dung nhan
Phát luồng từ điển bình an
Khiến người đối diện hân hoan cảm tình.

Một bài thơ khác:

Thân nhờ có tâm trung mát mẻ
Thì gia tăng sức khỏe dồi dào
Dung nhan diện mạo hồng hào
Ăn ngon ngủ khỏe biết bao mạnh lành.

[13] Tòa Thánh Châu Minh, *Thánh Huấn Hiệp Tuyển*. Quyển I. Bài 113: *Nguơn Thần, Thức Thần*.

Tâm biến động, thân không an định
Đó là mầm bá bịnh phát sanh
Tâm, can, phế, thận bất bình
Táo, hàn, thử, thấp loạn hành hại thân.

Tâm mà được nghĩa nhân quảng đại
Tâm từ bi chan rải muôn phương
Hiện lên diện mạo dễ thương
Thân sanh nhờ đó thọ trường an sinh.

Muốn diện mạo hiền từ, phúc hậu
Thì tánh tâm nung nấu nhơn từ
Bên trong đức hạnh có dư
Bên ngoài đức ấy từ từ hiện ra.

Muốn trường thọ, lâu già lâu chết
Phép dưỡng sinh phải biết giữ gìn
Thì đừng tửu nhục, sát sinh
Nổi sùng, tật đố, thất tình, lo âu.[14]

3. Muốn nhơn thân ít bệnh lâu già, sống tăng tuổi thọ thì phải thực hành công phu, tham thiền tịnh định. Đó là phương pháp dưỡng sinh tuyệt diệu nhất.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

Cái thân tứ đại ở trong đời
Ma bịnh triền miên đệ muội ơi!
Muốn có thuốc thần trừ chướng ngại
Giữ gìn đều đặn lửa lò Trời.[15]

[14] Có tài liệu ghi rằng đây là lời dạy của Đức Phổ Hiền Bồ Tát.

[15] Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-10 Canh Tuất (Thứ Sáu 13-11-1970).

Bài thơ này nói về ích lợi của tham thiền hấp khí:

Biết hô hấp còn hơn dùng thuốc
Vận khí công là nước ma ha
Nhơn thân ít bịnh, lâu già
Nhục thân khương kiện, thịt da hồng hào.

Khí bồi dưỡng tế bào non trẻ
Khí châu lưu sức khỏe kiện cường
Khí Thần vốn thiệt âm dương
Âm dương hiệp nhứt là huờn chánh trung.

Hạo nhiên khí khởi tùng nơi đó
Khí hư vô chính nó chớ ai
Tiên thiên khí cũng là đây
Nhiếp thâu khí ấy là bài trường sinh.[16]

Tịnh tứ thời giúp bồi dưỡng ngũ tạng hầu sống lâu tăng tuổi thọ. Đạo trưởng Huệ Chơn [17] có chép đoạn thơ như sau:

Siêng thiền định công phu bốn buổi
Bồi dưỡng thân, thêm tuổi trường sinh
Mẹo thời bồi Mộc, Can sinh
Ngọ thời bồi Hỏa, Tâm linh chơn thần.
Dậu thời bổ Kim Thân Phế khí
Thận Thủy nhờ thời Tý mà sung
Tứ thời thiền định thung dung
Dưỡng bồi Tỳ Thổ, chánh trung Kỷ Mồ.

[16] Có tài liệu ghi rằng đây là lời dạy của Đức Trần Đoàn Lão Tổ.

[17] Nguyên Phụ Tá Bảo Pháp Chơn Quân của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, tạ thế năm 2015.

Giải thích nguyên lý quân bình âm dương trong người và âm dương ngoài trời đất, và nói về ích lợi của việc thực hành đạo pháp nhằm duy trì sự quân bình đó làm cho thân thể khỏe mạnh, không bịnh hoạn, Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy:

Về y lý, vật lý, sự lý, nếu bên trong bên ngoài mà mất quân bình thì sinh ra bịnh tật và biến sanh đủ thứ kinh dị, nên cần sự quân bình để làm cho an thái nội tâm, an hòa vũ trụ.

Theo y lý thì âm dương trong người và âm dương ngoài trời đất, hai bên tương trợ lẫn nhau. Mỗi khi trong người chánh khí suy yếu thì tà khí ngoài trời đất xâm nhập mà gây nên bịnh hoạn. Chủ khí mạnh thì khách khí không làm hại được, hoặc chủ khách giao hỗ tương thân thì tinh thần khỏe mạnh.

Đạo pháp cũng thế. Đó là bước đầu của kẻ hành giả làm cho hô hấp điều hòa, tâm thần thơ sướng, thì chánh khí phát vượng, nên mới bày phép khai thông bát mạch, làm cho kinh lạc dinh vệ, tạng phủ không chỗ nào còn ngưng trệ bế ngăn. Ngồi tịnh an hòa thông sướng, đã thông hòa thì huệ tâm hiển lộ, ngồi một giờ muốn ngồi hai ba giờ. Vào tịnh cũng như thưởng cảnh xuân quang.[18]

*

Muốn được trường thọ, lâu già, ít bệnh và có được một sắc đẹp thù diệu, con người không cần phải tốn tiền tìm kiếm các loại thần dược đắt tiền mà chỉ cần quay về với nội tâm thanh tịnh, không tự giày vò than trách với chuyện quá khứ, cũng không vọng tưởng trông đợi chuyện tương lai, sống một cuộc sống an nhiên tự tại, biết đủ, không bon chen giựt giành, không tham vọng lo lắng tính toan, không sân giận hay si mê luyến ái, biết tu tập, trau dồi đạo hạnh, luôn mở rộng lòng thương yêu mang lại niềm vui và niềm hạnh phúc cho vạn loại chúng sinh, thực hành công phu thiền định, thì tự khắc sẽ có được một liều thuốc tiên trong nội tâm, giúp cho con người đẩy lùi nhiều bệnh tật, an khang, trường thọ, sắc diện tươi trẻ đẹp xinh.

Người tu có được một sức khỏe khang kiện hay một sắc diện thù diệu không phải để tận hưởng những thú vui trần tục nơi cõi tạm này mà đó chính là điều kiện tốt để người tu có thể góp phần tích cực và hữu hiệu hơn vào công cuộc phổ tế cứu độ quần sanh trong cơ đại xá kỳ Ba của Đức Thượng Đế đúng theo lời Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy:

Tu luyện để có bửu bối giúp cho trí tuệ minh mẫn, tâm thần sáng suốt để giải quyết mọi vấn đề, hành đạo cho đúng Thiên lý. Tu luyện để diện mạo được từ ái khôi ngô, tướng đi đứng nằm ngồi thể hiện ra người có hạnh, trang nghiêm từ ái khiêm tốn để gây thiện cảm lòng tin với mọi người, mà đó cũng là sức hút của nam châm do các điều kiện ấy tạo nên.

Xuyên qua cái lý đó, chư hiền đệ thấy rằng các Đấng không chỉ khuyên tu để thành Phật Thánh Tiên mà phải tạo điều kiện để trợ duyên cho công cuộc thế Thiên hành đạo, phổ truyền giáo lý cứu độ nhơn sanh.[19]

[18] Minh Lý Thánh Hội, 10-11 Bính Thìn (Thứ Năm 30-12-1976).

[19] Thiên Lý Đàn, 06-3 Canh Tuất (Thứ Bảy 11-4-1970).

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

Liên kết Nxb Tôn Giáo (Hà Nội) và Nxb Hồng Đức (Hà Nội) từ tháng 6-2008.

Các sách in lần đầu hay tái bản trong ba năm 2016-2018:

14-4. ĐẠO ÁO TRẮNG. Phạm Văn Liêm, 2009, 2010, 2016.
36-2. ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO. Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011, 2016.
52-3. TU CỨU CỬU HUYỀN THẤT TỔ. Huệ Khải, 2012, 2013, 2017.
67-2. ƠN CỨU ĐỘ. Diệu Nguyên, 2013, 2016.
77-2. THIÊN BÀN TẠI NHÀ / *The God's Altar at Home*. Huệ Khải, 2014, 2017.
92-1. HỒNG ÂN TẬN ĐỘ. Phạm Văn Liêm, 2016.
93-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: THỜI TIỀM ẨN 1920-1926 / *A Concise Caodai History: The Earliest Beginnings 1920-1926*. Huệ Khải, 2017.
95-1. HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG 1881-1951. Huệ Khải, 2016.
99-1. *TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA* VỚI TÂM TÌNH MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / Nostra Aetate *in a Caodai Believer's Sentiment*. Huệ Khải, 2016.
100-1. ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO. Huệ Khải, 2016.
101-1. GIỮ LỬA CHO NHAU. Huệ Khải, 2016. / 102-1. ĐƯỜNG VỀ THẦY. Đức Thuần, 2017.
103-1. HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI LÊ VĂN TRUNG 1876-1934. Huệ Khải, 2017.
104-1. MỎNG CÁNH CHUỒN CHUỒN. Trần Dã Sơn (thơ), 2017.
105-1. SỐNG ĐẸP LÀ SỐNG ĐẠO. Huệ Khải, 2017.
106-1. MỎNG MẢNH TƠ TRỜI. Huệ Khải, 2017. / 107-1. CAO CAO DÁNG NÚI. Huệ Khải, 2017.
108-1. AI ĐO LÒNG BIỂN. Huệ Khải, 2017. / 109-1. ÁI HOA KHÔNG CÒN NỮA. Lê Anh Minh, 2017.
110-1. MỘT THOÁNG CAO ĐÀI / *Brief Glimpses into Caodaism*. Huệ Khải, 2017.
111-1. TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI / *The Psychology of Caodaists*. Huệ Khải, 2017.
112-1. CÁI ĐẸP THEO MỸ HỌC CAO ĐÀI / *Beauty in Terms of the Caodai Aesthetics*. Huệ Khải, 2017.
113-1. Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI / *The Caodai Ideology*. Huệ Khải, 2017.
114-1. GỞI LẠI CHO ĐỜI. Huệ Khải, 2018.
115-1. CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI. Huệ Khải kết tập, 2018.
116-1. MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO. Huệ Khải, 2018.
117-1. SỰ NGHIỆP TRUNG HƯNG. Phạm Văn Liêm, 2018).
118-1. ĐỌC LẠI *CHUYỆN GIẢI BUỒN*. Huệ Khải, 2018
119-1. PHAN THANH GIẢN XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2018
120-1. ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIAN. Diệu Nguyên, 2018

Ghi chú: **119-1** tức là quyển 119, in lần thứ nhất. **38-9** tức là quyển 38, in lần thứ chín.

* ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN, từ năm 2018 gọi là ĐẠO UYỂN, ba tháng một tập, đã in tập 28.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIAN

Tác giả: DIỆU NGUYÊN

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in: Diệu Nguyên
Trình bày sách & vẽ bìa 1: Ngô Bái Thiên

In 3.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường15, quận Tân Bình, TpHCM.
Điện thoại: 028.38153971 – Fax: 028.38153297.
Số XNĐKXB: 4020-2018/CXBIPH/03-100/HĐ
Số QĐXB của NXB: 1398/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 08-11-2018.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-5780-3